BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

DỰ THẢO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

BẢNG SO SÁNH
LUẬT XUẤT BẢN, NGHỊ ĐỊNH HIỆN HÀNH VÀ DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
LUẬT **XUẤT BẢN** Luật Xuất bản số 19/2012/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2012 của Quốc hội, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2013, được sửa đổi, bổ sung bởi: 1. Luật số 35/2018/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2018 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2019; 2. Luật Quy hoạch số 112/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2026; 3. Luật số 17/2026/QH16 ngày 24 tháng 8 năm 2026 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xuất bản, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2027. Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ	**NGHỊ ĐỊNH** **QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN** Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2014, được sửa đổi, bổ sung bởi: Nghị định số 150/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính trong lĩnh vực thông tin và truyền thông, có hiệu lực kể từ ngày 24 tháng 12 năm 2018; Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp,	**NGHỊ ĐỊNH** **QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN** *Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;* *Căn cứ Luật Xuất bản số 19/2012/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 35/2018/QH14, Luật số 112/2025/QH15 và Luật số 17/2026/QH16;* *Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;* *Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;* *Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản.*

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
nghĩa Việt Nam năm 1992 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 51/2001/QH10; Quốc hội ban hành Luật Xuất bản.	xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2023. Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001; Căn cứ Luật Xuất bản ngày 20 tháng 11 năm 2012; Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông, Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản.	
Chương I **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG** **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh** Luật này quy định về tổ chức và hoạt động xuất bản; quyền và nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia và có liên quan đến hoạt động xuất bản; quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản. Hoạt động xuất bản bao gồm các lĩnh vực xuất bản, in và phát hành xuất bản phẩm.	**Chương I** **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG** **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng** 1. Nghị định này quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xuất bản về trách nhiệm quản lý nhà nước và thực hiện chính sách của Nhà nước đối với hoạt động xuất bản; tổ chức và hoạt động trong các lĩnh vực xuất bản, in, phát hành xuất bản phẩm và xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử. 2. Nghị định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước, tổ chức nước ngoài hoạt	**Chương I** **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG** **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh** 1. Nghị định này quy định chi tiết các điều, khoản, điểm của Luật Xuất bản số 19/2012/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 35/2018/QH14, Luật số 112/2025/QH15 và Luật số 17/2026/QH16 (sau đây gọi là Luật), bao gồm: a) Điểm b khoản 5 Điều 4 về các hình thức điện tử khác của xuất bản phẩm điện tử; b) Khoản 2 Điều 8 về điều kiện thành lập, nội dung hoạt động và thủ tục cấp, cấp lại giấy phép

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
	động trên lãnh thổ Việt Nam, cá nhân nước ngoài cư trú tại Việt Nam có liên quan đến hoạt động xuất bản.	thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài; c) Khoản 3 Điều 13 về trụ sở, nguồn tài chính và các điều kiện cần thiết khác bảo đảm hoạt động của nhà xuất bản; d) Khoản 5 Điều 14 về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép thành lập nhà xuất bản; trình tự, thủ tục, thời hạn đình chỉ hoạt động xuất bản của nhà xuất bản; đ) Khoản 2 Điều 16 về trình tự, thủ tục chấp thuận việc bổ nhiệm tổng giám đốc hoặc giám đốc, phó tổng giám đốc hoặc phó giám đốc, tổng biên tập, phó tổng biên tập nhà xuất bản; e) Điểm b khoản 1 Điều 17 về tiêu chuẩn chính trị, trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ và tiêu chuẩn khác đối với tổng giám đốc hoặc giám đốc, phó tổng giám đốc hoặc phó giám đốc, tổng biên tập, phó tổng biên tập nhà xuất bản; g) Khoản 5 Điều 20 về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi chứng chỉ hành nghề biên tập; h) Khoản 5 Điều 22 về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký, xác nhận đăng ký và điều chỉnh kế hoạch xuất bản;

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
		i) Khoản 5 Điều 23 về liên kết xuất bản; liên kết in, phát hành xuất bản phẩm, cung cấp dịch vụ trung gian phát hành xuất bản phẩm và liên kết phát triển hệ sinh thái xuất bản; k) Khoản 1 Điều 24 về danh mục tác phẩm, tài liệu phải tổ chức thẩm định bản thảo trước khi đăng ký kế hoạch xuất bản; l) Điểm đ khoản 1 và khoản 4 Điều 25 về các tài liệu không kinh doanh khác; việc cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh và việc xuất bản tài liệu không kinh doanh thuộc trường hợp không phải có giấy phép; m) Khoản 2 Điều 27 về nội dung, vị trí và cách ghi thông tin trên xuất bản phẩm; n) Điểm c khoản 5 và khoản 8 Điều 28 về các trường hợp xuất bản phẩm lưu chiểu được miễn thẩm định; số lượng, thời hạn lưu giữ xuất bản phẩm nộp lưu chiểu; thời hạn, nội dung cho ý kiến trước khi phát hành đối với xuất bản phẩm thuộc danh mục quy định tại khoản 1 Điều 24 của Luật; việc nộp xuất bản phẩm, tệp xuất bản phẩm điện tử cho Thư viện Quốc gia Việt Nam; o) Điểm c khoản 3 và khoản 7 Điều 32 về trường hợp có yếu tố nước ngoài đối với chủ sở hữu cơ sở in; trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm;

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
		p) Khoản 2 Điều 33 về việc thực hiện chế bản, in, gia công sau in xuất bản phẩm; q) Khoản 7 Điều 34 về hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp, điều chỉnh giấy phép in xuất khẩu xuất bản phẩm và việc thẩm định nội dung xuất bản phẩm in xuất khẩu theo khoản 3 Điều 34 của Luật; r) Khoản 4 Điều 36 về việc thông báo hoạt động, thông báo điều chỉnh hoạt động và thông báo chấm dứt hoạt động phát hành xuất bản phẩm; s) Khoản 7 Điều 38 về yêu cầu đối với hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm; việc thông báo hoạt động, thông báo điều chỉnh hoạt động và thông báo chấm dứt hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm; t) Khoản 6 Điều 39 về thông báo, điều chỉnh thông báo danh mục xuất bản phẩm nhập khẩu, kết quả thẩm định và thời điểm dự kiến đưa xuất bản phẩm vào kinh doanh; hủy bỏ thông báo danh mục; xem xét thông báo, thẩm định lại và xử lý xuất bản phẩm nhập khẩu; u) Điểm g khoản 1 Điều 40 về thời hạn thông báo, việc áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm thời và chấp hành biện pháp xử lý đối với xuất bản phẩm trên môi trường điện tử có dấu hiệu vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 10 của Luật;

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
		v) Điểm g khoản 1 và khoản 4 Điều 42 về các trường hợp nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh khác và việc chuyển giao xuất bản phẩm nhập khẩu không kinh doanh sau khi sử dụng mà không tái xuất; x) Khoản 3 Điều 44 về việc thông báo tổ chức, điều chỉnh việc tổ chức, không tổ chức hoặc chấm dứt trước thời hạn triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm; y) Điểm b khoản 4, khoản 6 Điều 45, khoản 4 Điều 51 và Điều 52 về điều kiện, yêu cầu đối với hoạt động xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử; việc đăng ký, thông báo, điều chỉnh và chấm dứt các hoạt động này; yêu cầu đối với cơ sở cung cấp dịch vụ trung gian phát hành xuất bản phẩm và việc thiết lập cơ chế quản trị phục vụ ngăn chặn, gỡ bỏ hoặc hạn chế truy cập nội dung vi phạm pháp luật về xuất bản; nhập khẩu xuất bản phẩm điện tử; chuyển xuất bản phẩm điện tử sang xuất bản phẩm in. 2. Nghị định này quy định các biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật về các nội dung sau đây: a) Xây dựng, quản lý, vận hành hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành về hoạt động xuất bản; cập nhật, lưu giữ, kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu và công khai thông tin;

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
		b) Thực hiện thủ tục hành chính; gửi, tiếp nhận, xác nhận việc giao nhận và quản lý thông báo trong hoạt động xuất bản; khai thác, sử dụng thông tin, giấy tờ, tài liệu và kết quả điện tử; bảo đảm việc thực hiện quyền, nghĩa vụ và thủ tục trong hoạt động xuất bản bằng phương tiện điện tử; c) Định danh và truy xuất nguồn gốc xuất bản phẩm in; tổ chức phối hợp liên ngành trong phòng, chống in nối bản trái phép, in lậu, in giả xuất bản phẩm và xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ; d) Chế độ thông tin, báo cáo trong hoạt động xuất bản; trách nhiệm của cơ quan chủ quản nhà xuất bản trong định hướng, phê duyệt kế hoạch và kiểm tra hoạt động của nhà xuất bản; đ) Ký duyệt bản thảo hoàn chỉnh trước khi đưa in; trách nhiệm của cơ sở in và bên đặt in khi thực hiện chế bản, in, gia công sau in xuất bản phẩm; tổ chức thực hiện việc nộp, quản lý, đọc, kiểm tra, thẩm định xuất bản phẩm lưu chiểu; e) Việc điều chỉnh, chấm dứt hoạt động, thu hồi giấy phép và chấm dứt việc thực hiện giấy phép theo từng lĩnh vực quy định tại Nghị định này; nội dung, thời hạn, cách thức gửi, tiếp nhận thông báo điều chỉnh hoạt động, thông báo chấm dứt hoạt động và các thông báo có liên quan; trách nhiệm

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
		cập nhật, lưu giữ và công khai thông tin của cơ quan tiếp nhận; g) Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc xử lý xuất bản phẩm, bản thảo, bản mẫu, hồ sơ, tài liệu, dữ liệu; giải quyết hợp đồng, quyền và nghĩa vụ còn tồn tại; bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của các bên có liên quan khi điều chỉnh, chấm dứt hoạt động hoặc chấm dứt việc thực hiện giấy phép; h) Việc ban hành, công khai và sử dụng mẫu, biểu mẫu phục vụ thực hiện thủ tục hành chính, gửi thông báo, thực hiện quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm và chế độ thông tin, báo cáo trong hoạt động xuất bản; i) Quy định thời hạn đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn và việc cấp lại giấy phép, giấy xác nhận, chứng chỉ theo điểm c khoản 3 Điều 3 của Luật số 17/2026/QH16; việc tổ chức thực hiện các quy định chuyển tiếp về giải quyết hồ sơ, tiếp tục sử dụng giấy phép, văn bản, giấy xác nhận, miễn thông báo hoạt động, bổ sung điều kiện, yêu cầu, tiêu chuẩn, chuyển giao hồ sơ, tài liệu, dữ liệu, thực hiện thủ tục đối với chi nhánh, địa điểm kinh doanh và áp dụng quy định về in xuất khẩu xuất bản phẩm theo Điều 3 của Luật số 17/2026/QH16.

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
Điều 2. (được bãi bỏ)		*Điều của Luật đã được bãi bỏ; không bố trí nội dung dự thảo tương ứng.*
Điều 3. Vị trí, mục đích và nguyên tắc của hoạt động xuất bản 1. Hoạt động xuất bản thuộc lĩnh vực văn hóa, tư tưởng của Đảng, Nhà nước và Nhân dân; đồng thời là ngành kinh tế - công nghệ, bộ phận quan trọng của công nghiệp văn hóa và hạ tầng tri thức quốc gia. 2. Hoạt động xuất bản nhằm tuyên truyền, bảo vệ nền tảng tư tưởng và chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; phổ biến, giới thiệu tri thức, nâng cao dân trí; giữ gìn tiếng nói, chữ viết; bảo tồn và phát huy bản sắc, giá trị văn hóa, giá trị con người Việt Nam; tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, nâng cao vị thế văn hóa dân tộc; góp phần bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ Tổ quốc và chủ quyền quốc gia. 3. Đảng và Nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong định hướng và kiến tạo phát triển hoạt động xuất bản, xây dựng nền xuất bản chuyên nghiệp, nhân văn, hiện đại; Nhà nước ban hành và tổ chức thực hiện cơ chế, chính sách tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng, thúc đẩy hợp tác công tư, đổi mới sáng tạo, ứng dụng khoa học, công nghệ,		

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
chuyển đổi số và hội nhập quốc tế, khuyến khích, thu hút, tạo điều kiện để các thành phần kinh tế tham gia phát triển hoạt động xuất bản, phát triển văn hóa đọc. 4. Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xuất bản có trách nhiệm tuân thủ pháp luật; bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc; thực hiện chính sách của Nhà nước, chuẩn mực đạo đức xã hội, đạo đức nghề nghiệp; tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.		
Điều 4. Giải thích từ ngữ Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau: 1. *Xuất bản* là quá trình do nhà xuất bản hoặc cơ quan, tổ chức được phép xuất bản thực hiện nhằm tạo thành bản mẫu để in xuất bản phẩm hoặc tạo lập xuất bản phẩm điện tử, bao gồm các công đoạn sau đây: a) Khai thác và tổ chức bản thảo là việc tìm kiếm, tạo lập, tiếp nhận, lựa chọn, đặt hàng, nhận chuyển giao quyền sử dụng hoặc quản lý và hoàn thiện bản thảo nhằm chuẩn bị cho quá trình xuất bản;		**Điều 2. Các hình thức điện tử khác của xuất bản phẩm điện tử**[1] 1. Các hình thức điện tử khác quy định tại điểm b khoản 5 Điều 4 của Luật gồm: a) Tranh, ảnh, bản đồ, áp-phích, tờ rời, tờ gấp, các loại lịch được thể hiện dưới dạng dữ liệu số; b) Tác phẩm, tài liệu được thể hiện chủ yếu bằng âm thanh, hình ảnh động hoặc video; c) Tác phẩm, tài liệu được thể hiện bằng sự kết hợp giữa chữ viết, hình ảnh, âm thanh, hình ảnh động, video hoặc các yếu tố tương tác.

[1] *Đối chiếu: Quy định chi tiết điểm b khoản 5 Điều 4 của Luật.*

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
b) Biên tập là việc thẩm định, chỉnh sửa, hoàn thiện nội dung, hình thức bản thảo, bảo đảm chất lượng, tính chính xác và tuân thủ quy định của pháp luật; c) Thiết kế và chế bản là việc trình bày, thiết kế mỹ thuật, kỹ thuật để tạo thành bản mẫu để in xuất bản phẩm hoặc tệp xuất bản phẩm điện tử; d) Quyết định xuất bản là văn bản của người có thẩm quyền của nhà xuất bản hoặc cơ quan, tổ chức được phép xuất bản phê duyệt bản mẫu để làm căn cứ in xuất bản phẩm hoặc tạo lập xuất bản phẩm điện tử. 2. *Nhà xuất bản* là tổ chức được thành lập theo quy định của Luật này, có chức năng thực hiện việc xuất bản xuất bản phẩm và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung, chất lượng và tính hợp pháp của xuất bản phẩm do mình xuất bản. 3. *Bản thảo* là bản viết tay, đánh máy hoặc dữ liệu số của một tác phẩm, tài liệu để xuất bản. 4. *Bản mẫu* là bản hoàn chỉnh của tác phẩm, tài liệu sau khi được biên tập, được phê duyệt bằng quyết định xuất bản và làm căn cứ để in xuất bản phẩm hoặc tạo lập xuất bản phẩm điện tử. 5. *Xuất bản phẩm* là tác phẩm, tài liệu về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, giáo dục và đào tạo, khoa học, công nghệ, văn học, nghệ thuật được xuất bản thông qua nhà xuất		2. Các hình thức quy định tại khoản 1 Điều này không bao gồm: a) Sản phẩm báo chí; tác phẩm báo chí; chương trình phát thanh, chương trình truyền hình; bản tin, đặc san theo quy định của pháp luật về báo chí; b) Phim theo quy định tại khoản 2 Điều 3 của Luật Điện ảnh. 3. Việc tuyển chọn, biên soạn tác phẩm báo chí để xuất bản thành xuất bản phẩm điện tử thực hiện theo quy định của pháp luật về xuất bản và pháp luật về sở hữu trí tuệ. Việc sử dụng phim, trích đoạn phim trong xuất bản phẩm điện tử phải tuân thủ quy định của pháp luật về điện ảnh và pháp luật về sở hữu trí tuệ. Quyết định xuất bản, giấy phép xuất bản không thay thế việc thực hiện các quy định về phát hành, phổ biến phim. 4. Nội dung của xuất bản phẩm điện tử quy định tại khoản 1 Điều này phải được xác định tại thời điểm xuất bản hoặc nhập khẩu. Tính năng tương tác cho phép người sử dụng lựa chọn trình tự, cách thức tiếp cận và thể hiện nội dung trong phạm vi nội dung của xuất bản phẩm. Việc sửa đổi, bổ sung nội dung thực hiện theo quy định của pháp luật về xuất bản.

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
bản, cơ quan, tổ chức được phép xuất bản tại Việt Nam hoặc được nhập khẩu vào Việt Nam theo quy định của Luật này; được thể hiện bằng ngôn ngữ, hình ảnh, âm thanh hoặc kết hợp các hình thức này, bao gồm: a) Xuất bản phẩm in được thể hiện dưới dạng vật chất, gồm sách in, sách chữ nổi, tranh, ảnh, bản đồ, áp-phích, tờ rời, tờ gấp, các loại lịch; b) Xuất bản phẩm điện tử được tạo lập trực tiếp dưới dạng dữ liệu số hoặc được số hóa từ xuất bản phẩm in, sử dụng thông qua phương tiện điện tử, gồm sách điện tử (sách chữ, sách nói, sách kết hợp văn bản, âm thanh, hình ảnh, video và các yếu tố đa phương tiện) và các hình thức điện tử khác theo quy định của pháp luật. 6. *Lưu chiểu* là việc tiếp nhận và lưu giữ xuất bản phẩm in hoặc tệp điện tử của xuất bản phẩm điện tử để Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện quản lý nhà nước. 7. *In xuất bản phẩm* là việc sử dụng thiết bị trong các công đoạn chế bản, in và gia công sau in để tạo ra xuất bản phẩm từ bản mẫu. 8. *Cơ sở in xuất bản phẩm* (sau đây gọi là cơ sở in) là tổ chức, đơn vị thực hiện toàn bộ hoặc từng công đoạn chế bản, in, gia công sau in xuất bản phẩm. 9. *Phát hành xuất bản phẩm* là việc đưa xuất bản		5. Trường hợp xuất bản phẩm điện tử được số hóa từ xuất bản phẩm in, nội dung số hóa phải bảo đảm đầy đủ, chính xác so với nội dung của xuất bản phẩm in. Việc số hóa, sửa đổi, bổ sung nội dung khi chuyển xuất bản phẩm in sang hình thức điện tử thực hiện theo quy định của Luật, Nghị định này và pháp luật về sở hữu trí tuệ.

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
phẩm đến người sử dụng theo một hoặc nhiều hình thức bán, cho thuê, xuất khẩu, nhập khẩu, tham gia hội chợ, phân phối qua đại lý, ký gửi hoặc hình thức khác nhằm mục đích kinh doanh (sau đây gọi là kinh doanh phát hành xuất bản phẩm); phân phát, tặng cho, cho mượn, triển lãm, lưu hành nội bộ, viện trợ, tặng kèm không thu tiền và các hình thức khác không nhằm mục đích kinh doanh (sau đây gọi là phát hành xuất bản phẩm không nhằm mục đích kinh doanh). 10. *Cơ sở kinh doanh phát hành xuất bản phẩm* (sau đây gọi là cơ sở phát hành) là tổ chức, đơn vị thực hiện một hoặc nhiều hình thức kinh doanh xuất bản phẩm quy định tại khoản 9 Điều này. 11. *Cơ sở cung cấp dịch vụ trung gian phát hành xuất bản phẩm* là tổ chức, đơn vị cung cấp nền tảng số theo quy định của pháp luật về thương mại điện tử để kết nối hoặc hỗ trợ giao dịch giữa cơ sở phát hành, cá nhân kinh doanh xuất bản phẩm với người sử dụng dịch vụ. 12. *Cơ sở kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm* (sau đây gọi là cơ sở nhập khẩu) là tổ chức, đơn vị trực tiếp thực hiện nhập khẩu xuất bản phẩm để kinh doanh. 13. *Người đứng đầu cơ sở in, cơ sở phát hành* là người đại diện theo pháp luật và trực tiếp quản lý,		

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
điều hành hoạt động của cơ sở. 14. *Biên tập viên* là người làm công tác biên tập tại nhà xuất bản. 15. *Sản phẩm thông tin có tính chất xuất bản phẩm trên không gian mạng* là tác phẩm, tài liệu của tổ chức, cá nhân tạo lập có hình thức thể hiện tương tự xuất bản phẩm điện tử quy định tại điểm b khoản 5 Điều này để phổ biến đến công chúng mà không thực hiện xuất bản, phát hành, nhập khẩu theo quy định của Luật này. Sản phẩm thông tin có tính chất xuất bản phẩm trên không gian mạng không bao gồm sản phẩm báo chí, tác phẩm điện ảnh, sản phẩm quảng cáo, chương trình phát thanh, truyền hình và các loại thông tin khác theo quy định của pháp luật. 16. *In nối bản trái phép xuất bản phẩm* là hành vi sử dụng thiết bị chế bản, in, gia công sau in để in thêm xuất bản phẩm vượt quá số lượng được phép theo văn bản xác nhận đăng ký kế hoạch xuất bản, quyết định xuất bản, giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh, giấy phép in xuất khẩu theo quy định của Luật này. 17. *In lậu xuất bản phẩm* là hành vi sử dụng thiết bị chế bản, in, gia công sau in để in xuất bản phẩm đã được xuất bản hợp pháp khi không có một trong các giấy tờ quy định tại khoản 16 Điều này hoặc		

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
không được phép của chủ sở hữu quyền tác giả theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ. 18. *In giả xuất bản phẩm* là hành vi sử dụng bản thảo tác phẩm hoặc tài liệu để thực hiện một hoặc các công đoạn chế bản, in, gia công sau in, tạo ra sản phẩm có hình thức và nội dung gây nhầm lẫn là xuất bản phẩm theo quy định của Luật này.		
Điều 5. Bảo đảm quyền phổ biến tác phẩm, bảo hộ quyền tác giả và quyền liên quan 1. Nhà nước bảo đảm quyền phổ biến tác phẩm dưới hình thức xuất bản phẩm thông qua nhà xuất bản và bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan. 2. Nhà nước không kiểm duyệt tác phẩm trước khi xuất bản. 3. Không một cơ quan, tổ chức, cá nhân nào được lợi dụng quyền phổ biến tác phẩm làm thiệt hại lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.		

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
Điều 6. Quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản 1. Nội dung quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản bao gồm: a) Thực hiện các nhiệm vụ chung về quản lý nhà nước liên quan đến hoạt động xuất bản theo quy định của pháp luật; b) Quản lý việc đăng ký kế hoạch xuất bản; cấp, cấp lại, thu hồi chứng chỉ hành nghề biên tập, giấy phép thành lập nhà xuất bản, giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm; cấp, điều chỉnh văn bản xác nhận đăng ký; c) Quản lý xuất bản phẩm lưu chiểu; quyết định việc buộc sửa chữa mới được phát hành, đình chỉ phát hành, thu hồi, tịch thu, cấm lưu hành, tiêu hủy xuất bản phẩm vi phạm theo quy định của pháp luật; d) Xây dựng, quản lý, vận hành và kết nối, chia sẻ dữ liệu trong hoạt động xuất bản theo quy định của pháp luật; bảo đảm việc thực hiện quyền, nghĩa vụ và thủ tục trong hoạt động xuất bản bằng phương tiện điện tử theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử, trừ trường hợp pháp luật có quy	**Điều 2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Thông tin và Truyền thông trong việc thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản** 1. Chủ trì, phối hợp xây dựng, ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách của Nhà nước đối với hoạt động xuất bản, quyền tác giả và quyền liên quan trong hoạt động xuất bản và các biện pháp phòng, chống in lậu, in giả, in nối bản trái phép xuất bản phẩm. 2. Nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ trong hoạt động xuất bản; đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ trong hoạt động xuất bản. 3. Quản lý và tổ chức thực hiện hợp tác quốc tế trong hoạt động xuất bản. 4. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan quy định hoặc trình cơ quan có thẩm quyền quy định chi tiết các chính sách tại Điểm b và Điểm c Khoản 2, Điểm b và Điểm c Khoản 4, Điểm b Khoản 5 Điều 7 Luật xuất bản. 5. Cấp, cấp đổi, cấp lại, gia hạn, thu hồi các loại giấy phép, giấy chứng nhận, chứng chỉ hành nghề,	**Điều 3. Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu và việc thực hiện thủ tục hành chính, gửi, tiếp nhận thông báo trong hoạt động xuất bản**[2] 1. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm: a) Xây dựng, quản lý, vận hành hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành dùng chung trong phạm vi cả nước trên cơ sở kế thừa, tích hợp các hệ thống, dữ liệu hiện có; thu thập, cập nhật dữ liệu từ việc giải quyết thủ tục hành chính, tiếp nhận thông báo, thực hiện lưu chiểu, báo cáo, thống kê, kiểm tra và xử lý vi phạm trong hoạt động xuất bản; b) Thiết lập quy trình cập nhật, kiểm tra, điều chỉnh dữ liệu, phân quyền truy cập, khai thác; tổ chức bảo trì, sao lưu, phục hồi dữ liệu và xử lý sự cố, bảo đảm hệ thống hoạt động ổn định, liên tục; c) Kết nối, chia sẻ dữ liệu với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan có thẩm quyền ở địa phương, Cổng Dịch vụ công quốc gia, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính và các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin có liên quan; tổ chức cung cấp dịch vụ công trực tuyến, bảo đảm việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong hoạt động xuất bản bằng phương tiện điện tử theo quy định của pháp luật.

[2] *Đối chiếu: Hướng dẫn thi hành điểm d khoản 1 Điều 6 của Luật.*

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
định khác; đ) Tổ chức phối hợp liên ngành trong phòng, chống in nối bản trái phép, in lậu, in giả xuất bản phẩm, xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ; quản lý xuất bản phẩm liên quan đến quốc phòng, an ninh, bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, an ninh mạng và quy định khác của pháp luật có liên quan; e) Tổ chức thực hiện các hoạt động phát triển thị trường xuất bản, phát triển văn hóa đọc, quảng bá xuất bản phẩm theo quy định của pháp luật; g) Quản lý, hướng dẫn hoạt động của các hội, hiệp hội trong lĩnh vực xuất bản, in và phát hành theo quy định của pháp luật; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người làm công tác xuất bản theo quy định của pháp luật; h) Thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm về hoạt động xuất bản, phổ biến sản phẩm thông tin có tính chất xuất bản phẩm trên không gian mạng theo quy định của pháp luật. 2. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản trong phạm vi cả nước. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản. Bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân	xác nhận đăng ký trong hoạt động xuất bản theo quy định của Luật xuất bản và Nghị định này. 6. Nhận, quản lý, tổ chức đọc, kiểm tra xuất bản phẩm lưu chiểu và xử lý xuất bản phẩm vi phạm theo quy định của Luật xuất bản, Nghị định này và các quy định khác của pháp luật có liên quan. 7. Hướng dẫn, thực hiện chế độ thông tin, báo cáo, thống kê và ban hành thống nhất các biểu mẫu sử dụng trong hoạt động xuất bản. 8. Thực hiện công tác thi đua, khen thưởng trong hoạt động xuất bản; tuyển chọn và trao giải thưởng quốc gia đối với xuất bản phẩm có giá trị cao. 9. Yêu cầu tổ chức, cá nhân đình chỉ việc xuất bản, in, phát hành xuất bản phẩm theo quy định của pháp luật khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm. 10. Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm pháp luật trong hoạt động xuất bản theo thẩm quyền. **Điều 3. Trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ trong việc quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản** 1. Bộ Công an chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông quy định theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền quy định và hướng dẫn thực hiện các biện pháp bảo đảm an ninh - trật	2. Cách thức nộp hồ sơ thủ tục hành chính và gửi thông báo: a) Cơ quan, tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ thủ tục hành chính, gửi thông báo bằng hình thức trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính đến cơ quan được phân công tiếp nhận hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc hệ thống tiếp nhận thông tin chuyên ngành, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác; b) Hồ sơ thủ tục hành chính được nộp tại nơi tiếp nhận theo quy định của pháp luật về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông; thông báo được gửi đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Luật và Nghị định này; c) Đối với thông báo không thuộc thủ tục hành chính, việc gửi trực tuyến được thực hiện qua hệ thống thông tin chuyên ngành khi đáp ứng điều kiện. 3. Cách thức tiếp nhận, giải quyết hồ sơ và trả kết quả thủ tục hành chính được thực hiện như sau: a) Việc tiếp nhận, kiểm tra, hướng dẫn sửa đổi, bổ sung hồ sơ, giải quyết và trả kết quả thực hiện theo quy định của pháp luật về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông và trên môi trường điện tử. Việc sử dụng hồ sơ, giấy tờ, tài liệu và kết quả điện tử thực hiện theo

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
dân các cấp thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản theo thẩm quyền.	tự và phòng, chống tội phạm trong hoạt động xuất bản. 2. Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông quy định theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền quy định và hướng dẫn thực hiện công tác quản lý thị trường trong hoạt động xuất bản. 3. Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông quy định theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền quy định chi tiết về bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường theo quy định tại Điểm c Khoản 1 và Điểm e Khoản 2 Điều 32 Luật xuất bản. 4. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Tài chính, cơ quan có liên quan quy định hoặc trình cơ quan có thẩm quyền quy định chi tiết các chính sách tại Điểm a Khoản 2, Điểm a Khoản 3 và Điểm a Khoản 5 Điều 7 Luật xuất bản. 5. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông và cơ quan có liên quan quy định theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền quy định về phí, lệ phí, các chính sách ưu đãi về lãi suất vay vốn, thuế, các khoản phải nộp ngân sách nhà nước khác, bố trí kinh phí theo quy định	quy định của pháp luật về giao dịch điện tử; đối với các tài liệu là thành phần hồ sơ mà đã có trong cơ sở dữ liệu liên thông thì cơ quan tiếp nhận không được yêu cầu cung cấp lại các thành phần hồ sơ đó; b) Cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính có trách nhiệm khai thác, sử dụng thông tin, giấy tờ, tài liệu đã có trong các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin được kết nối, chia sẻ và có giá trị pháp lý; không yêu cầu cung cấp lại, trừ trường hợp thông tin có sự thay đổi, biến động. Trong trường hợp này, cơ quan, tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ có trách nhiệm cung cấp giấy tờ, tài liệu chứng minh sự thay đổi, biến động thông tin. 4. Cơ quan, tổ chức, cá nhân gửi thông báo chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ, hợp pháp của nội dung thông báo. Cơ quan tiếp nhận có trách nhiệm công khai địa chỉ, đầu mối và hệ thống thông tin tiếp nhận. Việc thông báo không yêu cầu chấp thuận hoặc trả lời về nội dung; việc xác nhận giao nhận chỉ nhằm chứng minh việc gửi, nhận thông báo. 5. Việc nhận thông báo trực tiếp phải được cơ quan tiếp nhận xác nhận. Việc giao nhận qua dịch vụ bưu chính được xác định bằng chứng từ hoặc dữ liệu xác nhận phát đến đúng địa chỉ đã công khai của cơ quan tiếp nhận; người gửi lưu giữ thông báo, tài liệu kèm theo và chứng từ gửi để đối chiếu. Đối

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
	của pháp luật để thực hiện các chính sách tại Điều 7, Điều 25, Điều 39 và Điều 41 Luật xuất bản. 6. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản. **Điều 4. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong việc thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản** 1. Ban hành theo thẩm quyền quy hoạch, kế hoạch phát triển hoạt động xuất bản tại địa phương; ban hành, hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật và chính sách của Nhà nước đối với hoạt động xuất bản tại địa phương. 2. Cấp, cấp lại, cấp đổi, thu hồi các loại giấy phép, giấy xác nhận đăng ký theo quy định của Luật xuất bản và Nghị định này. 3. Nhận, quản lý, tổ chức đọc, kiểm tra xuất bản phẩm lưu chiểu và xử lý xuất bản phẩm vi phạm theo quy định của Luật xuất bản, Nghị định này và các quy định khác của pháp luật có liên quan đối với xuất bản phẩm do mình cấp giấy phép xuất bản.	với thông báo trực tuyến, hệ thống tiếp nhận phải ghi nhận thời điểm nhận, gửi xác nhận điện tử và cho phép tra cứu thông báo đã gửi. Thời điểm nhận là thời điểm thông báo được nhập vào hệ thống và có thể truy cập được, không phụ thuộc vào thời điểm mở hoặc xử lý thông báo. 6. Cơ quan tiếp nhận có trách nhiệm lưu giữ thông báo, thông tin giao nhận; kiểm tra, đối chiếu, phối hợp xác minh và thông tin kết quả cho người gửi khi có phản ánh về việc chưa nhận được thông báo. Không được chỉ căn cứ vào việc chưa vào sổ, chưa chuyển đến bộ phận chuyên môn hoặc chưa xử lý để xác định chưa nhận được thông báo. 7. Khi hệ thống tiếp nhận trực tuyến gặp sự cố kỹ thuật, cơ quan, tổ chức, cá nhân được lựa chọn hình thức trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Cơ quan tiếp nhận có trách nhiệm thông tin về sự cố kỹ thuật ngay khi phát hiện, hướng dẫn cách thức tiếp nhận thay thế trong thời gian khắc phục sự cố. 8. Việc cập nhật, khai thác, chia sẻ dữ liệu và công khai thông tin được thực hiện như sau: a) Cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản có trách nhiệm cập nhật, khai thác, sử dụng, chia sẻ dữ liệu theo thẩm quyền, bảo đảm đầy đủ, chính xác, kịp thời. Cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính và cơ quan tiếp nhận thông báo

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
	4. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo, thống kê và công tác thi đua, khen thưởng trong hoạt động xuất bản theo quy định của pháp luật. 5. Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật trong hoạt động xuất bản theo thẩm quyền.	cập nhật thông tin về hồ sơ, kết quả giải quyết và thông báo vào hệ thống phục vụ việc tiếp nhận, giải quyết; bảo đảm đồng bộ với cơ sở dữ liệu chuyên ngành về hoạt động xuất bản, không yêu cầu nhập lại thông tin đã được đồng bộ đầy đủ, chính xác; b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ban hành kết quả giải quyết thủ tục hành chính hoặc nhận thông báo, cơ quan có thẩm quyền công khai trên cổng hoặc trang thông tin điện tử của cơ quan mình hoặc cơ quan chủ quản các thông tin: tên cơ quan, tổ chức thực hiện thủ tục hành chính hoặc gửi thông báo; loại thủ tục hành chính hoặc thông báo; số, ngày ban hành, thời hạn hiệu lực của kết quả (nếu có); ngày nhận thông báo và nội dung hoạt động được cấp phép, xác nhận hoặc thông báo; trường hợp thông tin đã được công khai đầy đủ trên hệ thống dùng chung, được sử dụng thông tin đã công khai hoặc đường dẫn trực tiếp đến thông tin đó; c) Việc cập nhật, lưu trữ, kết nối, chia sẻ, khai thác, sử dụng dữ liệu và công khai thông tin phải tuân thủ pháp luật về dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân, bảo vệ bí mật nhà nước, an ninh mạng, an toàn thông tin và pháp luật có liên quan. 9. Việc gửi, tiếp nhận thông báo điều chỉnh hoạt động, thông báo chấm dứt hoạt động quy định tại

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
		Nghị định này được thực hiện theo các nguyên tắc sau đây: a) Thông báo điều chỉnh hoạt động bao gồm thông báo thay đổi thông tin hoạt động; phải xác định được thông báo, giấy phép hoặc giấy xác nhận có liên quan, nội dung trước và sau điều chỉnh, lý do và thời điểm điều chỉnh; b) Thông báo chấm dứt hoạt động phải xác định rõ hoạt động, địa điểm hoặc phạm vi hoạt động chấm dứt, thời điểm chấm dứt và đầu mối tiếp tục giải quyết các quyền, nghĩa vụ có liên quan. Trường hợp chỉ chấm dứt một phần hoạt động, thông báo phải phân biệt phần chấm dứt với phần tiếp tục hoạt động; c) Trường hợp cùng một nội dung thay đổi hoặc chấm dứt hoạt động phải được thông báo theo nhiều điều của Nghị định này đến cùng một cơ quan thì chủ thể thực hiện được gửi một văn bản chung nếu bảo đảm đầy đủ nội dung và thời hạn tương ứng. Cơ quan tiếp nhận không yêu cầu gửi lại thông tin đã có trong văn bản đó; d) Cơ quan tiếp nhận phải cập nhật nội dung điều chỉnh, phạm vi và thời điểm chấm dứt vào cơ sở dữ liệu; lưu giữ thông tin trước khi điều chỉnh, chấm dứt để phục vụ tra cứu, kiểm tra. Việc cập

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
		nhật, công khai thực hiện theo khoản 8 Điều này và thời hạn quy định đối với từng hoạt động; đ) Việc thông báo không thay thế thủ tục cấp, cấp lại, điều chỉnh hoặc thu hồi giấy phép, giấy xác nhận trong trường hợp pháp luật quy định phải thực hiện thủ tục đó. Trường hợp hồ sơ thực hiện thủ tục đã có đầy đủ thông tin thay đổi, chấm dứt và được gửi đúng cơ quan, đúng thời hạn thì không phải gửi thêm thông báo riêng; e) Việc điều chỉnh, chấm dứt hoạt động không làm chấm dứt nghĩa vụ lưu giữ, cung cấp hồ sơ, dữ liệu; giải quyết hợp đồng, công nợ, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân có liên quan và trách nhiệm đối với hành vi vi phạm đã thực hiện theo quy định của pháp luật.
		Điều 4. Tổ chức phối hợp liên ngành trong phòng, chống in nối bản trái phép, in lậu, in giả xuất bản phẩm, xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ[3] 1. Tổ chức phối hợp liên ngành ở trung ương do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Công

[3] *Đối chiếu: Hướng dẫn thi hành việc tổ chức phối hợp liên ngành trong phòng, chống in nối bản trái phép, in lậu, in giả xuất bản phẩm, xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 6 của Luật.*

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
		Thương, Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ và các cơ quan có liên quan tổ chức thực hiện. 2. Tổ chức phối hợp liên ngành ở địa phương do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định. 3. Tổ chức phối hợp liên ngành không có chức năng thanh tra, kiểm tra, xử phạt vi phạm hành chính độc lập.
	Điều 5. Chế độ thông tin, báo cáo trong hoạt động xuất bản 1. Cơ quan chủ quản nhà xuất bản và tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động trong các lĩnh vực xuất bản, in, phát hành xuất bản phẩm có trách nhiệm báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo quy định. 2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo định kỳ hoặc đột xuất với Bộ Thông tin và Truyền thông về hoạt động xuất bản và công tác quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản tại địa phương. 3. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình phối hợp trao đổi, cung cấp thông tin phục vụ công tác quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản.	**Điều 5. Chế độ thông tin, báo cáo trong hoạt động xuất bản**[4] 1. Nhà xuất bản, cơ sở in, cơ sở phát hành xuất bản phẩm có trách nhiệm thực hiện chế độ thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất về hoạt động của mình theo quy định của pháp luật. Tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động xuất bản có trách nhiệm thực hiện cung cấp thông tin, báo cáo theo quy định của Luật, Nghị định này hoặc khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. 2. Cơ quan chủ quản nhà xuất bản có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo về tổ chức và hoạt động của nhà xuất bản thuộc phạm vi quản lý.

[4] *Đối chiếu: Hướng dẫn thi hành chế độ thông tin, báo cáo trong hoạt động xuất bản theo Điều 6, Điều 16 và điểm b khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 40 của Luật.*

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
	4. Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết trình tự, thủ tục, cách thức báo cáo và biểu mẫu báo cáo trong hoạt động xuất bản.	3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổ chức thực hiện chế độ thông tin, báo cáo về hoạt động xuất bản, in và phát hành xuất bản phẩm tại địa phương. 4. Các bộ, cơ quan ngang bộ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm thực hiện chế độ thông tin, báo cáo về hoạt động xuất bản theo quy định. 5. Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết chế độ thông tin, báo cáo; hướng dẫn nội dung, biểu mẫu và phương thức thực hiện.
		Điều 6. Ban hành mẫu, biểu mẫu[5] 1. Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành theo thẩm quyền các mẫu, biểu mẫu để thực hiện các thủ tục, quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân quy định tại Luật và Nghị định này. 2. Việc ban hành mẫu, biểu mẫu phải bảo đảm các nguyên tắc sau đây: a) Phù hợp với nội dung, thành phần hồ sơ, điều kiện, yêu cầu, thẩm quyền, trình tự, thủ tục và thời hạn đã được quy định tại Luật và Nghị định này;

[5] *Đối chiếu: Hướng dẫn thi hành việc ban hành mẫu, biểu mẫu phục vụ thực hiện Luật và Nghị định này theo Điều 6 và Điều 54 của Luật.*

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
		b) Không làm phát sinh thêm thủ tục hành chính, thành phần hồ sơ, điều kiện, yêu cầu hoặc nghĩa vụ cung cấp thông tin ngoài quy định của pháp luật; không chuyển việc thông báo thành thủ tục đề nghị chấp thuận, cấp phép hoặc xác nhận nội dung thông báo; c) Phân biệt rõ thông tin bắt buộc, thông tin chỉ áp dụng đối với từng trường hợp và tài liệu phải gửi kèm; chỉ yêu cầu kê khai, cung cấp nội dung tương ứng với thủ tục hoặc nghĩa vụ được thực hiện; d) Bảo đảm khả năng khai thác, sử dụng lại thông tin, giấy tờ, tài liệu đã có trong cơ sở dữ liệu, hồ sơ hoặc thông báo trước đó theo Điều 3 của Nghị định này; đ) Trường hợp pháp luật có liên quan đã quy định mẫu, biểu mẫu áp dụng thống nhất thì sử dụng mẫu, biểu mẫu đó, không ban hành trùng lặp; e) Mẫu hợp đồng, phụ lục hợp đồng phải thể hiện các nội dung bắt buộc theo quy định của pháp luật, bảo đảm quyền thỏa thuận hợp pháp của các bên và không làm thay đổi trách nhiệm mà Luật quy định đối với từng chủ thể. 3. Việc công khai và sử dụng mẫu, biểu mẫu được thực hiện như sau: a) Mẫu, biểu mẫu phải được công khai, cập nhật kịp thời trên cổng hoặc trang thông tin điện tử của Bộ

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
		Văn hóa, Thể thao và Du lịch và hệ thống thông tin tiếp nhận, giải quyết thủ tục hoặc tiếp nhận thông báo có liên quan để cơ quan, tổ chức, cá nhân tra cứu, sử dụng; b) Mẫu, biểu mẫu điện tử phải thống nhất về nội dung với mẫu, biểu mẫu đã ban hành; hỗ trợ kê khai, khai thác lại dữ liệu và gửi kèm tài liệu theo quy định. Việc ký, xác thực, gửi, nhận, lưu giữ và sử dụng mẫu, biểu mẫu điện tử thực hiện theo pháp luật về giao dịch điện tử và pháp luật có liên quan; c) Cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục và tiếp nhận thông báo sử dụng thống nhất mẫu, biểu mẫu đã được ban hành; không tự đặt thêm mẫu, trường thông tin hoặc tài liệu phải cung cấp ngoài quy định của pháp luật.
Điều 7. Chính sách của Nhà nước về phát triển hoạt động xuất bản 1. Miễn, giảm thuế, tiền thuê đất, thuê bất động sản là tài sản công đối với nhà xuất bản theo quy định của pháp luật. 2. Xây dựng và phát triển các cơ quan xuất bản, truyền thông chủ lực quốc gia và hình thành các tập đoàn xuất bản, truyền thông đa nền tảng, đa sản phẩm. 3. Đầu tư xây dựng, phát triển hệ thống thông		

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ quản lý nhà nước, chuyển đổi số và phát triển thị trường xuất bản; đầu tư phát triển xuất bản và phát hành xuất bản phẩm điện tử, ứng dụng trí tuệ nhân tạo vào hoạt động xuất bản theo quy định của pháp luật về đầu tư và quy định khác của pháp luật có liên quan; ưu tiên, bố trí quỹ đất cho hoạt động xuất bản. 4. Đặt hàng, giao nhiệm vụ, đấu thầu để xuất bản, in, phát hành xuất bản phẩm và mua, hỗ trợ chi phí vận chuyển xuất bản phẩm phục vụ nhiệm vụ chính trị, quốc phòng, an ninh, thông tin đối ngoại, ứng phó tình trạng khẩn cấp, phòng, chống thiên tai, dịch bệnh và các nhiệm vụ trọng yếu khác của đất nước; xuất bản phẩm phục vụ đồng bào dân tộc thiểu số (tiếng Việt và tiếng dân tộc), miền núi, biên giới, hải đảo, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; xuất bản phẩm dành cho trẻ em, người khuyết tật nhìn và các đối tượng yếu thế khác theo quy định của pháp luật. 5. Ưu đãi thuế, tín dụng đối với cơ sở in đầu tư đổi mới công nghệ, hiện đại hóa thiết bị, ứng dụng công nghệ xanh, kinh tế tuần hoàn; đối với cơ sở phát hành và doanh nghiệp đầu tư phát triển hạ tầng số, mạng lưới phân phối xuất bản phẩm phục vụ các đối tượng, địa bàn quy định tại khoản 4 Điều này.		

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
6. Hỗ trợ nhà xuất bản mua bản quyền, dịch thuật, biên soạn, xuất bản, phát hành xuất bản phẩm có giá trị phục vụ nhiệm vụ chính trị, phát triển văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ, hội nhập quốc tế; hỗ trợ xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử phục vụ đồng bào dân tộc thiểu số và nâng cao khả năng tiếp cận, khai thác và sử dụng xuất bản phẩm điện tử; hỗ trợ xúc tiến thương mại, truyền thông, quảng bá xuất bản phẩm trong nước và ra nước ngoài. 7. Đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ làm công tác xuất bản, in và phát hành xuất bản phẩm; thu hút, trọng dụng và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số, hội nhập quốc tế và phát triển hoạt động xuất bản; khuyến khích liên kết giữa cơ sở đào tạo với nhà xuất bản, cơ sở in, cơ sở phát hành trong đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực. 8. Khuyến khích phát triển không gian đọc, thư viện, tủ sách và các mô hình đọc trong cộng đồng, trong cơ quan, tổ chức, đơn vị, nhà trường; ứng dụng công nghệ số phục vụ tiếp cận xuất bản phẩm, huy động các nguồn lực để đầu tư, tài trợ phát triển văn hóa đọc theo quy định của pháp luật; tôn vinh, khen thưởng tổ chức, đơn vị, cá nhân có đóng góp trong hoạt động xuất bản và phát triển văn hóa đọc;		

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
trao giải thưởng đối với xuất bản phẩm có giá trị. 9. Thu hút các nguồn lực xã hội tham gia hoạt động xuất bản; tăng cường hợp tác đầu tư theo phương thức đối tác công tư giữa nhà xuất bản với cơ sở in, cơ sở phát hành và các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật. 10. Phát huy vai trò của hội, hiệp hội trong lĩnh vực xuất bản, in, phát hành, thực hiện tuyên truyền, phổ biến pháp luật; góp ý, phản biện chính sách trong xây dựng pháp luật; phát triển văn hóa đọc, phát triển thị trường xuất bản và các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.		
Điều 8. Thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của nhà xuất bản nước ngoài, của tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài 1. Nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài (bao gồm doanh nghiệp, tổ chức được thành lập tại nước ngoài hoạt động đa ngành nghề, đa lĩnh vực trong đó có xuất bản, phát hành xuất bản phẩm) được thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam sau khi được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy phép.	**Điều 6. Điều kiện thành lập, nội dung hoạt động của văn phòng đại diện tại Việt Nam của nhà xuất bản nước ngoài, của tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài** 1. Điều kiện thành lập: a) Nhà xuất bản, tổ chức phát hành xuất bản phẩm đang hoạt động hợp pháp tại nước ngoài; b) Nhân sự dự kiến bổ nhiệm làm người đứng đầu văn phòng đại diện phải thường trú tại Việt Nam, có đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật, có trình độ đại học trở lên, không	**Điều 7. Điều kiện thành lập và nội dung hoạt động văn phòng đại diện tại Việt Nam của nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài**[6] 1. Nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài được cấp giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam khi đáp ứng các điều kiện sau đây: a) Nhà xuất bản, tổ chức phát hành xuất bản phẩm đang hoạt động hợp pháp tại nước ngoài;

[6] *Đối chiếu: Quy định chi tiết khoản 2 Điều 8 của Luật.*

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
2. Chính phủ quy định chi tiết điều kiện thành lập và nội dung hoạt động, thủ tục cấp, cấp lại giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài.	trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chấp hành bản án có hiệu lực pháp luật của tòa án; c) (được bãi bỏ). 2. Nội dung hoạt động: Văn phòng đại diện phải tuân thủ quy định của Luật xuất bản, Nghị định này, các quy định khác của pháp luật Việt Nam về văn phòng đại diện và được thực hiện các hoạt động sau đây: a) Giới thiệu, trưng bày, triển lãm, quảng cáo hoặc hình thức khác theo quy định của pháp luật Việt Nam về tổ chức và xuất bản phẩm của nhà xuất bản hoặc của tổ chức phát hành xuất bản phẩm do mình đại diện; b) Hỗ trợ các hoạt động xúc tiến thương mại, hợp tác, trao đổi về bản quyền, xuất bản, in, phát hành xuất bản phẩm cho nhà xuất bản, tổ chức phát hành xuất bản phẩm do mình đại diện. **Điều 7. Cấp, cấp lại, gia hạn giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của nhà xuất bản nước ngoài, của tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài** 1. Việc cấp giấy phép thành lập văn phòng đại diện thực hiện theo quy định sau đây: a) Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thành lập văn phòng đại diện bằng tiếng Việt (trường hợp hồ sơ	b) Người dự kiến đứng đầu văn phòng đại diện cư trú hợp pháp tại Việt Nam có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, có trình độ đại học trở lên và không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đang trong thời gian chấp hành bản án về hình sự đã có hiệu lực pháp luật; c) Có địa điểm đặt trụ sở văn phòng đại diện tại Việt Nam theo quy định của pháp luật. 2. Văn phòng đại diện được thực hiện các hoạt động sau đây: a) Giới thiệu, trưng bày, triển lãm, quảng bá xuất bản phẩm và về hoạt động của nhà xuất bản, tổ chức phát hành xuất bản phẩm mà mình đại diện theo quy định của pháp luật Việt Nam; b) Hỗ trợ hoạt động xúc tiến thương mại, hợp tác, trao đổi bản quyền, xuất bản, in và phát hành xuất bản phẩm; c) Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật Việt Nam. 3. Văn phòng đại diện có trách nhiệm: a) Hoạt động đúng nội dung ghi trong giấy phép và quy định của pháp luật Việt Nam; b) Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định tại Điều 5 Nghị định này;

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
	bằng tiếng nước ngoài thì phải có bản dịch sang tiếng Việt được công chứng) gửi Bộ Thông tin và Truyền thông gồm có: Đơn đề nghị cấp giấy phép; văn bản của cơ quan có thẩm quyền nước ngoài xác nhận nhà xuất bản, tổ chức phát hành xuất bản phẩm đang hoạt động hợp pháp tại nước đặt trụ sở chính; bản sao có chứng thực hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu bằng tốt nghiệp đại học trở lên, phiếu lý lịch tư pháp và giấy tờ chứng minh được phép thường trú tại Việt Nam của người đứng đầu văn phòng đại diện do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp; b) Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Bộ Thông tin và Truyền thông cấp giấy phép thành lập văn phòng đại diện; trường hợp không cấp giấy phép phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do. Trường hợp nộp hồ sơ qua mạng Internet hoặc qua dịch vụ bưu chính nhưng không đúng mẫu hoặc không đủ thành phần theo quy định, trong 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Xuất bản, In và Phát hành) phải thông báo, hướng dẫn chi tiết cho nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài qua một trong các hình thức sau: điện thoại, thư điện tử hoặc fax.	c) Chấp hành việc kiểm tra, thanh tra của cơ quan có thẩm quyền; d) Thực hiện thủ tục chấm dứt hoạt động theo quy định của pháp luật.

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
	Giấy phép thành lập văn phòng đại diện có thời hạn 05 năm, kể từ ngày cấp và có thể được gia hạn, mỗi lần gia hạn không quá 05 năm. 2. Việc cấp lại, gia hạn giấy phép thành lập văn phòng đại diện thực hiện theo quy định sau đây: a) Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày bị mất, bị hư hỏng giấy phép, nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài phải có hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép. Hồ sơ gửi Bộ Thông tin và Truyền thông gồm đơn đề nghị cấp lại giấy phép và bản sao giấy phép (nếu có) hoặc giấy phép bị hư hỏng; b) Ít nhất 30 ngày, trước ngày giấy phép hết hạn, nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài được đề nghị gia hạn giấy phép thành lập văn phòng đại diện. Hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép gửi Bộ Thông tin và Truyền thông gồm đơn đề nghị gia hạn giấy phép và giấy phép đã được cấp; c) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Bộ Thông tin và Truyền thông cấp lại, gia hạn giấy phép; trường hợp không cấp lại, gia hạn giấy phép phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do. 3. Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết mẫu đơn đề nghị cấp, cấp lại, gia hạn	

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
	giấy phép thành lập văn phòng đại diện, mẫu giấy phép thành lập văn phòng đại diện quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này.	
		Điều 8. Trình tự, thủ tục cấp giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài[7] 1. Hồ sơ cấp giấy phép được lập thành 01 bộ, bao gồm: a) Đơn đề nghị cấp giấy phép theo mẫu quy định tại Điều 6 của Nghị định này; b) Văn bản xác nhận hoạt động hợp pháp ở nước ngoài; c) Bản sao bằng tốt nghiệp đại học trở lên; d) Giấy tờ chứng minh cư trú hợp pháp tại Việt Nam của người dự kiến đứng đầu; đ) Tài liệu chứng minh quyền sử dụng hợp pháp địa điểm đặt trụ sở; e) Các giấy tờ, tài liệu quy định tại khoản này bằng tiếng nước ngoài phải kèm theo bản dịch tiếng

[7] *Đối chiếu: Quy định chi tiết khoản 2 Điều 8 của Luật.*

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
		Việt được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật. 2. Cách thức nộp hồ sơ theo quy định tại Điều 3 của Nghị định này đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi dự kiến đặt trụ sở hoặc cơ quan được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công tiếp nhận hồ sơ. 3. Tiếp nhận và thực hiện cấp giấy phép: a) Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, trường hợp hồ sơ không đúng theo quy định, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thông báo để yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ; b) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy phép; trường hợp không cấp giấy phép phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. 4. Giấy phép thành lập văn phòng đại diện có thời hạn 05 năm và được xem xét cấp lại mỗi lần không quá 05 năm.
		Điều 9. Trình tự, thủ tục cấp lại giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của

		nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài[8] 1. Các trường hợp cấp lại giấy phép: a) Thay đổi thông tin ghi trên giấy phép; b) Hết thời hạn ghi trên giấy phép; c) Giấy phép bị mất, bị hư hỏng. 2. Hồ sơ cấp lại giấy phép: a) 01 bộ hồ sơ gồm đơn đề nghị cấp lại giấy phép theo mẫu quy định tại Điều 6 Nghị định này và các giấy tờ, tài liệu kèm theo tương ứng quy định tại các điểm b, c, d và đ khoản 1 Điều 8 Nghị định này để chứng minh sự thay đổi đối với trường hợp thay đổi thông tin ghi trên giấy phép; b) Chỉ nộp đơn đề nghị cấp lại giấy phép theo mẫu quy định tại Điều 6 Nghị định này đối với trường hợp hết thời hạn ghi trên giấy phép hoặc giấy phép bị mất, bị hư hỏng. 3. Cách thức nộp hồ sơ thực hiện theo quy định tại Điều 3 của Nghị định này đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi dự kiến đặt trụ sở hoặc cơ quan được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công tiếp nhận hồ sơ ngay sau khi có sự thay đổi thông tin ghi trên giấy phép hoặc kể từ ngày phát hiện giấy phép bị mất, bị hư hỏng; chậm nhất 10 ngày làm việc trước thời điểm hết hạn giấy phép mà có nhu cầu cấp lại giấy phép. 4. Tiếp nhận và thực hiện cấp lại giấy phép: a) Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, trường hợp hồ sơ không đúng theo quy định, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thông báo để yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
		b) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp lại giấy phép; trường hợp không cấp lại giấy phép phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.
		Điều 10. Trình tự, thủ tục chấm dứt hoạt động, thu hồi giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài[9] 1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày chấm dứt hoạt động theo yêu cầu, quyết định của nhà xuất bản, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài, văn phòng đại diện phải có văn bản thông báo gửi đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi cấp giấy phép kèm theo bản chính giấy phép thành lập để thực hiện việc thu hồi. Trường hợp bản chính giấy phép được cấp dưới dạng điện tử thì không phải nộp bản giấy. 2. Văn phòng đại diện bị thu hồi giấy phép thành lập trong các trường hợp sau đây: a) Không bảo đảm điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 7 của Nghị định này;

[8] *Đối chiếu: Quy định chi tiết khoản 2 Điều 8 của Luật.*

[9] *Đối chiếu: Khoản 2 Điều 8 của Luật.*

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
		b) Hoạt động sai mục đích hoặc không đúng với nội dung quy định trong giấy phép; c) Vi phạm nghiêm trọng các quy định khác của pháp luật Việt Nam; d) Chấm dứt hoạt động theo quy định tại khoản 1 Điều này. 3. Trình tự, thủ tục thu hồi giấy phép thành lập văn phòng đại diện: a) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát hiện một trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b và c khoản 2 Điều này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm xác minh và ban hành quyết định thu hồi giấy phép. Quyết định thu hồi phải xác định rõ lý do thu hồi, thời điểm có hiệu lực và biện pháp xử lý tiếp theo (nếu có); b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo quy định tại khoản 1 Điều này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định thu hồi giấy phép. 4. Thông báo chấm dứt hoạt động quy định tại khoản 1 Điều này được lập theo mẫu quy định tại Điều 6 của Nghị định này, gửi theo cách thức quy định tại Điều 3 của Nghị định này.

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
		Điều 11. Định danh và truy xuất nguồn gốc xuất bản phẩm in[10] 1. Nguyên tắc định danh: a) Xuất bản phẩm in được quản lý bằng mã định danh xuất bản phẩm và mã định danh đợt in trên cơ sở dữ liệu chuyên ngành về hoạt động xuất bản; b) Mã định danh đợt in phải gắn với thông tin về nhà xuất bản, tổ chức hoặc cá nhân liên kết xuất bản (nếu có), cơ sở in, số lượng in, thời gian in và các thông tin cần thiết khác phục vụ việc truy xuất nguồn gốc xuất bản phẩm; c) Mã định danh không thay thế số xác nhận đăng ký kế hoạch xuất bản, quyết định xuất bản, mã số ISBN và các giấy tờ, tài liệu khác theo quy định của pháp luật. 2. Trách nhiệm của nhà xuất bản: a) Cung cấp, cập nhật đầy đủ và chính xác thông tin về xuất bản phẩm, đợt in và số lượng được đặt in vào cơ sở dữ liệu chuyên ngành theo quy định; b) Xác định số lượng in, cơ sở in và các thông tin liên quan trong hồ sơ đặt in; lưu giữ hợp đồng

[10] *Đối chiếu: Hướng dẫn thi hành điểm d, điểm đ khoản 1 Điều 6, điểm c khoản 1 và khoản 2 Điều 27, điểm d khoản 6 Điều 32 của Luật về định danh, truy xuất nguồn gốc và phòng, chống in nối bản trái phép, in lậu, in giả xuất bản phẩm.*

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
		in, chứng từ giao nhận và tài liệu nghiệm thu số lượng xuất bản phẩm; c) Đối chiếu số lượng đặt in, số lượng thực tế nhận bàn giao và số lượng xuất bản phẩm đưa vào phát hành; kịp thời báo cáo cơ quan có thẩm quyền khi phát hiện dấu hiệu in vượt số lượng, in nối bản trái phép hoặc sử dụng thông tin định danh không đúng quy định. 3. Trách nhiệm của cơ sở in: a) Kiểm tra tính hợp pháp của hồ sơ đặt in theo quy định của pháp luật trước khi thực hiện in xuất bản phẩm; b) Cập nhật hoặc xác nhận trên hệ thống thông tin chuyên ngành các thông tin về đợt in, số lượng thực tế in, số lượng thành phẩm, số lượng hỏng và số lượng đã bàn giao; c) Lưu giữ hợp đồng, lệnh sản xuất, tài liệu kỹ thuật, chứng từ giao nhận và các hồ sơ liên quan để phục vụ việc kiểm tra, xác minh khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền; d) Không được tự ý in bổ sung, in lại hoặc giao cho cơ sở khác thực hiện việc in, gia công xuất bản phẩm ngoài phạm vi hợp đồng và hồ sơ hợp pháp; trường hợp có thay đổi phải thực hiện theo quy định của pháp luật.

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
		4. Trách nhiệm của cơ sở phát hành: a) Kiểm tra, lưu giữ chứng từ chứng minh nguồn gốc xuất bản phẩm nhập vào hệ thống phân phối; b) Ghi nhận số lượng nhập, xuất, tồn và thông tin về nhà cung cấp, lô hàng hoặc đợt in theo quy định; c) Phối hợp truy xuất nguồn gốc, cung cấp thông tin, chứng từ và thực hiện biện pháp xử lý theo yêu cầu hợp pháp của cơ quan có thẩm quyền khi phát hiện xuất bản phẩm có dấu hiệu in lậu, in giả hoặc in nối bản trái phép. 5. Quản lý, kết nối và đối soát dữ liệu: a) Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức quản lý, vận hành cơ sở dữ liệu định danh và truy xuất nguồn gốc xuất bản phẩm in; quy định cấu trúc mã, dữ liệu bắt buộc, phương thức cập nhật, kết nối và khai thác dữ liệu; b) Cơ quan có thẩm quyền thực hiện đối soát thông tin giữa hồ sơ xuất bản, dữ liệu đợt in, chứng từ bàn giao và dữ liệu phát hành để phát hiện dấu hiệu bất thường; c) Khi phát hiện dấu hiệu vi phạm, cơ quan có thẩm quyền thực hiện việc xác minh, kiểm tra và xử lý theo quy định của pháp luật; việc xác định

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
		trách nhiệm của từng tổ chức, cá nhân phải căn cứ vào hồ sơ, dữ liệu và các chứng cứ có liên quan. 6. Việc áp dụng mã định danh, mã truy xuất trên xuất bản phẩm in và lộ trình thực hiện do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định phù hợp với yêu cầu kỹ thuật, chi phí thực hiện và yêu cầu quản lý trong từng giai đoạn.
Điều 9. (được bãi bỏ)		
Điều 10. Những nội dung và hành vi bị cấm trong hoạt động xuất bản 1. Nghiêm cấm việc xuất bản, in, phát hành xuất bản phẩm có nội dung sau đây: a) Tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt ; phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc; b) Tuyên truyền kích động chiến tranh xâm lược, gây hận thù giữa các dân tộc và Nhân dân các nước; kích động bạo lực; truyền bá tư tưởng phản động, lối sống dâm ô, đồi trụy, hành vi tội ác, tệ nạn xã hội, mê tín dị đoan, phá hoại thuần phong mỹ tục; c) Tiết lộ bí mật nhà nước, bí mật đời tư của cá nhân và bí mật khác do pháp luật quy định;		Các quy định liên quan về phát hiện, xử lý nội dung vi phạm tại Điều 24, Điều 32, Điều 41, Điều 43, Điều 46, Điều 47, Điều 51 và Điều 53 dự thảo.

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
d) Xuyên tạc sự thật lịch sử, phủ nhận thành tựu cách mạng; xúc phạm dân tộc, danh nhân, anh hùng dân tộc; không thể hiện hoặc thể hiện không đúng chủ quyền quốc gia; vu khống, xúc phạm uy tín của cơ quan, tổ chức và danh dự, nhân phẩm của cá nhân. 2. Nghiêm cấm thực hiện các hành vi sau đây: a) Xuất bản, in, phát hành xuất bản phẩm, cung cấp dịch vụ trung gian phát hành xuất bản phẩm hoặc đăng, phát sản phẩm thông tin có tính chất xuất bản phẩm trên không gian mạng có nội dung quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều này; b) Xuất bản, in, phát hành xuất bản phẩm, cung cấp dịch vụ trung gian phát hành hoặc phát tán trên không gian mạng xuất bản phẩm đã bị đình chỉ phát hành, thu hồi, tịch thu, cấm lưu hành, tiêu hủy, nhập khẩu trái phép; c) In nối bản trái phép xuất bản phẩm; in lậu xuất bản phẩm; in giả xuất bản phẩm; d) Tàng trữ để phát hành hoặc phát hành xuất bản phẩm do in nối bản trái phép, in lậu, in giả; đ) Phát hành bản in sản phẩm thông tin có tính chất xuất bản phẩm trên không gian mạng, trừ trường hợp in để phục vụ nghiên cứu hoặc mục đích khác theo quy định của pháp luật;		

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
e) Lợi dụng trí tuệ nhân tạo để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động xuất bản; g) Đăng, phát sản phẩm thông tin có tính chất xuất bản phẩm trên không gian mạng dưới dạng sách; h) Đe dọa tính mạng, sức khỏe, uy hiếp tinh thần; xúc phạm uy tín, danh dự, nhân phẩm hoặc cản trở trái pháp luật hoạt động nghề nghiệp của biên tập viên, người làm công tác xuất bản.		
Điều 11. (được bãi bỏ)		
Chương II **LĨNH VỰC XUẤT BẢN** **Điều 12. Đối tượng thành lập và loại hình tổ chức nhà xuất bản** 1. Cơ quan, tổ chức sau đây được thành lập nhà xuất bản (sau đây gọi là cơ quan chủ quản nhà xuất bản): a) Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, tổ chức chính trị ở trung ương và cấp tỉnh, tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương và cấp tỉnh. Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh không thành lập nhà xuất bản thì cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được	**Chương II** **LĨNH VỰC XUẤT BẢN**	**Chương II** **LĨNH VỰC XUẤT BẢN**

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
thành lập nhà xuất bản; b) Đơn vị sự nghiệp công lập ở trung ương; hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở trung ương trực tiếp sáng tạo tác phẩm, tài liệu khoa học, học thuật; c) Cơ sở giáo dục đại học công lập trực thuộc bộ, cơ quan ngang bộ. 2. Nhà xuất bản tổ chức và hoạt động theo loại hình đơn vị sự nghiệp công lập hoặc doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.		
Điều 13. Điều kiện thành lập nhà xuất bản Việc thành lập nhà xuất bản phải có đủ các điều kiện sau đây: 1. Có tôn chỉ, mục đích, chức năng, nhiệm vụ, đối tượng phục vụ, xuất bản phẩm chủ yếu phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của cơ quan chủ quản; 2. Có người đủ tiêu chuẩn quy định tại Điều 17 của Luật này để bổ nhiệm tổng giám đốc (giám đốc), tổng biên tập và có ít nhất năm biên tập viên cơ hữu; 3. Có trụ sở, nguồn tài chính và các điều kiện cần thiết khác bảo đảm hoạt động của nhà xuất bản	**Điều 8. Điều kiện thành lập và bảo đảm hoạt động của nhà xuất bản** 1. Ngoài điều kiện quy định tại các Khoản 1, 2 và 4 Điều 13 của Luật xuất bản, nhà xuất bản được thành lập khi có đủ các điều kiện sau đây: a) Trụ sở của nhà xuất bản có diện tích phù hợp, đáp ứng quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc. b) Có ít nhất 05 (năm) tỷ đồng để bảo đảm hoạt động xuất bản; c) Có đủ trang thiết bị để tổ chức xuất bản.	**Điều 12. Điều kiện thành lập và bảo đảm hoạt động của nhà xuất bản**[11] 1. Điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 13 của Luật bao gồm: a) Trụ sở của nhà xuất bản có diện tích phù hợp, đáp ứng quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc và bảo đảm ổn định từ 02 năm trở lên; b) Có nguồn tài chính bảo đảm từ 02 năm trở lên kể từ ngày hoạt động xuất bản để chi trả lương, các chế độ liên quan đến nhân sự và các chi phí hoạt động xuất bản của nhà xuất bản;

[11] *Đối chiếu: Quy định chi tiết khoản 3 Điều 13 của Luật.*

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
do Chính phủ quy định; 4. Phù hợp với chiến lược, kế hoạch và chính sách của Nhà nước về phát triển hoạt động xuất bản.	2. Trong quá trình hoạt động, cơ quan chủ quản nhà xuất bản có trách nhiệm duy trì các điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều này. 3. (được bãi bỏ)	c) Có đủ trang thiết bị để tổ chức xuất bản. 2. Trong quá trình hoạt động, cơ quan chủ quản nhà xuất bản có trách nhiệm duy trì các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này. 3. Cơ quan chủ quản và nhà xuất bản bảo đảm kinh phí hằng năm để nhà xuất bản thực hiện nhiệm vụ xuất bản theo tôn chỉ, mục đích của nhà xuất bản.
Điều 14. Cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép thành lập, đình chỉ hoạt động xuất bản của nhà xuất bản 1. Trước khi thành lập nhà xuất bản, cơ quan, tổ chức quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 12 của Luật này lập hồ sơ đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp giấy phép thành lập nhà xuất bản thuộc cơ quan, tổ chức mình. 2. Cơ quan chủ quản nhà xuất bản đã được cấp giấy phép thành lập nhà xuất bản phải đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp lại giấy phép thành lập nhà xuất bản khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: a) Thay đổi tên, tôn chỉ, mục đích, chức năng,		**Điều 13. Trình tự, thủ tục cấp giấy phép thành lập nhà xuất bản**[12] 1. Hồ sơ cấp giấy phép được lập thành 01 bộ, bao gồm: a) Đơn đề nghị cấp giấy phép theo mẫu quy định tại Điều 6 của Nghị định này; b) Đề án thành lập nhà xuất bản; c) Tài liệu chứng minh điều kiện về trụ sở, nguồn tài chính và trang thiết bị theo Điều 12 của Nghị định này; d) Sơ yếu lý lịch của nhân sự dự kiến bổ nhiệm lãnh đạo nhà xuất bản;

[12] *Đối chiếu: Quy định chi tiết khoản 5 Điều 14 của Luật.*

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
nhiệm vụ, đối tượng phục vụ, loại hình tổ chức; b) Thay đổi cơ quan chủ quản hoặc tên cơ quan chủ quản mà không thay đổi tôn chỉ, mục đích, chức năng, nhiệm vụ, đối tượng phục vụ; c) Giấy phép thành lập nhà xuất bản bị mất, bị hư hỏng. 3. Nhà xuất bản bị đình chỉ hoạt động xuất bản có thời hạn khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: a) Sau khi thành lập và trong quá trình hoạt động, nhà xuất bản không đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 13 của Luật này; b) Thực hiện không đúng nội dung ghi trong giấy phép thành lập nhà xuất bản gây phương hại quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân hoặc lợi ích công cộng mà chưa đến mức bị thu hồi giấy phép thành lập nhà xuất bản quy định tại điểm d khoản 4 Điều này; c) Vi phạm quy định của Luật này mà bị xử phạt vi phạm hành chính ở mức độ phải đình chỉ hoạt động. 4. Giấy phép thành lập nhà xuất bản bị thu hồi khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: a) Hết thời hạn bị đình chỉ hoạt động xuất bản		đ) Ý kiến bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền (nếu có). 2. Cách thức nộp hồ sơ: Cơ quan chủ quản gửi hồ sơ theo cách thức quy định tại Điều 3 của Nghị định này đến Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. 3. Tiếp nhận và thực hiện cấp giấy phép: a) Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, trường hợp hồ sơ không đúng theo quy định, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm thông báo để yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ; b) Trong thời hạn 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp giấy phép thành lập nhà xuất bản; trường hợp không cấp giấy phép phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
mà không khắc phục được nguyên nhân dẫn đến việc bị đình chỉ; b) Cơ quan chủ quản nhà xuất bản không ra quyết định thành lập nhà xuất bản trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày được cấp giấy phép thành lập; c) Trong thời hạn 12 tháng liên tục nhà xuất bản không có xuất bản phẩm nộp lưu chiểu; d) Nhà xuất bản không đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 13 của Luật này và không có khả năng khắc phục hoặc gây hậu quả nghiêm trọng; đ) Sau khi nhà xuất bản bị hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, giải thể, phá sản hoặc cơ quan chủ quản nhà xuất bản đề nghị chấm dứt hoạt động. 5. Chính phủ quy định trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép thành lập; trình tự, thủ tục, thời hạn đình chỉ hoạt động xuất bản của nhà xuất bản.		

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
		Điều 14. Trình tự, thủ tục cấp lại giấy phép thành lập nhà xuất bản[13] 1. Giấy phép thành lập nhà xuất bản được cấp lại trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 14 của Luật. 2. Hồ sơ cấp lại giấy phép: a) 01 bộ hồ sơ gồm đơn đề nghị cấp lại giấy phép theo mẫu quy định tại Điều 6 của Nghị định này và các giấy tờ, tài liệu kèm theo tương ứng với nội dung thay đổi; b) Chỉ nộp đơn đề nghị cấp lại giấy phép đối với trường hợp giấy phép bị mất hoặc bị hư hỏng. 3. Cách thức nộp hồ sơ: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh một trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 14 của Luật, cơ quan chủ quản gửi hồ sơ theo cách thức quy định tại Điều 3 của Nghị định này đến Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để đề nghị cấp lại giấy phép. 4. Tiếp nhận và thực hiện cấp lại giấy phép: a) Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, trường hợp hồ sơ không đúng theo quy định, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách

[13] *Đối chiếu: Khoản 5 Điều 14 của Luật.*

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
		nhiệm thông báo để yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ; b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp lại giấy phép thành lập nhà xuất bản; trường hợp không cấp lại giấy phép phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.
		Điều 15. Trình tự, thủ tục và thời hạn đình chỉ hoạt động xuất bản của nhà xuất bản[14] 1. Đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 3 Điều 14 của Luật, cơ quan chủ quản nhà xuất bản phải ra quyết định đình chỉ hoạt động xuất bản của nhà xuất bản từ 30 đến 90 ngày kể từ ngày phát sinh việc không đáp ứng đủ điều kiện quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 13 của Luật để rà soát và khắc phục nguyên nhân dẫn đến việc nhà xuất bản bị đình chỉ hoạt động; quyết định đình chỉ hoạt động phải được gửi đồng thời đến Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để theo dõi, quản lý. 2. Đối với trường hợp quy định tại điểm b và điểm c khoản 3 Điều 14 của Luật, nhà xuất bản phải tuân thủ quyết định xử phạt vi phạm hành chính của

[14] *Đối chiếu: Khoản 5 Điều 14 của Luật.*

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
		người có thẩm quyền xử phạt theo quy định của pháp luật. 3. Trong thời gian bị đình chỉ, nhà xuất bản phải dừng các hoạt động thuộc phạm vi bị đình chỉ ghi trong quyết định đình chỉ hoạt động; cơ quan chủ quản và nhà xuất bản có trách nhiệm thực hiện các biện pháp khắc phục nguyên nhân dẫn đến việc đình chỉ và các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật. 4. Đối với trường hợp bị đình chỉ theo điểm a khoản 3 Điều 14 của Luật, sau khi hoàn thành việc khắc phục nguyên nhân dẫn đến nhà xuất bản bị đình chỉ hoạt động xuất bản, cơ quan chủ quản phải ra quyết định cho nhà xuất bản được hoạt động xuất bản trở lại, đồng thời gửi quyết định này đến Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để theo dõi, quản lý. 5. Đối với trường hợp bị đình chỉ theo điểm b khoản 3 Điều 14 của Luật, nhà xuất bản được tiếp tục hoạt động xuất bản sau khi đã chấp hành đầy đủ về hình thức, mức xử phạt tại quyết định xử phạt vi phạm hành chính. 6. Trong thời gian nhà xuất bản bị đình chỉ hoạt động xuất bản theo quy định tại khoản 3 Điều 14 của Luật và Điều này, nhà xuất bản vẫn được thực hiện các hoạt động, nghĩa vụ, trách nhiệm khác (nếu có) trong chức năng, nhiệm vụ của nhà xuất

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
		bản theo quy định của Luật, Nghị định này và pháp luật có liên quan. 7. Trường hợp không khắc phục được nguyên nhân dẫn đến nhà xuất bản bị đình chỉ hoạt động xuất bản theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 14 của Luật, cơ quan chủ quản và nhà xuất bản phải báo cáo bằng văn bản đến Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chậm nhất vào ngày hết thời hạn bị đình chỉ hoạt động.
		Điều 16. Trình tự, thủ tục chấm dứt hoạt động, thu hồi giấy phép thành lập nhà xuất bản[15] 1. Trường hợp cơ quan chủ quản đề nghị chấm dứt hoạt động xuất bản của nhà xuất bản, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày chấm dứt hoạt động, cơ quan chủ quản gửi văn bản đề nghị chấm dứt hoạt động nhà xuất bản theo cách thức quy định tại Điều 3 của Nghị định này đến Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Văn bản đề nghị phải nêu rõ lý do và phương án giải quyết các quyền, nghĩa vụ liên quan đến nhà xuất bản, kèm theo quyết định chấm dứt hoạt động của nhà xuất bản, bản chính giấy phép thành lập nhà xuất bản đã được cấp.

[15] *Đối chiếu: Khoản 5 Điều 14 của Luật.*

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
		Trường hợp giấy phép thành lập được cấp dưới dạng điện tử thì không phải nộp bản giấy. 2. Việc thu hồi giấy phép thành lập nhà xuất bản đối với các trường hợp khác được thực hiện như sau: a) Đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 4 Điều 14 của Luật, chậm nhất vào ngày hết thời hạn đình chỉ hoạt động xuất bản, cơ quan chủ quản, nhà xuất bản báo cáo Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc không khắc phục được nguyên nhân dẫn đến đình chỉ để xem xét, thu hồi giấy phép thành lập nhà xuất bản; b) Đối với các trường hợp quy định tại các điểm b, c và d khoản 4 Điều 14 của Luật, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch căn cứ hồ sơ, tài liệu liên quan để xem xét, thu hồi giấy phép; c) Đối với trường hợp quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 14 của Luật, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhà xuất bản bị hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, giải thể, phá sản, cơ quan chủ quản phải gửi báo cáo để Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có căn cứ thu hồi giấy phép thành lập nhà xuất bản. 3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ báo cáo, hồ sơ, tài liệu liên quan, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét, quyết định thu hồi giấy phép thành lập nhà xuất bản.

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
		4. Văn bản đề nghị chấm dứt hoạt động quy định tại khoản 1 Điều này được lập theo mẫu quy định tại Điều 6 của Nghị định này, đồng thời là thông báo chấm dứt hoạt động của nhà xuất bản. 5. Trường hợp mất bản chính giấy phép, cơ quan chủ quản phải nêu rõ trong văn bản đề nghị hoặc báo cáo. Việc mất bản chính giấy phép thành lập nhà xuất bản không làm ảnh hưởng đến việc xem xét, thu hồi giấy phép đối với các trường hợp phải thu hồi giấy phép.
Điều 15. (được bãi bỏ)		
Điều 16. Nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chủ quản nhà xuất bản 1. Bảo đảm các điều kiện quy định tại Điều 13 của Luật này. 2. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức đối với tổng giám đốc hoặc giám đốc, phó tổng giám đốc hoặc phó giám đốc, tổng biên tập, phó tổng biên tập nhà xuất bản. Việc bổ nhiệm đối với tổng giám đốc hoặc giám đốc, phó tổng giám đốc hoặc phó giám đốc, tổng biên tập, phó tổng biên tập nhà xuất bản được thực	**Điều 9. Chấp thuận bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức tổng giám đốc (giám đốc), tổng biên tập nhà xuất bản** 1. Việc chấp thuận bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh lãnh đạo nhà xuất bản là tổng giám đốc (giám đốc), tổng biên tập thực hiện như sau: a) Trước khi bổ nhiệm tổng giám đốc (giám đốc), tổng biên tập nhà xuất bản, cơ quan chủ quản phải có hồ sơ gửi Bộ Thông tin và Truyền thông. Hồ sơ gồm có: Văn bản đề nghị chấp thuận bổ	**Điều 17. Trình tự, thủ tục chấp thuận bổ nhiệm đối với tổng giám đốc hoặc giám đốc, phó tổng giám đốc hoặc phó giám đốc, tổng biên tập, phó tổng biên tập nhà xuất bản**[16] 1. Hồ sơ đề nghị chấp thuận bổ nhiệm gồm: a) Văn bản đề nghị của cơ quan chủ quản theo mẫu quy định tại Điều 6 của Nghị định này; b) Sơ yếu lý lịch của nhân sự đề nghị chấp thuận bổ nhiệm;

[16] *Đối chiếu: Quy định chi tiết khoản 2 Điều 16 của Luật.*

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
hiện sau khi có văn bản chấp thuận của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch theo quy định của Chính phủ. 3. Định hướng hoạt động của nhà xuất bản; phê duyệt kế hoạch xuất bản của nhà xuất bản đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 24 của Luật này. 4. Chỉ đạo việc thực hiện tôn chỉ, mục đích, phương hướng hoạt động của nhà xuất bản; giám sát nhà xuất bản thực hiện đúng giấy phép thành lập nhà xuất bản. 5. Thanh tra, kiểm tra hoạt động của nhà xuất bản theo thẩm quyền. 6. Chịu trách nhiệm về những vi phạm pháp luật của nhà xuất bản trong hoạt động xuất bản theo nhiệm vụ, quyền hạn của mình.	nhiệm; sơ yếu lý lịch của nhân sự dự kiến bổ nhiệm; bản sao có chứng thực hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu bằng tốt nghiệp đại học trở lên của nhân sự dự kiến bổ nhiệm. b) Trước khi miễn nhiệm, cách chức tổng giám đốc (giám đốc), tổng biên tập nhà xuất bản, cơ quan chủ quản phải có văn bản đề nghị chấp thuận miễn nhiệm, cách chức gửi Bộ Thông tin và Truyền thông; c) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của cơ quan chủ quản nhà xuất bản, Bộ Thông tin và Truyền thông có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức đối với tổng giám đốc (giám đốc), tổng biên tập nhà xuất bản. 2. Bộ Thông tin và Truyền thông đề nghị cơ quan chủ quản nhà xuất bản xem xét miễn nhiệm, cách chức đối với tổng giám đốc (giám đốc), tổng biên tập nhà xuất bản khi vi phạm nghiêm trọng quy định của pháp luật về hoạt động xuất bản.	c) Bản sao văn bằng của nhân sự đề nghị chấp thuận bổ nhiệm; d) Các tài liệu chứng minh về thời gian công tác, tiêu chuẩn chính trị của nhân sự đề nghị chấp thuận bổ nhiệm; đ) Chứng chỉ hành nghề biên tập đối với nhân sự đề nghị chấp thuận bổ nhiệm tổng biên tập, phó tổng biên tập nhà xuất bản; e) Văn bản của cơ quan có thẩm quyền đối với trường hợp đặc biệt (nếu có). 2. Trình tự, thủ tục chấp thuận bổ nhiệm được thực hiện như sau: a) Cơ quan chủ quản gửi 01 bộ hồ sơ theo cách thức quy định tại Điều 3 của Nghị định này đến Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Tài liệu chứa bí mật nhà nước được gửi, tiếp nhận và xử lý theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước; b) Trường hợp hồ sơ không đúng theo quy định, trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm thông báo để yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ; c) Trong thời hạn 13 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét hồ sơ nhân sự, phối hợp, trao đổi, thống nhất ý kiến với cơ quan chỉ đạo xuất bản

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
		có thẩm quyền theo quy định của Đảng và cơ chế phối hợp giữa các cơ quan, ban hành văn bản chấp thuận bổ nhiệm; trường hợp không chấp thuận bổ nhiệm phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.
		Điều 18. Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chủ quản quy định tại khoản 3 Điều 16 của Luật[17] 1. Cơ quan chủ quản có trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo, định hướng và kiểm tra hoạt động của nhà xuất bản; bảo đảm hoạt động xuất bản phù hợp với tôn chỉ, mục đích, chức năng, nhiệm vụ, đối tượng phục vụ của nhà xuất bản và định hướng của cơ quan chủ quản; thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chủ quản theo quy định của Luật và pháp luật có liên quan. 2. Cơ quan chủ quản có trách nhiệm định hướng hoạt động xuất bản của nhà xuất bản theo từng thời kỳ; xem xét kế hoạch, chương trình, đề tài xuất bản trọng tâm, các tác phẩm, tài liệu phục vụ nhiệm vụ chính trị và các tác phẩm, tài liệu có nội dung thuộc lĩnh vực quan trọng, phức tạp, nhạy cảm theo chức năng, nhiệm vụ và phạm vi quản lý của cơ quan chủ quản.

[17] *Đối chiếu: Hướng dẫn thi hành khoản 3 Điều 16 của Luật.*

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
		3. Đối với tác phẩm, tài liệu quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 24 của Luật, trước khi đăng ký kế hoạch xuất bản, nhà xuất bản tổ chức thẩm định bản thảo và gửi kế hoạch xuất bản, kết quả thẩm định và ý kiến đề xuất của nhà xuất bản đến cơ quan chủ quản để xem xét theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 22 của Luật. Cơ quan chủ quản xem xét kết quả thẩm định, những vấn đề cần lưu ý về nội dung bản thảo, sự phù hợp với tôn chỉ, mục đích, chức năng, nhiệm vụ của nhà xuất bản và định hướng của cơ quan chủ quản, làm cơ sở quyết định việc phê duyệt kế hoạch xuất bản. Việc phê duyệt hoặc không phê duyệt phải được thể hiện bằng văn bản hoặc phương thức điện tử theo quy định pháp luật. 4. Cơ quan chủ quản có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra việc thực hiện định hướng, kế hoạch xuất bản và việc chấp hành pháp luật của nhà xuất bản; kịp thời chỉ đạo nhà xuất bản rà soát, xử lý hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền đối với tác phẩm, tài liệu có nội dung phức tạp, nhạy cảm hoặc khi phát hiện dấu hiệu vi phạm pháp luật trong hoạt động xuất bản. 5. Việc cơ quan chủ quản định hướng, xem xét, phê duyệt kế hoạch xuất bản, kiểm tra hoạt động của nhà xuất bản không thay thế trách nhiệm của nhà xuất bản, tổng giám đốc hoặc giám đốc, tổng

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
		biên tập, biên tập viên và người có liên quan đối với việc tổ chức bản thảo, biên tập, thẩm định, quyết định xuất bản và nội dung xuất bản phẩm theo quy định của Luật.
Điều 17. Tiêu chuẩn các chức danh lãnh đạo nhà xuất bản 1. Tiêu chuẩn đối với tổng giám đốc hoặc giám đốc, phó tổng giám đốc hoặc phó giám đốc được quy định như sau: a) Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam theo quy định của pháp luật về cư trú; b) Đáp ứng tiêu chuẩn về chính trị, trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ và tiêu chuẩn khác theo quy định của Chính phủ và của cơ quan có thẩm quyền. 2. Tiêu chuẩn đối với tổng biên tập, phó tổng biên tập được quy định như sau: a) Có đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này; b) Có chứng chỉ hành nghề biên tập. 3. Đối với nhà xuất bản được tổ chức và hoạt động theo loại hình doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, mà có chức danh chủ tịch		**Điều 19. Tiêu chuẩn về chính trị, trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ và tiêu chuẩn khác quy định tại điểm b khoản 1 Điều 17 của Luật**[18] 1. Tổng giám đốc hoặc giám đốc, phó tổng giám đốc hoặc phó giám đốc, tổng biên tập, phó tổng biên tập nhà xuất bản phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau đây: a) Đáp ứng các tiêu chuẩn về chính trị theo quy định của cơ quan có thẩm quyền; b) Có trình độ từ cử nhân trở lên; c) Có thời gian hoạt động trong lĩnh vực báo chí, xuất bản ít nhất 03 năm. 2. Trường hợp đặc biệt thực hiện theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền. 3. Đối với nhân sự được bổ nhiệm làm tổng biên tập, phó tổng biên tập nhà xuất bản thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này phải đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại điểm b khoản 2 Điều 17

[18] *Đối chiếu: Quy định chi tiết điểm b khoản 1 Điều 17 của Luật.*

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
hội đồng thành viên hoặc chủ tịch công ty thì chủ tịch hội đồng thành viên hoặc chủ tịch công ty đồng thời là tổng giám đốc hoặc giám đốc nhà xuất bản theo quy định của Luật này. Trường hợp cần bố trí chủ tịch hội đồng thành viên hoặc chủ tịch công ty không đồng thời là tổng giám đốc hoặc giám đốc nhà xuất bản thì cơ quan chủ quản nhà xuất bản báo cáo, xin ý kiến cơ quan có thẩm quyền trước khi quyết định. 4. Người đứng đầu cơ quan chủ quản nhà xuất bản không được kiêm giữ chức vụ tổng giám đốc hoặc giám đốc nhà xuất bản; lãnh đạo nhà xuất bản này không được kiêm giữ chức vụ lãnh đạo nhà xuất bản khác, trừ trường hợp có quy định khác của cơ quan có thẩm quyền. 5. Trường hợp nhà xuất bản được thành lập theo quy định của Luật này hoặc được sắp xếp, tổ chức lại mà có chức năng xuất bản tạp chí thì tổng giám đốc hoặc giám đốc nhà xuất bản phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật về báo chí và đồng thời là tổng biên tập tạp chí.		của Luật trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày được bổ nhiệm.

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
Điều 18. Nhiệm vụ và quyền hạn của tổng giám đốc (giám đốc), tổng biên tập nhà xuất bản 1. Tổng giám đốc (giám đốc) nhà xuất bản có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây: a) Điều hành hoạt động của nhà xuất bản đúng tôn chỉ, mục đích, chức năng, nhiệm vụ ghi trong giấy phép và quyết định thành lập nhà xuất bản; b) Xây dựng bộ máy tổ chức và nhân lực của nhà xuất bản; c) Tổ chức thực hiện việc đăng ký kế hoạch xuất bản với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch theo quy định tại Điều 22 của Luật này; d) Tổ chức thẩm định tác phẩm, tài liệu quy định tại Điều 24 của Luật này và tác phẩm, tài liệu khác khi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản; đ) Ký hợp đồng liên kết xuất bản quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 23 của Luật này trước khi ký quyết định xuất bản; e) Ký duyệt bản thảo hoàn chỉnh trước khi đưa in;		**Điều 20. Hướng dẫn ký duyệt bản thảo hoàn chỉnh trước khi đưa in quy định tại điểm e khoản 1 Điều 18 của Luật**[19] 1. Bản thảo in trên giấy thông thường; bản thảo in trên giấy can, trên phim; bản thảo điện tử (bao gồm nội dung xuất bản phẩm, thông tin ghi trên xuất bản phẩm, bìa sách nếu là sách in) phải được biên tập viên và tổng biên tập thực hiện biên tập hoàn chỉnh trước khi trình giám đốc hoặc tổng giám đốc nhà xuất bản để ký duyệt đưa in. 2. Cách thức ký duyệt bản thảo của tổng giám đốc hoặc giám đốc nhà xuất bản: a) Đối với bản thảo của xuất bản phẩm là sách được in trên giấy thông thường, tổng giám đốc hoặc giám đốc nhà xuất bản ký tên, đóng dấu vào bìa 1, bìa 4 và trang ghi số xác nhận đăng ký kế hoạch xuất bản hoặc ký tên vào phiếu duyệt bản thảo đã có đủ chữ ký của tổng biên tập, biên tập viên nhà xuất bản trên phiếu duyệt và phải đóng dấu giáp lai phiếu duyệt với bản thảo; b) Đối với bản thảo của xuất bản phẩm không phải là sách được in trên giấy thông thường, trên giấy can, trên phim và bản thảo điện tử, tổng giám đốc hoặc giám đốc nhà xuất bản ký tên vào phiếu

[19] *Đối chiếu: Hướng dẫn thi hành việc ký duyệt bản thảo hoàn chỉnh trước khi đưa in quy định tại điểm e khoản 1 Điều 18 của Luật.*

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
g) Ký quyết định xuất bản đối với từng xuất bản phẩm đúng với văn bản xác nhận đăng ký kế hoạch xuất bản, kể cả việc in tăng số lượng; h) Ký quyết định phát hành xuất bản phẩm; i) Định giá, điều chỉnh giá bán lẻ xuất bản phẩm theo quy định của pháp luật; k) Tổ chức việc lưu trữ hồ sơ biên tập bản thảo và tài liệu có liên quan của từng xuất bản phẩm theo quy định của pháp luật; l) Thực hiện việc sửa chữa, đình chỉ phát hành, thu hồi hoặc tiêu hủy xuất bản phẩm khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; m) Thực hiện việc báo cáo khi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản; n) Bảo đảm không để lộ, lọt nội dung tác phẩm, tài liệu xuất bản trước khi phát hành làm ảnh hưởng đến quyền lợi của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả; o) Quản lý tài sản và cơ sở vật chất của nhà xuất bản; p) Chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước cơ quan chủ quản về xuất bản phẩm và mọi hoạt động của nhà xuất bản. 2. Tổng biên tập nhà xuất bản có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:		duyệt bản thảo sau khi có đủ chữ ký của tổng biên tập và biên tập viên nhà xuất bản trên phiếu duyệt bản thảo.

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
a) Giúp tổng giám đốc (giám đốc) chỉ đạo việc tổ chức bản thảo; b) Tổ chức biên tập bản thảo; c) Đọc và ký duyệt đối với từng bản thảo để trình tổng giám đốc (giám đốc) nhà xuất bản ký quyết định xuất bản; d) Không được để lộ, lọt nội dung tác phẩm, tài liệu xuất bản trước khi phát hành làm ảnh hưởng đến quyền lợi của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả; đ) Chịu trách nhiệm trước tổng giám đốc (giám đốc) nhà xuất bản và trước pháp luật về nội dung xuất bản phẩm của nhà xuất bản.		
Điều 19. Tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn của biên tập viên 1. Tiêu chuẩn của biên tập viên: a) Là công dân Việt ; thường trú tại Việt ; có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; b) Có trình độ đại học trở lên; c) Hoàn thành khóa bồi dưỡng kiến thức pháp luật xuất bản, nghiệp vụ biên tập theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; d) Có chứng chỉ hành nghề biên tập do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp.		

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
2. Biên tập viên có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây: a) Thực hiện biên tập bản thảo; b) Được từ chối biên tập bản thảo tác phẩm, tài liệu mà nội dung có dấu hiệu vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 10 của Luật này và phải báo cáo với tổng giám đốc (giám đốc), tổng biên tập nhà xuất bản bằng văn bản; c) Đứng tên trên xuất bản phẩm do mình biên tập; d) Tham gia các lớp tập huấn định kỳ kiến thức pháp luật xuất bản, nghiệp vụ biên tập do cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản tổ chức; đ) Không được để lộ, lọt nội dung tác phẩm, tài liệu xuất bản trước khi phát hành làm ảnh hưởng đến quyền lợi của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả; e) Chịu trách nhiệm trước tổng biên tập nhà xuất bản và trước pháp luật về phần nội dung xuất bản phẩm do mình biên tập.		

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
Điều 20. Cấp, cấp lại, thu hồi chứng chỉ hành nghề biên tập 1. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp chứng chỉ hành nghề biên tập cho người thực hiện công tác biên tập, có đủ tiêu chuẩn quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 19 của Luật này; trường hợp không cấp chứng chỉ phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do. 2. Chứng chỉ hành nghề biên tập bị thu hồi khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: a) Biên tập viên có xuất bản phẩm do mình biên tập bị cơ quan có thẩm quyền cấm lưu hành, thu hồi, tịch thu, tiêu hủy; b) Biên tập viên trong 01 năm có hai xuất bản phẩm hoặc trong 02 năm liên tục có xuất bản phẩm do mình biên tập sai phạm về nội dung mà bị cơ quan có thẩm quyền buộc phải sửa chữa mới được phát hành; c) Biên tập viên không trực tiếp thực hiện công tác biên tập trong 36 tháng liên tiếp; d) Biên tập viên bị kết án bằng bản án có hiệu lực pháp luật của tòa án. 3. Biên tập viên có chứng chỉ hành nghề biên tập		**Điều 21. Trình tự, thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề biên tập**[20] 1. Hồ sơ cấp chứng chỉ được lập thành 01 bộ, bao gồm: a) Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề biên tập theo mẫu quy định tại Điều 6 của Nghị định này; b) Sơ yếu lý lịch; c) Bản sao văn bằng của người đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề biên tập; d) Bản sao giấy chứng nhận đã hoàn thành khóa bồi dưỡng kiến thức pháp luật xuất bản, nghiệp vụ biên tập và các giấy tờ, tài liệu để chứng minh đủ tiêu chuẩn quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 19 của Luật. 2. Cách thức nộp hồ sơ: Người làm công tác biên tập tại nhà xuất bản gửi hồ sơ theo cách thức quy định tại Điều 3 của Nghị định này đến Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. 3. Tiếp nhận và thực hiện cấp chứng chỉ: a) Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, trường hợp hồ sơ không đúng theo quy

[20] *Đối chiếu: Quy định chi tiết khoản 5 Điều 20 của Luật về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại và thu hồi chứng chỉ hành nghề biên tập.*

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
bị thu hồi thì sau 02 năm mới được xét cấp lại, trừ trường hợp biên tập viên bị kết án bằng bản án có hiệu lực pháp luật của tòa án về các tội xâm phạm an ninh quốc gia và các tội khác rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng. 4. Biên tập viên được cấp lại chứng chỉ hành nghề biên tập khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: a) Chứng chỉ bị mất hoặc bị hư hỏng; b) Chuyển công tác đến làm biên tập viên tại nhà xuất bản khác; c) Hoàn thành khóa bồi dưỡng quy định tại điểm c khoản 1 Điều 19 của Luật này sau khi hết thời hạn bị thu hồi chứng chỉ hành nghề biên tập. 5. Chính phủ quy định trình tự, thủ tục cấp, cấp lại và thu hồi chứng chỉ hành nghề biên tập.		định, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm thông báo để yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ; b) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp chứng chỉ hành nghề biên tập; trường hợp không cấp chứng chỉ phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.
		Điều 22. Trình tự, thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề biên tập[21] 1. Hồ sơ cấp lại chứng chỉ được lập thành 01 bộ, bao gồm:

[21] *Đối chiếu: Khoản 5 Điều 20 của Luật.*

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
		a) Đơn đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề biên tập theo mẫu quy định tại Điều 6 của Nghị định này; b) Ảnh chân dung 4 × 6 cm hoặc tệp ảnh chân dung điện tử theo yêu cầu kỹ thuật của hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; c) Tài liệu chứng minh việc chuyển công tác đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều 20 của Luật; d) Tài liệu chứng minh đã hết thời hạn bị thu hồi và hoàn thành khóa bồi dưỡng theo điểm c khoản 4 Điều 20 của Luật; đ) Phiếu lý lịch tư pháp đối với trường hợp bị thu hồi theo điểm d khoản 2 Điều 20 của Luật để xác định đủ điều kiện được xét cấp lại theo khoản 3 Điều 20 của Luật. 2. Cách thức nộp hồ sơ: Người đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề biên tập gửi hồ sơ theo cách thức quy định tại Điều 3 của Nghị định này đến Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. 3. Tiếp nhận và thực hiện cấp lại chứng chỉ: a) Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, trường hợp hồ sơ không đúng theo quy định, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
		nhiệm thông báo để yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ; b) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp lại chứng chỉ hành nghề biên tập; trường hợp không cấp lại chứng chỉ phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.
		Điều 23. Trình tự, thủ tục thu hồi chứng chỉ hành nghề biên tập[22] 1. Căn cứ vào các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 20 của Luật, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành quyết định thu hồi chứng chỉ hành nghề biên tập và công khai trên cổng thông tin điện tử của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. 2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày quyết định thu hồi có hiệu lực, nhà xuất bản có trách nhiệm yêu cầu biên tập viên nộp bản chính (nếu là bản in) chứng chỉ hành nghề biên tập và gửi đến Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để thu hồi.

[22] *Đối chiếu: Khoản 5 Điều 20 của Luật.*

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
Điều 21. Quyền tác giả trong lĩnh vực xuất bản Việc xuất bản tác phẩm, tài liệu và tái bản xuất bản phẩm chỉ được thực hiện sau khi có văn bản chấp thuận của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, trừ trường hợp ngoại lệ, giới hạn quyền tác giả theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.		Nội dung liên quan về quyền tác giả tại Điều 24, Điều 25 và Điều 57 dự thảo. Không có điều riêng cho Điều 21 của Luật.
Điều 22. Đăng ký kế hoạch xuất bản 1. Trước khi xuất bản tác phẩm, tài liệu hoặc tái bản xuất bản phẩm, nhà xuất bản phải đăng ký kế hoạch xuất bản với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Nội dung đăng ký kế hoạch xuất bản phải phù hợp với tôn chỉ, mục đích, chức năng, nhiệm vụ của nhà xuất bản và định hướng của cơ quan chủ quản nhà xuất bản quy định tại khoản 3 Điều 16 của Luật này. 2. Đối với tác phẩm, tài liệu thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 24 của Luật này, trước khi đăng ký kế hoạch xuất bản, nhà xuất bản phải tổ chức thẩm định bản thảo và gửi kèm kế hoạch xuất bản trình cơ quan chủ quản nhà xuất bản. 3. Cơ quan chủ quản nhà xuất bản có trách	**Điều 10. Đăng ký xuất bản và xác nhận đăng ký xuất bản** 1. Việc đăng ký xuất bản của nhà xuất bản thực hiện theo quy định Khoản 1 Điều 22 Luật xuất bản, không giới hạn số lượng tác phẩm, tài liệu, xuất bản phẩm trong mỗi lần đăng ký và nhà xuất bản chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đăng ký xuất bản. 2. Hồ sơ đăng ký xuất bản gồm có: a) Bản đăng ký, trong đó có tóm tắt về đề tài, chủ đề và nội dung của từng tác phẩm, tài liệu đăng ký xuất bản, xuất bản phẩm đăng ký tái bản, các thông tin khác theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định;	**Điều 24. Hồ sơ, trình tự đăng ký và xác nhận đăng ký kế hoạch xuất bản**[23] 1. Sau khi có bản thảo tác phẩm, tài liệu, xuất bản phẩm để xuất bản hoặc tái bản, nhà xuất bản được đăng ký kế hoạch xuất bản với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch theo mẫu quy định tại Điều 6 của Nghị định này. Việc đăng ký bao gồm điều chỉnh đăng ký được thực hiện mỗi tuần một lần, trừ trường hợp ngày nghỉ theo quy định; trong mỗi lần đăng ký, điều chỉnh đăng ký không giới hạn số lượng tác phẩm, tài liệu, xuất bản phẩm. Danh mục đăng ký phải xác định hình thức xuất bản phẩm in, xuất bản phẩm điện tử; trường hợp một tác phẩm, tài liệu được xuất bản dưới nhiều hình thức thì được đăng ký trong cùng một hồ sơ

[23] *Đối chiếu: Quy định chi tiết Điều 22 của Luật theo khoản 5 Điều 22 của Luật.*

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
nhiệm xem xét, đánh giá kết quả thẩm định bản thảo do nhà xuất bản thực hiện quy định tại khoản 2 Điều này, bảo đảm phù hợp với tôn chỉ, mục đích, chức năng, nhiệm vụ, định hướng hoạt động của nhà xuất bản và phê duyệt kế hoạch xuất bản của nhà xuất bản. 4. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xác nhận đăng ký kế hoạch xuất bản. Văn bản xác nhận đăng ký kế hoạch xuất bản là căn cứ để nhà xuất bản ra quyết định xuất bản và có giá trị đến hết ngày 31 tháng 12 của năm xác nhận đăng ký. 5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.	b) Văn bản thẩm định nội dung đối với tác phẩm, tài liệu thuộc loại phải thẩm định. 3. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đăng ký xuất bản, Bộ Thông tin và Truyền thông phải xác nhận đăng ký xuất bản bằng văn bản, cấp số xác nhận đăng ký xuất bản từng tác phẩm, tài liệu hoặc xuất bản phẩm tái bản và cấp mã số sách tiêu chuẩn quốc tế (ISBN); trường hợp không xác nhận đăng ký phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do. 4. Trong quá trình xác nhận đăng ký, Bộ Thông tin và Truyền thông có quyền yêu cầu nhà xuất bản thẩm định hoặc giải trình về tác phẩm, tài liệu đăng ký xuất bản, xuất bản phẩm đăng ký tái bản để xác nhận đăng ký. 5. Văn bản xác nhận đăng ký xuất bản là căn cứ để nhà xuất bản ra quyết định xuất bản đối với từng tác phẩm, tài liệu, xuất bản phẩm tái bản. Thời hạn để ra quyết định xuất bản chậm nhất là ngày 31 tháng 12 của năm xác nhận đăng ký; trường hợp không thực hiện việc xuất bản, nhà xuất bản phải báo cáo với Bộ Thông tin và Truyền thông trước ngày 31 tháng 3 của năm liền sau năm xác nhận đăng ký và số xác nhận đăng ký xuất bản, mã số sách tiêu chuẩn quốc tế (ISBN) đã được cấp không còn giá trị thực hiện.	nhưng phải thể hiện riêng thông tin của từng hình thức. Nhà xuất bản chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của thông tin đăng ký; sự phù hợp của kế hoạch với tôn chỉ, mục đích, chức năng, nhiệm vụ và định hướng của cơ quan chủ quản; việc xác định tác phẩm, tài liệu thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 24 của Luật. 2. Đối với tác phẩm, tài liệu thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 24 của Luật, việc thẩm định bản thảo và phê duyệt kế hoạch trước khi đăng ký được thực hiện như sau: a) Nhà xuất bản tổ chức thẩm định bản thảo, lập báo cáo kết quả thẩm định và hoàn thiện bản thảo theo kết luận thẩm định trước khi trình cơ quan chủ quản. Báo cáo phải xác định rõ bản thảo được thẩm định, người thực hiện, nội dung thẩm định, căn cứ đánh giá, kết luận và việc tiếp thu, chỉnh sửa bản thảo, nếu có; b) Nhà xuất bản gửi cơ quan chủ quản kế hoạch xuất bản kèm theo bản thảo và báo cáo kết quả thẩm định quy định tại điểm a khoản này; c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ tài liệu quy định tại điểm b khoản này, cơ quan chủ quản xem xét, đánh giá kết quả thẩm định, sự phù hợp của kế hoạch với tôn chỉ, mục đích,

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
	6. Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết việc quản lý, vị trí, kích thước, yêu cầu kỹ thuật, cách thức ghi số xác nhận đăng ký xuất bản, mã số sách tiêu chuẩn quốc tế (ISBN) và phương thức đăng ký xuất bản qua mạng Internet. 7. Bộ Thông tin và Truyền thông từ chối xác nhận đăng ký xuất bản trong các trường hợp sau đây: a) Nội dung đăng ký xuất bản không phù hợp với tôn chỉ, mục đích, chức năng, nhiệm vụ của nhà xuất bản; b) Tác phẩm, tài liệu đăng ký xuất bản, xuất bản phẩm đăng ký tái bản có tranh chấp về quyền tác giả và quyền liên quan; c) Tác phẩm, tài liệu, xuất bản phẩm trước đó đã bị Bộ Thông tin và Truyền thông từ chối xác nhận đăng ký hoặc cấm lưu hành, tịch thu, tiêu hủy hoặc do nhà xuất bản thu hồi, tiêu hủy; d) Tác phẩm, tài liệu và xuất bản phẩm liên kết xuất bản, tái bản của đối tác đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi vi phạm trong hoạt động xuất bản từ 02 (hai) lần trở lên trong thời gian 12 tháng, kể từ ngày bị xử phạt lần đầu hoặc đối tác liên kết không đủ điều kiện liên kết, không chấp hành yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản theo quy định;	chức năng, nhiệm vụ và định hướng hoạt động của nhà xuất bản để phê duyệt bằng văn bản. Trường hợp không phê duyệt hoặc yêu cầu hoàn thiện phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do hoặc nội dung cần hoàn thiện; d) Văn bản phê duyệt phải xác định rõ từng tác phẩm, tài liệu và nội dung kế hoạch được phê duyệt. Nhà xuất bản được đăng ký đối với phần kế hoạch đã được phê duyệt mà không phải chờ phê duyệt toàn bộ danh mục; đ) Tác phẩm, tài liệu không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 24 của Luật không phải có văn bản phê duyệt của cơ quan chủ quản trong hồ sơ đăng ký kế hoạch xuất bản. 3. Hồ sơ đăng ký kế hoạch xuất bản gồm 01 bộ, được lập theo mẫu quy định tại Điều 6 của Nghị định này, gồm: a) Giấy đăng ký kế hoạch xuất bản theo mẫu quy định tại Điều 6 của Nghị định này; b) Danh mục tác phẩm, tài liệu, xuất bản phẩm đăng ký kế hoạch xuất bản; c) Trường hợp trong danh mục quy định tại điểm b khoản này có tác phẩm, tài liệu thuộc loại phải thẩm định quy định tại khoản 1 Điều 24 của Luật

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
	đ) Nhà xuất bản không chấp hành biện pháp quản lý của cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản theo quy định của pháp luật; e) Các trường hợp khác do Bộ Thông tin và Truyền thông quyết định.	còn phải có thêm văn bản phê duyệt của cơ quan chủ quản đối với tác phẩm, tài liệu đó. 4. Trình tự đăng ký và xác nhận đăng ký kế hoạch xuất bản được thực hiện như sau: a) Nhà xuất bản nộp hồ sơ theo cách thức quy định tại Điều 3 của Nghị định này đến Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; b) Trường hợp hồ sơ không đúng theo quy định, trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm thông báo để yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ; c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp văn bản xác nhận đăng ký kế hoạch xuất bản; trường hợp không xác nhận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do; d) Văn bản xác nhận đăng ký kế hoạch xuất bản theo mẫu quy định tại Điều 6 Nghị định này, bao gồm nội dung thể hiện cấp mã số ISBN đối với xuất bản phẩm là sách (nếu có). Việc cấp và sử dụng mã số ISBN thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
		5. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch không xác nhận đăng ký kế hoạch xuất bản trong các trường hợp sau đây: a) Nội dung đăng ký không phù hợp với tôn chỉ, mục đích, chức năng, nhiệm vụ của nhà xuất bản hoặc định hướng hoạt động đã được cơ quan chủ quản xác định bằng văn bản theo khoản 3 Điều 16 của Luật; b) Tác phẩm, tài liệu thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 24 của Luật chưa được thẩm định, chưa được cơ quan chủ quản phê duyệt kế hoạch hoặc nội dung đăng ký không phù hợp với kết quả thẩm định, kế hoạch đã được phê duyệt; c) Có căn cứ xác định tác phẩm, tài liệu, xuất bản phẩm đăng ký có nội dung vi phạm khoản 1 Điều 10 của Luật; d) Việc xuất bản, tái bản đang bị cấm, đình chỉ hoặc ngăn chặn theo bản án, quyết định có hiệu lực của cơ quan có thẩm quyền; xuất bản phẩm thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 10 của Luật mà chưa có căn cứ pháp lý cho phép xuất bản, tái bản; đ) Nhà xuất bản đang bị đình chỉ hoạt động xuất bản hoặc đã bị thu hồi giấy phép thành lập nhà xuất bản.

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
		Nhà xuất bản được đăng ký lại sau khi đã khắc phục nguyên nhân không được xác nhận và đáp ứng quy định của pháp luật. 6. Việc điều chỉnh kế hoạch đã được xác nhận được thực hiện như sau: a) Nhà xuất bản phải đăng ký điều chỉnh khi thay đổi tên tác phẩm, tài liệu, xuất bản phẩm; tác giả, người biên soạn, người dịch; ngôn ngữ; hình thức xuất bản; tăng số lượng bản in; hoặc thay đổi nội dung làm ảnh hưởng đến kết luận thẩm định, căn cứ phê duyệt kế hoạch; b) Hồ sơ đăng ký điều chỉnh kế hoạch xuất bản gồm: Giấy đăng ký kèm danh mục theo mẫu quy định tại Điều 6 của Nghị định này và các giấy tờ, tài liệu kèm theo tương ứng với nội dung điều chỉnh; c) Trình tự, thủ tục xác nhận điều chỉnh đăng ký kế hoạch xuất bản được thực hiện theo khoản 4 và khoản 5 Điều này. Văn bản xác nhận điều chỉnh phải ghi rõ nội dung thay đổi, số xác nhận đã cấp và có cùng thời điểm hết giá trị với văn bản xác nhận ban đầu; d) Không sử dụng việc đăng ký điều chỉnh kế hoạch xuất bản để thay thế tác phẩm, tài liệu, xuất bản phẩm đã được xác nhận bằng tác phẩm, tài liệu, xuất bản phẩm khác. Trường hợp bổ sung hoặc thay

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
		thế bằng tác phẩm, tài liệu, xuất bản phẩm khác, nhà xuất bản thực hiện đăng ký mới theo khoản 3 và khoản 4 Điều này. 7. Giá trị và việc sử dụng văn bản xác nhận đăng ký kế hoạch xuất bản được quy định như sau: a) Văn bản xác nhận là căn cứ để nhà xuất bản ra quyết định xuất bản và có giá trị đến hết ngày 31 tháng 12 của năm xác nhận. Quyết định xuất bản phải phù hợp với nội dung đã được xác nhận đăng ký hoặc xác nhận điều chỉnh đăng ký; b) Số lượng bản in được xác nhận là tổng số lượng tối đa được phép in theo kế hoạch đăng ký. Nhà xuất bản được quyết định in ít hơn số lượng đã được xác nhận; trường hợp in thành nhiều đợt, tổng số lượng theo các quyết định xuất bản không được vượt quá số lượng đã được xác nhận. Việc tăng số lượng vượt quá mức đã được xác nhận phải thực hiện theo khoản 6 Điều này; c) Sau khi văn bản xác nhận hết giá trị, nhà xuất bản không được sử dụng văn bản đó để ban hành quyết định xuất bản mới, kể cả quyết định xuất bản để in tăng số lượng. Tác phẩm, tài liệu, xuất bản phẩm chưa có quyết định xuất bản phải được đăng ký lại nếu tiếp tục có nhu cầu xuất bản; d) Văn bản xác nhận không thay thế trách nhiệm của nhà xuất bản về thẩm định, biên tập, nội dung

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
		xuất bản phẩm, quyền tác giả, quyền liên quan và các điều kiện xuất bản theo quy định của pháp luật. Đối với xuất bản phẩm thuộc khoản 1 Điều 24 của Luật, việc xác nhận đăng ký không thay thế yêu cầu có ý kiến của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trước khi quyết định phát hành theo khoản 4 Điều 28 của Luật. 8. Chậm nhất ngày 31 tháng 3 hằng năm, nhà xuất bản đối chiếu dữ liệu và báo cáo tình hình thực hiện danh mục đã được xác nhận đăng ký trong năm liền trước; xác định riêng tác phẩm, tài liệu, xuất bản phẩm chưa có quyết định xuất bản và đã có quyết định xuất bản nhưng chưa hoàn thành việc xuất bản hoặc chưa nộp lưu chiểu. Trường hợp dữ liệu đã được cập nhật đầy đủ trên hệ thống, nhà xuất bản xác nhận kết quả đối chiếu trên hệ thống, không phải gửi lại thông tin đã có. Việc báo cáo, cập nhật trạng thái thực hiện kế hoạch không kéo dài thời hạn có giá trị của văn bản xác nhận. 9. Nhà xuất bản lưu giữ hồ sơ đăng ký, hồ sơ thẩm định, văn bản phê duyệt, văn bản xác nhận và tài liệu điều chỉnh có liên quan theo quy định của pháp luật. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức tiếp nhận, xác nhận, quản lý và liên thông dữ liệu đăng ký kế hoạch xuất bản, điều chỉnh kế hoạch với dữ

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
		liệu quyết định xuất bản và lưu chiểu; bảo đảm an toàn, bảo mật thông tin, dữ liệu theo quy định của pháp luật.
Điều 23. Liên kết của nhà xuất bản 1. Việc liên kết xuất bản được quy định như sau: a) Tổ chức, cá nhân tham gia liên kết với nhà xuất bản gồm chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan, tổ chức, cá nhân có tác phẩm, tài liệu hợp pháp để xuất bản đối với từng xuất bản phẩm; b) Nội dung, hình thức liên kết bao gồm khai thác bản thảo, đầu tư kinh phí, cung cấp dịch vụ biên tập bản thảo và các hoạt động khác phục vụ việc tạo lập và hoàn thiện bản thảo trước khi xuất bản theo quy định của pháp luật; c) Nhà xuất bản trực tiếp tổ chức biên tập hoàn chỉnh bản thảo; việc biên tập và quyết định nội dung xuất bản phẩm phải được thực hiện độc lập, khách quan, tuân thủ quy định của Luật này; không được chuyển giao quyền quyết định nội dung xuất bản phẩm dưới bất kỳ hình thức nào và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung xuất bản phẩm; d) Đối tác liên kết chịu trách nhiệm trước pháp	**Điều 11. Liên kết trong hoạt động xuất bản** Ngoài việc tuân thủ quy định tại Điều 23 Luật xuất bản, nhà xuất bản và đối tác liên kết phải đáp ứng các yêu cầu sau đây: 1. Đối với nhà xuất bản: Trực tiếp ký hợp đồng in với cơ sở in có giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm và ký quyết định phát hành xuất bản phẩm. 2. Đối với đối tác liên kết: a) Có bản sao có chứng thực giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn theo quy định của pháp luật trong trường hợp là cá nhân quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 23 Luật xuất bản và bản sao có chứng thực giấy tờ chứng minh tư cách pháp nhân trong trường hợp là tổ chức quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 23 Luật xuất bản; b) Có giấy tờ chứng minh có ít nhất 03 (ba) biên tập viên được cấp chứng chỉ hành nghề biên tập	**Điều 25. Liên kết xuất bản và phát triển hệ sinh thái xuất bản**[24] 1. Hợp đồng liên kết được lập bằng văn bản; trường hợp giao kết hợp đồng điện tử thì thực hiện theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử. Hợp đồng phải xác định chủ thể, đối tượng, phạm vi công việc, quyền sử dụng tác phẩm, quyền và nghĩa vụ, chất lượng, tiến độ, thanh toán, xử lý vi phạm, chấm dứt và giải quyết tranh chấp theo mẫu quy định tại Điều 6 của Nghị định này và quy định của pháp luật về hợp đồng; các bên được thỏa thuận phù hợp từng hoạt động, không được chuyển giao trách nhiệm mà Luật quy định thuộc nhà xuất bản. Trường hợp liên kết đối với nhiều xuất bản phẩm hoặc nhiều hoạt động, hợp đồng hoặc phụ lục hợp đồng phải xác định cụ thể xuất bản phẩm, nội dung, phạm vi, công việc và trách nhiệm của các bên đối với từng hoạt động liên kết.

[24] *Đối chiếu: Quy định chi tiết Điều 23 của Luật.*

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
luật về quyền sử dụng tác phẩm, tài liệu, quyền tác giả, quyền liên quan và việc sử dụng trí tuệ nhân tạo trong sáng tạo, hoàn thiện tác phẩm, tài liệu do mình cung cấp để liên kết xuất bản; không được sửa đổi nội dung bản mẫu đã được nhà xuất bản phê duyệt; phối hợp thực hiện việc sửa chữa xuất bản phẩm theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền hoặc nhà xuất bản; trường hợp xuất bản phẩm liên kết có nội dung vi phạm, đối tác liên kết chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật và nghĩa vụ đã xác định trong hợp đồng liên kết; đ) Việc liên kết phải được thực hiện trên cơ sở hợp đồng bằng văn bản; hợp đồng phải xác định rõ nội dung, phạm vi liên kết, quyền và nghĩa vụ, phạm vi trách nhiệm của các bên tham gia hoạt động liên kết xuất bản; trường hợp liên kết xuất bản nhiều xuất bản phẩm với cùng một đối tác thì có thể giao kết trong một hợp đồng. 2. Việc liên kết in xuất bản phẩm; liên kết phát hành xuất bản phẩm, cung cấp dịch vụ trung gian phát hành xuất bản phẩm được quy định như sau: a) Tổ chức, cá nhân tham gia liên kết với nhà xuất bản gồm cơ sở in, cơ sở phát hành, cơ sở cung cấp dịch vụ trung gian phát hành xuất bản phẩm, tổ chức, doanh nghiệp cung cấp hạ tầng kỹ thuật, công nghệ, nền tảng số và các dịch vụ kỹ thuật khác; b) Nội dung, hình thức liên kết bao gồm chế bản,	trong trường hợp thực hiện hình thức liên kết biên tập sơ bộ bản thảo; c) Thực hiện đúng nội dung quyết định xuất bản của tổng giám đốc (giám đốc) nhà xuất bản; phải thực hiện việc sửa chữa, đình chỉ phát hành, thu hồi hoặc tiêu hủy xuất bản phẩm khi có quyết định của tổng giám đốc (giám đốc) nhà xuất bản.	2. Đối với liên kết xuất bản quy định tại khoản 1 Điều 23 của Luật, việc phối hợp thực hiện được quy định như sau: a) Đối tác liên kết cung cấp tài liệu chứng minh quyền sử dụng hợp pháp tác phẩm, tài liệu và các đối tượng quyền tác giả, quyền liên quan do mình cung cấp; cung cấp thông tin về việc sử dụng trí tuệ nhân tạo trong sáng tạo, hoàn thiện tác phẩm, tài liệu để nhà xuất bản thực hiện trách nhiệm biên tập, kiểm tra theo quy định của pháp luật; b) Nhà xuất bản trực tiếp tổ chức biên tập hoàn chỉnh bản thảo; thực hiện việc đọc, ký duyệt bản thảo và ban hành quyết định xuất bản theo quy định của Luật. Hợp đồng liên kết không được có nội dung chuyển giao quyền quyết định nội dung xuất bản phẩm cho đối tác; c) Bản thảo chuyển giao để chế bản, in hoặc phát hành trên môi trường điện tử phải được xác định rõ phiên bản đã được nhà xuất bản ký duyệt. Việc sửa đổi, bổ sung nội dung sau khi ký duyệt phải được nhà xuất bản xem xét, ký duyệt lại trước khi thực hiện. 3. Đối với liên kết in, phát hành xuất bản phẩm và cung cấp dịch vụ trung gian phát hành xuất bản phẩm quy định tại khoản 2 Điều 23 của Luật, việc phối hợp thực hiện được quy định như sau:

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
in, gia công sau in, phát hành xuất bản phẩm, phát hành xuất bản phẩm điện tử, cung cấp dịch vụ trung gian phát hành, cung cấp hạ tầng kỹ thuật, công nghệ, nền tảng số và các dịch vụ kỹ thuật khác; c) Nhà xuất bản chịu trách nhiệm về nội dung xuất bản phẩm; quyết định việc phát hành xuất bản phẩm theo quy định của Luật này; kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung liên kết theo hợp đồng đã ký kết; d) Đối tác liên kết thực hiện đúng nội dung xuất bản phẩm đã được nhà xuất bản duyệt để in hoặc phát hành trên môi trường điện tử; chịu trách nhiệm về chất lượng, tính hợp pháp, an toàn của dịch vụ, công nghệ, hạ tầng, dữ liệu và các hoạt động thuộc phạm vi được giao; đ) Các bên có trách nhiệm phối hợp đình chỉ phát hành, gỡ bỏ, thu hồi hoặc tiêu hủy xuất bản phẩm theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc nhà xuất bản. 3. Việc liên kết phát triển hệ sinh thái xuất bản được quy định như sau: a) Nhà xuất bản được liên kết với tổ chức, cá nhân để phát triển hệ sinh thái xuất bản trên cơ sở khai thác hợp pháp xuất bản phẩm, nội dung, quyền và các giá trị được hình thành từ xuất bản phẩm; b) Hệ sinh thái xuất bản gồm các hoạt động liên		a) Hợp đồng xác định rõ phạm vi công việc, yêu cầu chất lượng, phương thức giao nhận, đối chiếu bản mẫu, kiểm tra và nghiệm thu; trách nhiệm của từng bên trong việc bảo đảm xuất bản phẩm được in, cung cấp và phát hành đúng nội dung đã được nhà xuất bản ký duyệt; b) Đối tác liên kết không được tự ý quyết định việc xuất bản, tái bản hoặc sửa đổi nội dung xuất bản phẩm. Việc thực hiện xuất bản, tái bản phải căn cứ quyết định xuất bản và bản thảo đã được ký duyệt theo quy định của Luật; việc phát hành xuất bản phẩm liên kết chỉ được thực hiện sau khi có quyết định phát hành của tổng giám đốc hoặc giám đốc nhà xuất bản và đáp ứng các điều kiện phát hành theo quy định của pháp luật; c) Đối với liên kết trên môi trường điện tử, hợp đồng xác định rõ phạm vi quyền truy cập, lưu trữ, khai thác, phân phối nội dung và dữ liệu; biện pháp bảo vệ nội dung, kiểm soát phiên bản và ngăn chặn việc sao chép, sửa đổi, trích xuất, phát tán trái phép; d) Các bên xác định đầu mối, phương thức tiếp nhận yêu cầu, quy trình phối hợp, thời hạn thực hiện và trách nhiệm chi phí để đình chỉ phát hành, ngăn chặn truy cập, gỡ bỏ, thu hồi hoặc tiêu hủy xuất bản phẩm. Đối tác liên kết phải thực hiện yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc nhà xuất bản

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
kết trong sáng tạo, phát triển nội dung; xác lập, quản lý, bảo vệ và khai thác quyền tác giả, quyền liên quan và các quyền sở hữu trí tuệ khác; xuất bản, in, phát hành; ứng dụng khoa học, công nghệ, trí tuệ nhân tạo, chuyển đổi số, quản trị và khai thác dữ liệu; truyền thông, quảng bá, xúc tiến thương mại; chuyển thể, phát triển và khai thác nội dung, hình ảnh, nhân vật và các tài sản trí tuệ từ xuất bản phẩm; cung cấp sản phẩm, dịch vụ liên quan đến xuất bản phẩm; phát triển thị trường, văn hóa đọc và các hoạt động khác nhằm phát triển, khai thác, gia tăng giá trị của xuất bản phẩm; c) Nhà xuất bản chịu trách nhiệm trước pháp luật về xuất bản phẩm do mình xuất bản; bảo đảm quyền khai thác, sử dụng, chuyển giao quyền đối với xuất bản phẩm trong phạm vi liên kết theo quy định của pháp luật và thỏa thuận với chủ thể quyền; việc liên kết phát triển hệ sinh thái xuất bản không làm thay đổi trách nhiệm của nhà xuất bản đối với hoạt động xuất bản và xuất bản phẩm theo quy định của Luật này; d) Tổ chức, cá nhân tham gia liên kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về sản phẩm, dịch vụ do mình tạo ra trên cơ sở khai thác, sử dụng, chuyển thể hoặc phát triển từ xuất bản phẩm trong phạm vi quyền được chuyển giao; đ) Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của các bên;		trong phạm vi hệ thống, dịch vụ do mình quản lý, kiểm soát; đối với nội dung trên hệ thống khác, có trách nhiệm phối hợp với nhà xuất bản và tổ chức, cá nhân có liên quan để xử lý. Thời hạn thỏa thuận trong hợp đồng không được làm chậm việc thực hiện yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. 4. Đối với liên kết phát triển hệ sinh thái xuất bản quy định tại khoản 3 Điều 23 của Luật, hợp đồng hoặc thỏa thuận liên kết phải xác định rõ: a) Xuất bản phẩm, nội dung, quyền và các giá trị được sử dụng làm cơ sở liên kết; tài liệu chứng minh quyền khai thác, sử dụng, chuyển giao trong phạm vi liên kết; b) Nội dung, phạm vi hoạt động; nguồn lực đầu tư; quyền sở hữu, khai thác, sử dụng và cơ chế phân chia lợi ích đối với sản phẩm, dịch vụ, tài sản và các giá trị hình thành từ hoạt động liên kết; c) Quyền truy cập, khai thác, sử dụng, chia sẻ dữ liệu; trách nhiệm bảo đảm an toàn dữ liệu và bảo vệ dữ liệu cá nhân; d) Phạm vi quyền chuyển thể, phát triển, khai thác nội dung, hình ảnh, nhân vật và các tài sản trí tuệ từ xuất bản phẩm; trách nhiệm của bên tạo ra sản phẩm, dịch vụ đối với việc tuân thủ pháp luật chuyên ngành;

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
quyền sở hữu, khai thác, sử dụng, chia sẻ dữ liệu và quyền đối với sản phẩm, dịch vụ, tài sản và các giá trị hình thành từ hoạt động liên kết được xác định theo thỏa thuận và quy định của pháp luật có liên quan. 4. Hoạt động liên kết quy định tại Điều này phải bảo đảm các nguyên tắc sau đây: a) Tuân thủ quy định của pháp luật về xuất bản, sở hữu trí tuệ, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân, bảo vệ bí mật nhà nước và quy định khác của pháp luật có liên quan; b) Bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của các bên tham gia liên kết, quyền và lợi ích hợp pháp của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan và người sử dụng xuất bản phẩm; c) Bảo đảm công khai, minh bạch về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của các bên tham gia liên kết; d) Không làm ảnh hưởng đến quyền quyết định nội dung xuất bản phẩm và trách nhiệm của nhà xuất bản theo quy định của Luật này; đ) Không được thu thập, xử lý hoặc sử dụng dữ liệu trái với quy định của pháp luật về dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân, sở hữu trí tuệ và an ninh mạng để phát triển, huấn luyện, kiểm thử hoặc vận hành		đ) Cơ chế kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm và giải quyết quyền, nghĩa vụ khi sửa đổi hoặc chấm dứt liên kết. Việc liên kết phát triển hệ sinh thái xuất bản không làm thay đổi quyền quyết định nội dung và trách nhiệm của nhà xuất bản đối với hoạt động xuất bản, xuất bản phẩm theo quy định của Luật. 5. Việc sử dụng dữ liệu phục vụ hệ thống trí tuệ nhân tạo trong hoạt động liên kết được thực hiện như sau: a) Các bên xác định trong hợp đồng hoặc thỏa thuận liên kết loại dữ liệu, nội dung được sử dụng; mục đích, phạm vi sử dụng; căn cứ pháp lý và trách nhiệm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của chủ thể có liên quan; b) Trường hợp việc sử dụng phải có sự cho phép của chủ thể quyền hoặc sự đồng ý của chủ thể dữ liệu theo quy định của pháp luật, bên thực hiện phải có sự cho phép hoặc sự đồng ý đó trước khi sử dụng; c) Hợp đồng hoặc thỏa thuận liên kết phải xác định trách nhiệm kiểm soát việc sử dụng, ngừng sử dụng và xử lý dữ liệu khi có vi phạm; trách nhiệm bồi thường thiệt hại và giải quyết tranh chấp.

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
hệ thống trí tuệ nhân tạo trong hoạt động xuất bản; e) Bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, an toàn dữ liệu và các yêu cầu khác theo quy định của pháp luật. 5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.		6. Nhà xuất bản có trách nhiệm lập, quản lý và lưu trữ hồ sơ liên kết, bao gồm: a) Hợp đồng, thỏa thuận liên kết và các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung; b) Tài liệu chứng minh quyền sử dụng hợp pháp tác phẩm, tài liệu, quyền tác giả, quyền liên quan và các quyền được khai thác trong phạm vi liên kết; trường hợp pháp luật cho phép sử dụng không phải xin phép thì xác định rõ căn cứ và phạm vi sử dụng; c) Bản thảo thể hiện việc đọc, ký duyệt của tổng biên tập và việc ký duyệt bản thảo hoàn chỉnh của tổng giám đốc hoặc giám đốc nhà xuất bản theo quy định tại Điều 18 của Luật; d) Quyết định xuất bản, quyết định phát hành; tài liệu về việc nộp lưu chiểu, giao nhận, kiểm tra, nghiệm thu và các tài liệu liên quan phù hợp với từng hoạt động liên kết; đ) Tài liệu về việc sửa chữa, đình chỉ phát hành, gỡ bỏ, thu hồi, tiêu hủy xuất bản phẩm và xử lý vi phạm, nếu có. Hồ sơ điện tử phải bảo đảm tính toàn vẹn, khả năng truy cập, tra cứu và xác định phiên bản bản thảo đã được ký duyệt. Việc lưu trữ hồ sơ thực hiện theo quy định của pháp luật về xuất bản, lưu trữ và giao dịch điện tử.

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
		7. Nhà xuất bản và đối tác liên kết có trách nhiệm cung cấp thông tin, tài liệu về hoạt động liên kết theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Việc cung cấp, quản lý và sử dụng thông tin, tài liệu phải tuân thủ quy định về bảo vệ bí mật nhà nước, dữ liệu cá nhân, bí mật kinh doanh, quyền tác giả, quyền liên quan và pháp luật có liên quan.
Điều 24. Tác phẩm, tài liệu phải thẩm định nội dung trước khi xuất bản, tái bản 1. Tác phẩm, tài liệu có nội dung về lịch sử cách mạng, chủ quyền, an ninh quốc gia, lãnh tụ, lãnh đạo đất nước, anh hùng dân tộc thuộc danh mục theo quy định của Chính phủ thì nhà xuất bản phải tổ chức thẩm định bản thảo trước khi đăng ký kế hoạch xuất bản. 2. Tác phẩm, tài liệu sau đây nếu nội dung có dấu hiệu vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 10 của Luật này thì nhà xuất bản phải tổ chức thẩm định trước khi đăng ký kế hoạch xuất bản để tái bản: a) Tác phẩm, tài liệu xuất bản trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945; tác phẩm, tài liệu xuất bản từ năm 1945 đến năm 1954 trong vùng bị tạm		**Điều 26. Danh mục tác phẩm, tài liệu phải thẩm định nội dung trước khi xuất bản, tái bản quy định tại khoản 1 Điều 24 của Luật**[25] 1. Danh mục tác phẩm, tài liệu phải thẩm định nội dung trước khi xuất bản, tái bản quy định tại khoản 1 Điều 24 của Luật được quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. 2. Nhà xuất bản căn cứ nội dung bản thảo để xác định tác phẩm, tài liệu thuộc danh mục quy định tại khoản 1 Điều này. Trường hợp xác định tác phẩm, tài liệu, xuất bản phẩm không thuộc danh mục, nhà xuất bản chịu trách nhiệm trước cơ quan chủ quản và trước pháp luật về việc xác định đó và việc đăng ký kế hoạch xuất bản. 3. Đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 24 của Luật, chỉ phải tổ chức thẩm định khi

[25] *Đối chiếu: Quy định chi tiết khoản 1 Điều 24 của Luật. Phụ lục kèm dự thảo được chép đầy đủ ở cuối bảng.*

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
chiếm; b) Tác phẩm, tài liệu xuất bản từ năm 1954 đến ngày 30 tháng 4 năm 1975 ở miền Nam Việt Nam không do Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam cho phép; c) Tác phẩm, tài liệu xuất bản ở nước ngoài. 3. Việc thẩm định tác phẩm, tài liệu quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này phải đáp ứng yêu cầu chuyên môn theo tính chất, nội dung của bản thảo; bảo đảm xem xét đầy đủ các vấn đề cần thẩm định, có căn cứ đánh giá và kết luận rõ ràng làm cơ sở cho việc đăng ký kế hoạch xuất bản.		có dấu hiệu vi phạm khoản 1 Điều 10 của Luật; không thẩm định toàn bộ tác phẩm, tài liệu đã xuất bản ở nước ngoài hoặc toàn bộ tác phẩm theo các mốc thời gian quy định tại khoản 2 Điều 24 của Luật. 4. Việc thẩm định do nhà xuất bản tổ chức phải bảo đảm chuyên môn, tài liệu, chứng cứ và kết luận theo quy định tại khoản 3 Điều 24 của Luật. Trường hợp tác phẩm, tài liệu, xuất bản phẩm thuộc nhiều nhóm trong danh mục quy định tại khoản 1 Điều này, việc thẩm định của nhà xuất bản được thực hiện và báo cáo trong một kết quả chung. 5. Kết quả thẩm định gắn với phiên bản bản thảo được dùng để đăng ký kế hoạch xuất bản và được sử dụng trong hồ sơ trình cơ quan chủ quản theo Điều 24 của Nghị định này. Trường hợp bản thảo được sửa đổi, bổ sung, nhà xuất bản phải thẩm định lại trước khi trình cơ quan chủ quản và đăng ký kế hoạch xuất bản.
Điều 25. Xuất bản tài liệu không kinh doanh 1. Cơ quan, tổ chức xuất bản tài liệu không kinh doanh sau đây nếu không thực hiện thông qua nhà xuất bản thì phải có giấy phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi cơ quan, tổ chức đặt trụ sở, trừ trường	**Điều 12. Cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh**	**Điều 27. Xuất bản và cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh**[26] 1. Tài liệu khác quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 25 của Luật bao gồm:

[26] *Đối chiếu: Quy định chi tiết điểm đ khoản 1 và toàn bộ Điều 25 của Luật.*

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
hợp quy định tại khoản 3 Điều này: a) Tài liệu tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, phục vụ các sự kiện chính trị, lễ kỷ niệm của đất nước, địa phương; b) Tài liệu hướng dẫn phòng, chống thiên tai, dịch bệnh và bảo vệ môi trường; c) Tài liệu giới thiệu hoạt động, kỷ yếu hội nghị, hội thảo của các cơ quan, tổ chức Việt Nam, cơ quan, tổ chức nước ngoài đang hoạt động hợp pháp tại Việt Nam; d) Tài liệu lịch sử Đảng, chính quyền địa phương; đ) Các tài liệu khác do Chính phủ quy định. 2. Cơ quan, tổ chức xuất bản tài liệu không kinh doanh phải nộp phí thẩm định nội dung tài liệu xuất bản phẩm không kinh doanh theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí. Giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh có thời hạn đến hết ngày 31 tháng 12 của năm được cấp. 3. Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương và cấp tỉnh khi xuất bản các tài liệu không kinh doanh quy định tại khoản 1 Điều này có nội	1. Tài liệu không kinh doanh được cấp giấy phép xuất bản theo quy định tại Điều 25 Luật xuất bản bao gồm: a) Tài liệu tuyên truyền, cổ động phục vụ nhiệm vụ chính trị, các ngày kỷ niệm lớn và các sự kiện trọng đại của đất nước; b) Tài liệu hướng dẫn học tập và thi hành chủ trương đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; c) Tài liệu hướng dẫn các biện pháp phòng chống thiên tai, dịch bệnh và bảo vệ môi trường; d) Kỷ yếu hội thảo, hội nghị, ngành nghề của các cơ quan, tổ chức Việt Nam; đ) Tài liệu giới thiệu hoạt động của các cơ quan, tổ chức nước ngoài đang hoạt động hợp pháp tại Việt Nam; e) Tài liệu lịch sử đảng, chính quyền địa phương; tài liệu phục vụ nhiệm vụ chính trị của địa phương sau khi có ý kiến của tổ chức đảng, cơ quan cấp trên. 2. Thẩm quyền cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 25 Luật xuất bản. Đối với tài liệu của các đơn vị quân đội nhân dân, công an nhân dân, cơ quan quản lý nhà nước	a) Tài liệu hướng dẫn, tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ phục vụ việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức; b) Tài liệu lịch sử, truyền thống của cơ quan, tổ chức không thuộc trường hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều 25 của Luật; c) Tài liệu hướng dẫn thực hiện hoạt động nhân đạo, từ thiện, an sinh xã hội phục vụ cộng đồng. 2. Việc xuất bản tài liệu không kinh doanh được thực hiện như sau: a) Trường hợp thực hiện thông qua nhà xuất bản, việc xuất bản được thực hiện theo các quy định của Luật và Nghị định này đối với nhà xuất bản; cơ quan, tổ chức có tài liệu không phải thực hiện thủ tục cấp giấy phép quy định tại Điều này; b) Trường hợp không thực hiện thông qua nhà xuất bản và không thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 25 của Luật, cơ quan, tổ chức phải được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đặt trụ sở cấp giấy phép trước khi xuất bản đối với các loại tài liệu quy định tại khoản 1 Điều 25 của Luật và khoản 1 Điều này; c) Cơ quan, tổ chức ở trung ương và cấp tỉnh quy định tại khoản 3 Điều 25 của Luật (không bao gồm tổ chức không có tư cách pháp nhân, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp trực thuộc)

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
dung phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình thì không phải có giấy phép theo quy định tại khoản 1 Điều này và không phải nộp phí thẩm định nội dung tài liệu xuất bản phẩm không kinh doanh theo quy định tại khoản 2 Điều này, nhưng phải ban hành quyết định xuất bản, lưu giữ bản mẫu tài liệu được xuất bản ít nhất 24 tháng kể từ thời điểm ban hành quyết định xuất bản và chịu trách nhiệm về nội dung tài liệu đó. 4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.	về hoạt động xuất bản cấp giấy phép xuất bản sau khi có ý kiến của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an hoặc cơ quan được Bộ Quốc phòng, Bộ Công an ủy quyền. 3. Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết về hồ sơ, thủ tục đề nghị cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh đối với các tài liệu quy định tại Khoản 1 Điều này.	được tự xuất bản tài liệu không kinh doanh theo quy định tại khoản 1 Điều 25 của Luật và khoản 1 Điều này. 3. Hồ sơ cấp giấy phép được lập thành 01 bộ, bao gồm: a) Đơn đề nghị cấp giấy phép theo mẫu quy định tại Điều 6 của Nghị định này; b) Bản mẫu tài liệu có xác nhận của cơ quan, tổ chức đề nghị. Bản mẫu điện tử phải bảo đảm tính toàn vẹn và có chữ ký số theo quy định; c) Bản dịch tiếng Việt nếu tài liệu bằng tiếng nước ngoài hoặc tiếng dân tộc thiểu số chưa có phần tiếng Việt tương ứng. Cơ quan, tổ chức đề nghị chịu trách nhiệm về tính chính xác của bản dịch; d) Văn bản cho ý kiến của cơ quan Đảng cấp trên đối với tài liệu lịch sử Đảng, chính quyền địa phương quy định tại điểm d khoản 1 Điều 25 của Luật; đ) Văn bản cho ý kiến của cơ quan cấp trên đối với tài liệu của các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân, Công an nhân dân thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 25 của Luật. 4. Cách thức nộp hồ sơ:

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
		Cơ quan, tổ chức đề nghị cấp giấy phép nộp hồ sơ theo quy định tại Điều 3 của Nghị định này đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi cơ quan, tổ chức đặt trụ sở hoặc cơ quan được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công tiếp nhận hồ sơ. 5. Tiếp nhận và thực hiện cấp giấy phép: a) Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, trường hợp hồ sơ không đúng theo quy định, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thông báo để yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ; b) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy phép; trường hợp không cấp giấy phép phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. 6. Giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh có thời hạn đến hết ngày 31 tháng 12 của năm được cấp. Tài liệu đã được phát hành hợp pháp trong thời hạn của giấy phép được tiếp tục lưu hành, trừ trường hợp có quyết định đình chỉ phát hành, thu hồi hoặc quyết định xử lý khác của cơ quan có thẩm quyền. 7. Đối với tài liệu đã được cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh mà chưa hoàn thành việc xuất bản, khi có thay đổi về nội dung tài liệu hoặc thông tin ghi trong giấy phép, cơ quan, tổ chức phải trả lại giấy phép và đề nghị cấp giấy phép

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
		mới theo các khoản 3, 4 và 5 Điều này. Mẫu đơn phải thể hiện số, ngày cấp giấy phép, nội dung thay đổi và lý do; tài liệu kèm theo phải phù hợp với nội dung đề nghị thay đổi. 8. Trường hợp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh bị mất, hư hỏng hoặc cần sử dụng lại kết quả điện tử, cơ quan, tổ chức được khai thác kết quả từ hệ thống hoặc yêu cầu cấp bản sao theo quy định của pháp luật; không phải thực hiện lại việc thẩm định nội dung tài liệu. 9. Việc thu, nộp phí thẩm định nội dung tài liệu xuất bản phẩm không kinh doanh được thực hiện như sau: a) Cơ quan, tổ chức đề nghị cấp giấy phép theo điểm b khoản 2 Điều này nộp phí thẩm định nội dung tài liệu xuất bản phẩm không kinh doanh theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí; b) Không thu phí quy định tại điểm a khoản này đối với trường hợp tự xuất bản theo khoản 3 Điều 25 của Luật. 10. Cơ quan, tổ chức tự xuất bản theo khoản 3 Điều 25 của Luật có trách nhiệm: a) Xác định tài liệu thuộc loại được xuất bản theo khoản 1 Điều 25 của Luật và có nội dung phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức chịu trách nhiệm

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
		tổ chức thực hiện và kiểm tra việc đáp ứng các yêu cầu này; b) Tổ chức biên tập, rà soát nội dung; kiểm tra tính chính xác của thông tin và việc tuân thủ quy định về bảo vệ bí mật nhà nước, quyền tác giả, quyền liên quan và pháp luật có liên quan trước khi quyết định xuất bản; c) Ban hành quyết định xuất bản và phê duyệt bản mẫu trước khi thực hiện việc in hoặc tạo lập bản điện tử để phát hành. Quyết định xuất bản phải xác định tên tài liệu; mục đích xuất bản; ngôn ngữ, hình thức xuất bản; số lượng bản in đối với tài liệu in; định dạng, phương thức phát hành đối với tài liệu điện tử; phạm vi, đối tượng phát hành; người chịu trách nhiệm về nội dung và đơn vị tổ chức thực hiện; d) Bảo đảm tài liệu được xuất bản đúng bản mẫu đã phê duyệt. Trường hợp sửa đổi, bổ sung nội dung tài liệu hoặc thay đổi nội dung quyết định xuất bản, phải phê duyệt lại bản mẫu hoặc ban hành quyết định sửa đổi, bổ sung tương ứng trước khi thực hiện; đ) Lưu giữ bản mẫu tài liệu được xuất bản ít nhất 24 tháng kể từ thời điểm ban hành quyết định xuất bản; bảo đảm xác định được bản mẫu tương ứng

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
		với từng quyết định xuất bản. Bản mẫu điện tử phải được lưu giữ đầy đủ, toàn vẹn và có thể truy xuất; e) Lưu giữ quyết định xuất bản và tài liệu liên quan theo pháp luật về lưu trữ; cung cấp quyết định, bản mẫu và thông tin liên quan khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền; g) Chịu trách nhiệm về nội dung tài liệu và việc xuất bản, phát hành. Khi phát hiện sai sót hoặc dấu hiệu vi phạm, phải kịp thời kiểm tra, thực hiện biện pháp khắc phục thuộc trách nhiệm của mình và chấp hành quyết định xử lý của cơ quan có thẩm quyền. 11. Cơ quan, tổ chức được cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh có trách nhiệm: a) Xuất bản, phát hành đúng nội dung, hình thức, số lượng, phạm vi, đối tượng và mục đích đã được cấp giấy phép; không kinh doanh tài liệu dưới mọi hình thức; b) Ghi thông tin trên tài liệu theo Điều 27 của Luật và quy định của Nghị định này; bảo đảm xác định được cơ quan, tổ chức xuất bản, người chịu trách nhiệm và giấy phép xuất bản tương ứng; c) Tài liệu được cấp giấy phép theo khoản 1 Điều 25 của Luật và khoản 1 Điều này phải nộp lưu chiểu trước khi phát hành theo Điều 28 của Luật và Nghị định này; đối với tài liệu điện tử, thực hiện

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
		thêm nghĩa vụ nộp cho Thư viện Quốc gia Việt Nam theo Điều 48 của Luật; d) Trường hợp xuất bản, phát hành tài liệu điện tử, đáp ứng các yêu cầu tại khoản 3 Điều 45, Điều 46, Điều 47 và khoản 3 Điều 50 của Luật. Tài liệu chỉ phát hành nội bộ phải có biện pháp kiểm soát truy cập phù hợp với phạm vi, đối tượng được xác định trong giấy phép hoặc quyết định xuất bản; đ) Chấp hành các quy định về bảo vệ bí mật nhà nước, quyền tác giả, quyền liên quan, bảo vệ dữ liệu cá nhân và các quy định khác của pháp luật có liên quan; thực hiện việc sửa chữa, đình chỉ phát hành, thu hồi, tiêu hủy tài liệu theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền. 12. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan, tổ chức quyết định không thực hiện việc xuất bản tài liệu không kinh doanh theo giấy phép đã được cấp trước ngày hết hạn của giấy phép, phải có văn bản thông báo kèm theo bản chính giấy phép đã được cấp gửi trả lại cơ quan đã cấp giấy phép. Văn bản thông báo được lập theo mẫu quy định tại Điều 6 và thực hiện nộp theo cách thức quy định tại Điều 3 của Nghị định này đến cơ quan đã cấp giấy phép; trường hợp giấy phép là bản điện tử thì chỉ gửi văn bản thông báo.

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
Điều 26. Xuất bản tác phẩm, tài liệu của tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam 1. Việc xuất bản tác phẩm, tài liệu của tổ chức, cá nhân nước ngoài để kinh doanh tại Việt phải được nhà xuất bản Việt thực hiện. 2. Việc xuất bản tài liệu không kinh doanh của tổ chức nước ngoài tại Việt không thực hiện qua nhà xuất bản Việt Nam được thực hiện theo quy định tại Điều 25 của Luật này.		Không có điều riêng; các quy định liên quan về nhà xuất bản, đăng ký kế hoạch và tài liệu không kinh doanh tại Điều 12 đến Điều 16, Điều 24 và Điều 27 dự thảo.
Điều 27. Thông tin ghi trên xuất bản phẩm 1. Thông tin ghi trên xuất bản phẩm phải bảo đảm các nguyên tắc sau đây: a) Bảo đảm nhận diện xuất bản phẩm và xác định tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm; b) Chính xác, trung thực, phù hợp với loại hình và nội dung của xuất bản phẩm; c) Bảo đảm phục vụ quản lý nhà nước, lưu chiểu, truy xuất nguồn gốc và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân; d) Bảo đảm khả năng hiển thị, tiếp cận, khai thác và quản lý trên môi trường số đối với xuất bản		**Điều 28. Thông tin phải ghi trên xuất bản phẩm**[27] 1. Trên xuất bản phẩm dưới dạng sách phải ghi các thông tin sau đây: a) Tên sách; họ tên tác giả, người biên soạn, người chủ biên (nếu có); họ tên người dịch đối với sách dịch; họ tên người phiên âm, chú giải (đối với sách chữ Hán, chữ Nôm); tên nhà xuất bản hoặc cơ quan, tổ chức được cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh hoặc tên cơ quan, tổ chức tự xuất bản tài liệu không kinh doanh; số thứ tự của tập, quyển (nếu có);

[27] *Đối chiếu: Quy định chi tiết khoản 2 Điều 27 của Luật.*

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
phẩm điện tử; đ) Xuất bản phẩm có nội dung được tạo lập toàn bộ hoặc một phần bằng hệ thống trí tuệ nhân tạo phải được thông báo, gắn nhãn và không làm thay đổi trách nhiệm của tổ chức, cá nhân đối với xuất bản phẩm theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan. 2. Chính phủ quy định thông tin ghi trên xuất bản phẩm.		b) Họ tên, chức danh của người đứng đầu nhà xuất bản chịu trách nhiệm xuất bản; họ tên, chức danh của tổng biên tập chịu trách nhiệm nội dung; họ tên biên tập viên; họ tên người vẽ bìa, trình bày, minh họa, sửa bản in; tên và địa chỉ của tổ chức, cá nhân liên kết xuất bản (nếu có); họ tên người hiệu đính (nếu có); năm xuất bản; tên nguyên bản và ngôn ngữ gốc đối với sách dịch; c) Khuôn khổ sách; số xác nhận đăng ký kế hoạch xuất bản; số quyết định xuất bản hoặc số giấy phép xuất bản hoặc số quyết định của cơ quan, tổ chức tự xuất bản; số lượng in; tên và địa chỉ cơ sở in; thời gian nộp lưu chiểu; mã số sách tiêu chuẩn quốc tế (ISBN); d) Đối với sách kinh doanh phải ghi giá bán lẻ; đối với sách do Nhà nước đặt hàng phải ghi “Sách Nhà nước đặt hàng”; đối với sách không kinh doanh phải ghi “Sách không bán”; đối với sách chuyên về quảng cáo phải ghi “Sách chuyên quảng cáo”; đ) Thông tin ngắn về nội dung hoặc thông điệp của xuất bản phẩm (nếu có); e) Thông tin công bố việc ứng dụng hệ thống trí tuệ nhân tạo (AI) tham gia tạo lập nội dung theo quy định tại khoản 5 Điều 29 của Nghị định này;

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
		g) Dấu hiệu chỉ dẫn độ mật theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước đối với sách có nội dung thuộc danh mục bí mật nhà nước. 2. Trên xuất bản phẩm không phải là sách phải ghi các thông tin sau đây: a) Tên xuất bản phẩm; tên nhà xuất bản hoặc cơ quan, tổ chức được cấp giấy phép xuất bản hoặc cơ quan, tổ chức tự xuất bản tài liệu không kinh doanh; b) Số xác nhận đăng ký kế hoạch xuất bản; số quyết định xuất bản hoặc số giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh hoặc số quyết định xuất bản của cơ quan, tổ chức tự xuất bản; số lượng in; tên và địa chỉ cơ sở in; c) Đối với xuất bản phẩm kinh doanh phải ghi giá bán lẻ; đối với xuất bản phẩm do Nhà nước đặt hàng phải ghi "Xuất bản phẩm Nhà nước đặt hàng"; đối với xuất bản phẩm không kinh doanh phải ghi "Xuất bản phẩm không bán"; d) Tên, địa chỉ của đối tác liên kết xuất bản (nếu có) và thông tin công bố việc ứng dụng hệ thống trí tuệ nhân tạo theo khoản 5 Điều 29 của Nghị định này. 3. Đối với xuất bản phẩm điện tử, ngoài các thông tin tương ứng quy định tại khoản 1 hoặc khoản 2 Điều này (trừ thông tin về khuôn khổ, số

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
		lượng in, tên và địa chỉ cơ sở in, người sửa bản in), phải có thông tin quản lý dưới dạng dữ liệu.
		Điều 29. Vị trí và cách ghi thông tin trên xuất bản phẩm[28] 1. Đối với xuất bản phẩm dưới dạng sách in: a) Thông tin tại bìa 1: Ghi các thông tin quy định tại điểm a khoản 1 Điều 28 của Nghị định này. Trường hợp sách có nhiều tác giả, người dịch không thể ghi hết toàn bộ trên bìa một, tổng giám đốc hoặc giám đốc nhà xuất bản quyết định việc ghi tên đại diện; toàn bộ danh sách phải ghi đầy đủ tại trang thông tin xuất bản hoặc phần giới thiệu chi tiết của xuất bản phẩm. Các thông tin phụ trợ, giới thiệu ngắn, thông tin ngắn được phép ghi tại bìa một nhưng không được trình bày nổi bật hơn, che khuất hoặc gây nhầm lẫn với tên sách, tên tác giả, tên nhà xuất bản; b) Thông tin tại bìa 4: Ghi giá bán lẻ hoặc tính chất sách quy định tại điểm d khoản 1 Điều 28 của Nghị định này. Mã số ISBN phải được thể hiện dưới dạng mã vạch chuẩn (EAN-13). Nhà xuất bản được phép in bổ sung mã phản hồi nhanh (QR Code) phục vụ truy xuất nguồn gốc nhưng kích

[28] *Đối chiếu: Hướng dẫn thi hành Điều 27 của Luật về vị trí và cách ghi thông tin trên xuất bản phẩm.*

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
		thước không được lớn hơn mã vạch ISBN, không che khuất hoặc thay thế mã vạch ISBN; c) Thể hiện tại trang thông tin xuất bản (trang xi-nhê): Được bố trí thành một trang riêng biệt ở đầu hoặc ở cuối nội dung sách, thể hiện tập trung toàn bộ các thông tin pháp lý quy định tại các điểm b, c, đ và e khoản 1 Điều 28 của Nghị định này; d) Đối với sách in có kết cấu đặc thù (sách dựng hình ba chiều, sách vải, sách tương tác): Thông tin xuất bản được bố trí tại mặt sau, chân đế, bìa ngoài cùng, hộp sách hoặc tem, nhãn phụ gắn cố định bảo đảm không bị bong, tróc, tháo rời trong quá trình lưu thông. 2. Đối với xuất bản phẩm điện tử: a) Thông tin quản lý xuất bản phẩm điện tử phải được hiển thị tại màn hình chờ, giao diện thông tin chính hoặc tích hợp trong cấu trúc dữ liệu mở không bị mã hóa bảo mật theo chuẩn định dạng quốc tế, bảo đảm các thiết bị đọc và phần mềm giám sát chuyên ngành của cơ quan nhà nước tự động trích xuất được; b) Thông tin phải được gắn kèm trong cấu trúc dữ liệu, tệp tin để phục vụ nhận diện, lưu chiểu, truy xuất trong toàn bộ thời gian xuất bản phẩm được khai thác. Khi tái bản, cập nhật hoặc chuyển đổi định dạng, thông tin quản lý bắt buộc phải được

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
		bảo toàn hoặc cập nhật tương ứng, bảo đảm truy xuất được phiên bản đã phát hành; c) Không được xóa, ẩn, làm sai lệch hoặc sử dụng giải pháp quản lý bản quyền số nhằm vô hiệu hóa khả năng đọc, kiểm tra dữ liệu của cơ quan nhà nước; d) Đối với sách nói: Tên xuất bản phẩm, tác giả, nhà xuất bản và số quyết định xuất bản bắt buộc phải được phát bằng âm thanh ở phần mở đầu của tệp dữ liệu. 3. Đối với sách chữ nổi và xuất bản phẩm không phải là sách: a) Sách chữ nổi và xuất bản phẩm cho người khuyết tật nhìn: Ghi thông tin quy định tại khoản 1 Điều 28 của Nghị định này tại vị trí phù hợp; b) Tranh, ảnh, bản đồ, áp-phích, tờ rời, tờ gấp: Ghi thông tin quy định tại khoản 2 Điều 28 của Nghị định này trên mặt trước, lề dưới hoặc chân trang; c) Bản ghi âm, ghi hình độc lập: Thể hiện trên vỏ hộp, nhãn đĩa, bao bì hoặc hiển thị bằng chữ hoặc âm thanh ở phần mở đầu của bản ghi. 4. Vị trí và hình thức thể hiện trên lịch in các loại:

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
		a) Thông tin về thứ, ngày, tuần, tháng, năm dương lịch, âm lịch phải ghi chính xác theo bảng lịch do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành. Các ngày nghỉ lễ theo quy định của pháp luật và ngày Chủ nhật phải được in, sử dụng màu đỏ; các ngày kỷ niệm lớn của đất nước phải in, sử dụng màu đỏ hoặc có hình thức trình bày khác biệt nhằm phân biệt với các ngày thường trong tuần; b) Trường hợp lịch sử dụng tiếng Việt kèm tiếng các dân tộc thiểu số hoặc tiếng nước ngoài có cùng nội dung với tiếng Việt, khổ chữ của tiếng dân tộc thiểu số, tiếng nước ngoài không được vượt quá 75% khổ chữ tiếng Việt; c) Vị trí ghi các thông tin về tên nhà xuất bản, số xác nhận đăng ký kế hoạch xuất bản, số quyết định xuất bản, tên cơ sở in, tên đối tác liên kết được quy định như sau: - Đối với lịch blốc: Ghi trên mặt sau của tờ lịch ngày 31 tháng 12 dương lịch và trên vỏ lịch; - Đối với lịch tờ: Ghi tại góc dưới hoặc mặt sau của tờ lịch tháng 12 dương lịch; - Đối với lịch để bàn, lịch sổ, lịch bỏ túi: Ghi tại trang lót, trang cuối, phần gáy hoặc phần chân đế của lịch;

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
		- Đối với lịch điện tử được xuất bản: Các thông tin phải được chứa trong mã phản hồi nhanh (QR Code) bảo đảm truy cập để đọc thông tin. 5. Quy định về mức độ tham gia của trí tuệ nhân tạo (AI): a) Bắt buộc công bố thông tin ứng dụng AI tại trang thông tin xuất bản (đối với sách in) hoặc phần thông tin bản quyền (đối với xuất bản phẩm điện tử) khi hệ thống AI trực tiếp tạo lập toàn bộ hoặc một phần nội dung văn bản, bản dịch, hình ảnh minh họa, trang bìa hoặc tạo giọng đọc ảo đối với sách nói; b) Không bắt buộc công bố nếu AI chỉ được sử dụng cho các tác vụ hỗ trợ kỹ thuật chế bản (kiểm tra lỗi chính tả, căn chỉnh định dạng, nhận dạng ký tự quang học, nén dung lượng tệp tin); c) Không bắt buộc thể hiện thông tin cảnh báo AI trên bìa một và bìa bốn của xuất bản phẩm in. 6. Quy định về hình thức ghi thông tin của đối tác liên kết trên xuất bản phẩm: a) Phải ghi rõ, chính xác vai trò và chức năng của từng đối tác bao gồm liên kết tổ chức bản thảo, liên kết in, liên kết phát hành, cung cấp dịch vụ trung gian (nếu có). Hình thức ghi thông tin phải bảo đảm sự minh bạch, không được gây nhầm lẫn

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
		về vị trí, thẩm quyền và tư cách pháp nhân giữa đối tác liên kết và nhà xuất bản; b) Việc ghi tên và biểu trưng của đối tác liên kết thực hiện như sau: - Tên và biểu trưng của đối tác liên kết phải bảo đảm việc ghi không làm nổi bật hơn, ở phía trên hoặc che khuất tên và biểu trưng của nhà xuất bản; - Diện tích ghi biểu trưng của mỗi đối tác liên kết không được lớn hơn diện tích biểu trưng của nhà xuất bản trên cùng một mặt bìa, trang lót đối với xuất bản phẩm in hoặc trên cùng một ảnh đại diện, giao diện trình bày thông tin đối với xuất bản phẩm điện tử; - Đối với xuất bản phẩm điện tử định dạng âm thanh hoặc hình ảnh động, thông tin về nhà xuất bản phải được thể hiện bằng âm thanh hoặc hiển thị trước thông tin của đối tác liên kết. 7. Việc sử dụng biểu tượng, hình ảnh Quốc kỳ Việt Nam, Quốc huy Việt Nam, cờ Đảng Cộng sản Việt Nam, bản đồ Việt Nam và chân dung lãnh tụ, lãnh đạo đất nước Việt Nam phải trang trọng, chính xác, tuân thủ pháp luật có liên quan; ghi thông tin bắt buộc ở vị trí phù hợp, không che lấp biểu tượng, hình ảnh hoặc làm sai lệch nội dung. Không được ghi thông tin về tên tác giả, người dịch, đối tác liên kết, biểu trưng hoặc bất kỳ họa tiết trang trí nào in

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
		đè, chèn lấp, che khuất hoặc làm ảnh hưởng đến sự tôn nghiêm của biểu tượng, hình ảnh. Trường hợp việc thể hiện biểu tượng, hình ảnh chiếm toàn bộ diện tích bìa một hoặc giao diện hiển thị đầu tiên, nhà xuất bản được phép chuyển các thông tin quy định tại điểm a khoản 1 Điều 28 của Nghị định này sang trình bày tại trang lót hoặc bìa bốn.
Điều 28. Nộp và quản lý xuất bản phẩm lưu chiểu, nộp xuất bản phẩm cho Thư viện Quốc gia Việt Nam 1. Nộp lưu chiểu là việc nhà xuất bản hoặc cơ quan, tổ chức được phép xuất bản chuyển xuất bản phẩm hoặc tệp xuất bản phẩm điện tử đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Luật này để phục vụ công tác quản lý nhà nước. 2. Việc nộp xuất bản phẩm lưu chiểu được thực hiện như sau: a) Nhà xuất bản phải nộp lưu chiểu cho Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chậm nhất là 10 ngày trước khi phát hành; b) Cơ quan, tổ chức được cấp giấy phép xuất bản		**Điều 30. Số lượng, thủ tục, thời hạn lưu giữ xuất bản phẩm nộp lưu chiểu**[29] 1. Số lượng xuất bản phẩm nộp lưu chiểu: a) Xuất bản phẩm in: Nhà xuất bản nộp 02 bản/01 tên xuất bản phẩm đối với xuất bản phẩm có số lượng in từ 300 bản trở lên; trường hợp xuất bản phẩm có số lượng in dưới 300 bản hoặc xuất bản phẩm sách mỹ thuật đặc thù, sách in ba chiều, sách chữ nổi cho người khuyết tật nhìn nộp 01 bản/01 tên xuất bản phẩm; đối với các cơ quan, tổ chức được phép xuất bản tài liệu không kinh doanh nộp lưu chiểu 01 bản/01 tên xuất bản phẩm. Đối với xuất bản phẩm tái bản có sửa chữa, bổ sung nội dung, nhà xuất bản nộp lưu chiểu theo quy

[29] *Đối chiếu: Quy định chi tiết khoản 8 Điều 28 của Luật về số lượng, thời hạn lưu giữ xuất bản phẩm nộp lưu chiểu; hướng dẫn thi hành khoản 2 và khoản 3 Điều 28 của Luật về việc nộp lưu chiểu.*

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
tài liệu không kinh doanh theo quy định tại khoản 1 Điều 25 của Luật này phải nộp lưu chiểu cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi cấp giấy phép trước khi phát hành. 3. Xuất bản phẩm được nộp lưu chiểu theo các phương thức sau đây: a) Đối với xuất bản phẩm in, nộp bản in theo số lượng quy định; b) Đối với xuất bản phẩm điện tử, nộp tệp điện tử thông qua hệ thống lưu chiểu điện tử. 4. Hết thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành nộp lưu chiểu, nhà xuất bản được quyết định phát hành xuất bản phẩm trong thời hạn 12 tháng; trường hợp quá thời hạn 12 tháng mà không quyết định phát hành xuất bản phẩm thì phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan nhận lưu chiểu. Đối với xuất bản phẩm thuộc danh mục quy định tại khoản 1 Điều 24 của Luật này thì chỉ được quyết định phát hành sau khi có ý kiến của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. 5. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm tổ chức quản lý xuất bản phẩm lưu chiểu và thực hiện theo quy định sau đây: a) Lựa chọn xuất bản phẩm lưu chiểu để tổ chức đọc, kiểm tra, thẩm định và xử lý vi phạm theo quy		định tại điểm này. Trường hợp tái bản không sửa chữa, bổ sung nội dung hoặc in nối bản, nhà xuất bản nộp lưu chiểu 01 bản/01 tên xuất bản phẩm. Việc nộp lưu chiểu xuất bản phẩm có chứa bí mật nhà nước phải tuân thủ pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước; b) Xuất bản phẩm điện tử: Nộp 01 gói dữ liệu gồm nhiều tệp dữ liệu lên hệ thống lưu chiểu điện tử của cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản. Gói dữ liệu số phải bao gồm: tệp tin nội dung xuất bản phẩm, dữ liệu và mã băm (hash code) để xác thực tính toàn vẹn của dữ liệu. Trường hợp tệp tin nội dung có áp dụng các biện pháp công nghệ bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ hoặc bị mã hóa, nhà xuất bản phải cung cấp đồng thời công cụ, tài khoản hoặc phương thức giải mã truy cập hợp lệ để cơ quan quản lý nhà nước thực hiện việc đọc, nghe, xem và kiểm tra lưu chiểu mà không bị giới hạn việc truy cập. 2. Xuất bản phẩm lưu chiểu được nộp theo cách thức quy định tại Điều 3 của Nghị định này hoặc qua hệ thống lưu chiểu điện tử. 3. Mỗi xuất bản phẩm khi nộp lưu chiểu phải kèm theo 02 tờ khai lưu chiểu theo mẫu quy định tại Điều 6 của Nghị định này. 4. Đối với xuất bản phẩm dạng in nộp lưu chiểu:

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
định của pháp luật; b) Khi phát hiện xuất bản phẩm có dấu hiệu vi phạm, tổ chức đọc, kiểm tra, thẩm định và xử lý theo quy định của pháp luật; c) Tổ chức thẩm định và cho ý kiến trước khi phát hành đối với xuất bản phẩm thuộc danh mục quy định tại khoản 1 Điều 24 của Luật này, trừ trường hợp được miễn thẩm định do Chính phủ quy định. 6. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức đọc, kiểm tra tài liệu không kinh doanh nộp lưu chiểu thuộc thẩm quyền cấp giấy phép và xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật. 7. Nhà xuất bản có trách nhiệm nộp xuất bản phẩm và tệp xuất bản phẩm điện tử cho Thư viện Quốc gia Việt Nam. 8. Chính phủ quy định chi tiết số lượng, thời hạn lưu giữ xuất bản phẩm nộp lưu chiểu, thời hạn cho ý kiến trước khi phát hành đối với xuất bản phẩm thuộc danh mục quy định tại khoản 1 Điều 24 của Luật này và việc nộp xuất bản phẩm, tệp xuất bản phẩm điện tử cho Thư viện Quốc gia Việt Nam. 9. Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành quy chế đọc, kiểm tra, thẩm định nội dung xuất bản phẩm lưu chiểu. Bộ trưởng Bộ Tài chính		a) Đối với xuất bản phẩm của nhà xuất bản: Trên trang in số xác nhận đăng ký kế hoạch xuất bản, số quyết định xuất bản phải có dấu của nhà xuất bản hoặc có dấu của chi nhánh nhà xuất bản và có chữ ký của lãnh đạo nhà xuất bản hoặc người được lãnh đạo nhà xuất bản ủy quyền bằng văn bản; b) Đối với tài liệu không kinh doanh được cấp giấy phép xuất bản: Trên trang in số giấy phép xuất bản, phải có dấu và chữ ký của lãnh đạo cơ quan, tổ chức được cấp giấy phép xuất bản hoặc người được lãnh đạo cơ quan, tổ chức ủy quyền bằng văn bản. 5. Đối với xuất bản phẩm điện tử nộp lưu chiểu qua hệ thống lưu chiểu điện tử của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, việc nộp xuất bản phẩm được thực hiện theo hướng dẫn vận hành của hệ thống lưu chiểu điện tử. 6. Lưu giữ, quản lý và sử dụng xuất bản phẩm lưu chiểu: a) Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm lưu giữ xuất bản phẩm lưu chiểu trong thời hạn 24 tháng kể từ ngày tiếp nhận, trừ các loại lịch thì thời hạn lưu giữ là 12 tháng; b) Nhà xuất bản có trách nhiệm lưu giữ tại đơn vị ít nhất 03 bản/01 tên xuất bản phẩm trong thời

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
quy định chế độ thù lao đối với người đọc, kiểm tra, thẩm định nội dung xuất bản phẩm lưu chiểu.		hạn 03 năm kể từ ngày nộp lưu chiểu để phục vụ công tác quản lý nhà nước và được chủ động quyết định việc tiếp tục lưu trữ, phục vụ khai thác nội bộ hoặc thanh lý theo quy chế của đơn vị khi hết thời hạn. 7. Việc chuyển giao, thanh lý xuất bản phẩm lưu chiểu khi hết thời hạn lưu giữ quy định tại điểm a khoản 6 Điều này được thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. 8. Hết thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành nộp lưu chiểu, nhà xuất bản được quyết định phát hành xuất bản phẩm trong thời hạn 12 tháng. Trường hợp quá thời hạn 12 tháng mà không quyết định phát hành xuất bản phẩm thì phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan nhận lưu chiểu quy định tại khoản 4 Điều 28 của Luật. Nội dung thông báo phải ghi rõ tên xuất bản phẩm, số xác nhận đăng ký kế hoạch xuất bản, mã số sách tiêu chuẩn quốc tế - ISBN (nếu có), lý do chưa quyết định phát hành và dự kiến thời gian phát hành xuất bản phẩm.

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
		Điều 31. Nộp xuất bản phẩm cho Thư viện Quốc gia Việt Nam[30] 1. Nhà xuất bản, tổ chức được cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh có trách nhiệm nộp xuất bản phẩm cho Thư viện Quốc gia Việt Nam chậm nhất là 45 ngày kể từ ngày xuất bản phẩm được phát hành theo quy định, trừ trường hợp xuất bản phẩm tái bản không sửa chữa, bổ sung nội dung hoặc nối bản không thay đổi nội dung và hình thức; việc nộp theo cách thức quy định tại Điều 3 của Nghị định này hoặc truyền gửi tệp dữ liệu thông qua nền tảng nộp điện tử theo hướng dẫn chuyên môn của Thư viện Quốc gia Việt Nam. 2. Số lượng và định dạng xuất bản phẩm phải nộp được quy định như sau: a) Đối với xuất bản phẩm in thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 30 của Nghị định này; b) Đối với xuất bản phẩm điện tử thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 30 của Nghị định này theo hướng dẫn của hệ thống tiếp nhận xuất bản phẩm điện tử của Thư viện Quốc gia Việt Nam. 3. Thư viện Quốc gia Việt Nam có trách nhiệm lưu trữ an toàn, bảo mật dữ liệu số của xuất bản

[30] *Đối chiếu: Quy định chi tiết khoản 8 Điều 28 của Luật về việc nộp xuất bản phẩm, tệp xuất bản phẩm điện tử cho Thư viện Quốc gia Việt Nam; hướng dẫn thi hành Điều 48 của Luật.*

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
		phẩm điện tử tiếp nhận; chỉ được khai thác, phục vụ bạn đọc tại chỗ trong phạm vi không gian thư viện hoặc qua mạng nội bộ theo quy định của pháp luật về thư viện và pháp luật về sở hữu trí tuệ, trừ trường hợp có thỏa thuận khác bằng văn bản với chủ sở hữu quyền tác giả.
		Điều 32. Thời hạn, nội dung cho ý kiến trước khi phát hành xuất bản phẩm nộp lưu chiểu thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 24 của Luật[31] 1. Thời hạn cho ý kiến trước khi phát hành xuất bản phẩm nộp lưu chiểu: a) Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhà xuất bản hoàn thành việc nộp lưu chiểu theo quy định, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có ý kiến bằng văn bản trước khi phát hành đối với xuất bản phẩm thuộc danh mục quy định tại khoản 1 Điều 24 của Luật và Điều 26 của Nghị định này, kể cả trường hợp được miễn thẩm định quy định tại Điều 33 của Nghị định này; b) Thời hạn quy định tại điểm a khoản này bao gồm thời gian tổ chức thẩm định, lấy ý kiến của cơ

[31] *Đối chiếu: Quy định chi tiết khoản 8 Điều 28 của Luật về thời hạn cho ý kiến trước khi phát hành đối với xuất bản phẩm thuộc danh mục quy định tại khoản 1 Điều 24 của Luật.*

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
		quan, tổ chức có liên quan và ban hành văn bản cho ý kiến trước khi phát hành. 2. Nội dung cho ý kiến trước khi phát hành xuất bản phẩm nộp lưu chiểu: Căn cứ kết quả thẩm định, văn bản cho ý kiến của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải xác định rõ một trong các nội dung sau đây: a) Xuất bản phẩm đáp ứng yêu cầu về nội dung để nhà xuất bản quyết định phát hành theo quy định của Luật; b) Xuất bản phẩm phải sửa chữa trước khi phát hành. Văn bản cho ý kiến phải nêu rõ yêu cầu sửa chữa đối với nội dung cụ thể của xuất bản phẩm; c) Xuất bản phẩm không được phát hành do có nội dung, thời điểm phát hành không phù hợp với yêu cầu, chỉ đạo của cơ quan có thẩm quyền; d) Xuất bản phẩm không được phát hành do có nội dung vi phạm pháp luật. 3. Trường hợp quy định tại điểm b và điểm d khoản 2 Điều này không thuộc trường hợp miễn trách nhiệm pháp lý đối với hành vi vi phạm pháp luật.

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
		Điều 33. Các trường hợp được miễn thẩm định quy định tại điểm c khoản 5 Điều 28 của Luật[32] 1. Xuất bản phẩm thuộc danh mục quy định tại khoản 1 Điều 24 của Luật và Điều 26 của Nghị định này được miễn thẩm định trước khi phát hành trong các trường hợp sau đây: a) Xuất bản phẩm tái bản có nội dung, hình ảnh minh họa không thay đổi so với xuất bản phẩm đã được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thẩm định, có văn bản cho ý kiến đáp ứng yêu cầu về nội dung để phát hành và đã được phát hành hợp pháp; b) Xuất bản phẩm được chuyển đổi giữa hình thức in và hình thức điện tử hoặc chuyển đổi định dạng điện tử từ xuất bản phẩm quy định tại điểm a khoản này, chỉ thay đổi về kỹ thuật trình bày, định dạng, không làm thay đổi nội dung, hình ảnh minh họa và không bổ sung nội dung âm thanh, hình ảnh hoặc nội dung khác. 2. Căn cứ tờ khai lưu chiểu do nhà xuất bản lập và xuất bản phẩm đã nộp lưu chiểu, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu để xác định xuất bản phẩm thuộc trường hợp

[32] *Đối chiếu: Quy định chi tiết điểm c khoản 5 Điều 28 của Luật về trường hợp được miễn thẩm định xuất bản phẩm lưu chiểu.*

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
		được miễn thẩm định quy định tại khoản 1 Điều này.
		Điều 34. Đọc, kiểm tra, thẩm định xuất bản phẩm lưu chiểu[33] Việc đọc, kiểm tra, thẩm định xuất bản phẩm lưu chiểu được thực hiện theo quy chế do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành.
Điều 29. (được bãi bỏ)		
Điều 30. Quảng cáo trên xuất bản phẩm 1. Không được quảng cáo trên bản đồ hành chính. 2. Việc quảng cáo trên lịch blốc được thực hiện theo quy định sau đây: a) Diện tích dành cho quảng cáo không vượt quá 20% diện tích từng tờ lịch; nội dung và hình ảnh quảng cáo phải phù hợp với thuần phong mỹ tục Việt và các quy định khác của pháp luật về quảng cáo; b) Không được quảng cáo trên những tờ lịch in ngày Quốc lễ và ngày kỷ niệm lớn của đất nước.		

[33] *Đối chiếu: Hướng dẫn thi hành khoản 9 Điều 28 của Luật.*

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
3. Việc quảng cáo trên xuất bản phẩm không được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được thực hiện theo quy định của pháp luật về quảng cáo.		
Chương III **LĨNH VỰC IN XUẤT BẢN PHẨM** **Điều 31. Hoạt động của cơ sở in xuất bản phẩm** 1. Cơ sở in chỉ được in xuất bản phẩm sau khi được cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm. 2. Cơ sở in chỉ được nhận in xuất bản phẩm theo quy định tại Điều 33 của Luật này.	**Chương III** **LĨNH VỰC IN VÀ PHÁT HÀNH XUẤT BẢN PHẨM**	**Chương III** **LĨNH VỰC IN XUẤT BẢN PHẨM**
Điều 32. Cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm 1. Hoạt động in xuất bản phẩm gồm các công đoạn quy định tại khoản 7 Điều 4 của Luật này được quy định như sau: a) Chế bản là quá trình chuẩn bị bản mẫu hoặc dữ liệu in bằng phương pháp kỹ thuật, công nghệ để tạo đầu vào phục vụ công đoạn in xuất bản	**Điều 13. Điều kiện, hồ sơ cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm và các trường hợp thu hồi giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm** 1. Cơ sở in được cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm (bao gồm các công đoạn chế bản, in, gia công sau in) khi có đủ các điều kiện sau đây: a) Theo quy định tại Khoản 1 Điều 32 Luật xuất bản;	**Điều 35. Trường hợp có yếu tố nước ngoài đối với chủ sở hữu cơ sở in xuất bản phẩm**[34] 1. Công dân Việt Nam có quốc tịch Việt Nam đồng thời có quốc tịch nước ngoài. 2. Cơ sở in có vốn đầu tư nước ngoài đã được cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành và kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, tổng

[34] *Đối chiếu: Quy định chi tiết điểm c khoản 3 Điều 32 của Luật về trường hợp có yếu tố nước ngoài đối với chủ sở hữu cơ sở in xuất bản phẩm.*

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
phẩm; b) In là quá trình sử dụng thiết bị để chuyển nội dung từ bản mẫu hoặc dữ liệu in lên vật mang tin nhằm tạo thành xuất bản phẩm; c) Gia công sau in là quá trình thực hiện các công đoạn kỹ thuật sau khi in nhằm hoàn thiện xuất bản phẩm theo yêu cầu về hình thức, kết cấu và chất lượng. 2. Cơ sở in hoạt động theo các loại hình sau đây: a) Doanh nghiệp; đơn vị sự nghiệp; tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định của pháp luật về hợp tác xã; b) Chi nhánh, địa điểm kinh doanh của các loại hình quy định tại điểm a khoản này (không bao gồm địa điểm kinh doanh thuộc chi nhánh); hoạt động in xuất bản phẩm phát sinh tại địa điểm kinh doanh thuộc chi nhánh được xác định là hoạt động do chi nhánh thực hiện; c) Hộ kinh doanh. 3. Điều kiện để cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm được quy định như sau: a) Người đứng đầu cơ sở in là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam theo quy định của pháp luật về cư trú; b) Có mặt bằng sản xuất, thiết bị để thực hiện	b) Chủ sở hữu là tổ chức, cá nhân Việt Nam. 2. Giấy tờ, tài liệu chứng minh về người đứng đầu cơ sở in, có mặt bằng sản xuất và thiết bị trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm tại Khoản 2 Điều 32 Luật xuất bản được quy định cụ thể như sau: a) Đối với người đứng đầu cơ sở in xuất bản phẩm: Là người đại diện theo pháp luật được ghi tại một trong các loại giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đầu tư, quyết định thành lập của cơ quan có thẩm quyền; văn bằng do cơ sở đào tạo chuyên ngành in cấp cho người đứng đầu phải là bản sao có chứng thực bằng tốt nghiệp cao đẳng về in trở lên hoặc giấy chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý hoạt động in xuất bản phẩm do Bộ Thông tin và Truyền thông cấp; b) Đối với tài liệu chứng minh về mặt bằng sản xuất: Bản sao có chứng thực hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc hợp đồng hay các loại giấy tờ khác chứng minh về việc giao đất, thuê đất, thuê mặt bằng, nhà xưởng để sản xuất; c) Đối với tài liệu chứng minh về thiết bị: Phải là bản sao giấy tờ sở hữu hoặc thuê mua thiết bị; trường hợp chưa có thiết bị, trong hồ sơ đề nghị cấp	tỷ lệ sở hữu cổ phần, vốn góp có yếu tố nước ngoài đó không được vượt quá tỷ lệ ngay trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
một hoặc các công đoạn chế bản, in và gia công sau in xuất bản phẩm; c) Có chủ sở hữu cơ sở in là tổ chức của Việt Nam, cá nhân là công dân Việt Nam, trừ trường hợp có yếu tố nước ngoài do Chính phủ quy định. 4. Thẩm quyền cấp, cấp lại giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm được quy định như sau: a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp, cấp lại giấy phép cho cơ sở in quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều này trên địa bàn; b) Ủy ban nhân dân cấp xã cấp, cấp lại giấy phép cho cơ sở in quy định tại điểm c khoản 2 Điều này trên địa bàn. 5. Giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm được cấp lại khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: a) Bị mất hoặc bị hư hỏng; b) Có thay đổi về tên gọi, địa chỉ, chia, tách, sáp nhập hoặc hợp nhất cơ sở in. 6. Giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm bị thu hồi khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: a) Cơ sở in không đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại khoản 3 Điều này trong quá trình hoạt động; b) Cơ sở in có thay đổi quy định tại điểm b	giấy phép phải kèm theo danh mục thiết bị dự kiến đầu tư. Trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày được cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm, cơ sở in phải hoàn thành việc mua hoặc thuê mua đủ thiết bị theo danh mục dự kiến đầu tư, gửi bản sao chứng từ mua, thuê mua thiết bị cho cơ quan cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm. 3. Ngoài quy định tại Khoản 8 Điều 32 Luật xuất bản, cơ sở in xuất bản phẩm bị thu hồi giấy phép hoạt động theo một trong các trường hợp sau: a) Không đáp ứng điều kiện quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này; b) Hết thời hạn 06 tháng, kể từ ngày được cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm không đầu tư đủ thiết bị theo quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều này.	

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
khoản 5 Điều này mà không làm thủ tục cấp lại giấy phép; c) Sau khi cơ sở in giải thể, phá sản, tự chấm dứt hoạt động; d) Không bảo đảm các giải pháp quản lý chống in nối bản trái phép, in lậu, in giả xuất bản phẩm. 7. Chính phủ quy định trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm.		
		Điều 36. Trình tự, thủ tục cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm[35] 1. Hồ sơ cấp giấy phép được lập thành 01 bộ, bao gồm: a) Đơn đề nghị cấp giấy phép theo mẫu quy định tại Điều 6 của Nghị định này; b) Tài liệu chứng minh mặt bằng sản xuất; c) Tài liệu chứng minh thiết bị; d) Sơ yếu lý lịch của người đứng đầu; đ) Bản sao giấy tờ chứng minh thông tin đăng ký, thành lập hoặc hoạt động hợp pháp của cơ sở in đối với trường hợp thông tin này chưa có trong cơ sở dữ liệu quốc gia có liên quan.

[35] *Đối chiếu: Quy định chi tiết khoản 7 Điều 32 của Luật về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm.*

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
		2. Cách thức nộp hồ sơ: Cơ sở in đề nghị cấp giấy phép nộp hồ sơ theo cách thức quy định tại Điều 3 của Nghị định này đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi cơ sở in đặt địa điểm hoạt động hoặc cơ quan được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công tiếp nhận hồ sơ đối với cơ sở in quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 32 của Luật; đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cơ sở in đặt địa điểm hoạt động đối với cơ sở in quy định tại điểm c khoản 2 Điều 32 của Luật. 3. Tiếp nhận và thực hiện cấp giấy phép: a) Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, trường hợp hồ sơ không đúng theo quy định, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thông báo để yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều 3 của Nghị định này; b) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã theo thẩm quyền quy định tại khoản 4 Điều 32 của Luật cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm, trong đó ghi mã dữ liệu cơ sở in; trường hợp không cấp giấy phép phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. 4. Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày cơ sở in có một trong các thay đổi về người đứng đầu hoặc thay đổi một trong các công đoạn chế bản,

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
		in, gia công sau in đã được cấp phép thì cơ sở in phải cập nhật thông tin trên cơ sở dữ liệu dùng chung. 5. Việc cập nhật thông tin điều chỉnh hoạt động quy định tại khoản 4 Điều này được thực hiện như sau: a) Nội dung cập nhật gồm tên, địa chỉ, mã dữ liệu cơ sở in; số, ngày cấp giấy phép; thông tin trước và sau thay đổi; lý do, thời điểm thay đổi và việc đáp ứng điều kiện tương ứng quy định tại khoản 3 Điều 32 của Luật; b) Cơ sở in thực hiện cập nhật trên cơ sở dữ liệu dùng chung trong thời hạn quy định tại khoản 4 Điều này. Trường hợp hệ thống chưa được triển khai hoặc gặp sự cố, cơ sở in gửi thông báo điều chỉnh hoạt động theo mẫu quy định tại Điều 6 và cách thức quy định tại Điều 3 của Nghị định này đến cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép; cơ quan tiếp nhận cập nhật thông tin trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận thông báo; c) Khi bổ sung công đoạn chế bản, in hoặc gia công sau in, cơ sở in phải đáp ứng điều kiện tương ứng trước khi thực hiện. Việc cập nhật thông tin không thay thế thủ tục cấp lại giấy phép đối với các trường hợp quy định tại Điều 37 của Nghị định này;

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
		d) Trường hợp cơ sở in chấm dứt toàn bộ các công đoạn chế bản, in và gia công sau in xuất bản phẩm, thực hiện thông báo chấm dứt hoạt động theo Điều 38 của Nghị định này.
		Điều 37. Trình tự, thủ tục cấp lại giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm[36] 1. Các trường hợp cấp lại giấy phép: a) Thay đổi tên gọi, địa chỉ, chia, tách, sáp nhập hoặc hợp nhất cơ sở in theo điểm b khoản 5 Điều 32 của Luật; b) Giấy phép bị mất hoặc bị hư hỏng. 2. Hồ sơ cấp lại giấy phép: a) 01 bộ hồ sơ gồm đơn đề nghị cấp lại giấy phép theo mẫu quy định tại Điều 6 của Nghị định này và các giấy tờ, tài liệu kèm theo tương ứng với lý do đề nghị cấp lại; b) Chỉ nộp đơn đề nghị cấp lại giấy phép đối với trường hợp giấy phép bị mất hoặc bị hư hỏng. 3. Cách thức nộp hồ sơ: Cơ sở in đề nghị cấp lại giấy phép nộp hồ sơ theo cách thức quy định tại Điều 3 của Nghị định

[36] *Đối chiếu: Khoản 7 Điều 32 của Luật.*

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
		này đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công tiếp nhận hồ sơ đối với cơ sở in thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; đến Ủy ban nhân dân cấp xã đối với cơ sở in thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp xã theo khoản 4 Điều 32 của Luật. 4. Tiếp nhận và thực hiện cấp lại giấy phép: a) Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, trường hợp hồ sơ không đúng theo quy định, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thông báo để yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều 3 của Nghị định này; b) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã theo thẩm quyền quy định tại khoản 4 Điều 32 của Luật cấp lại giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm và giữ nguyên mã dữ liệu cơ sở in đã được ghi trên giấy phép trước đó; trường hợp không cấp lại giấy phép phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
		Điều 38. Trình tự, thủ tục chấm dứt hoạt động, thu hồi giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm[37] 1. Việc thu hồi giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm đối với trường hợp quy định tại điểm c khoản 6 Điều 32 của Luật được thực hiện như sau: a) Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ra quyết định phải gửi quyết định đến cơ quan cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm; b) Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm căn cứ kết quả kiểm tra, xác minh hoặc tài liệu chứng minh tình trạng chấm dứt hoạt động để ban hành quyết định thu hồi giấy phép hoạt động in; c) Chậm nhất 05 ngày kể từ ngày nhận được quyết định giải thể, quyết định tuyên bố phá sản hoặc văn bản thông báo tự chấm dứt hoạt động của cơ sở in, cơ quan đã cấp giấy phép ra quyết định thu hồi giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm. 2. Việc thu hồi giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm đối với các trường hợp quy định tại điểm a, điểm b và điểm d khoản 6 Điều 32 của Luật được thực hiện theo quy định sau đây:

[37] *Đối chiếu: Khoản 7 Điều 32 của Luật.*

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
		a) Cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành kiểm tra tại cơ sở in và lập biên bản. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày lập biên bản, cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành kiểm tra có văn bản thông báo tới cơ quan đã cấp phép hoạt động in xuất bản phẩm; b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản thông báo của cơ quan, người có thẩm quyền kiểm tra, cơ quan đã cấp giấy phép phải có văn bản yêu cầu cơ sở in khắc phục nguyên nhân dẫn đến trường hợp bị thu hồi giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm. Trường hợp cơ quan kiểm tra là cơ quan đã cấp giấy phép thì người có thẩm quyền của cơ quan đó ký văn bản yêu cầu cơ sở in khắc phục. Thời hạn khắc phục nguyên nhân dẫn đến trường hợp bị thu hồi giấy phép là 30 ngày làm việc kể từ ngày cơ sở in nhận được văn bản yêu cầu; c) Hết thời hạn 30 ngày làm việc, nếu cơ sở in không khắc phục được nguyên nhân dẫn đến trường hợp bị thu hồi giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm, cơ quan đã cấp giấy phép ra quyết định thu hồi giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm và yêu cầu cơ sở in nộp lại giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm đã được cấp. 3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tự chấm dứt hoạt động in xuất bản phẩm, cơ sở in

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
		phải gửi giấy phép đã được cấp kèm theo văn bản thông báo chấm dứt hoạt động theo mẫu quy định tại Điều 6 và gửi thông báo theo cách thức quy định tại Điều 3 của Nghị định này đến cơ quan đã cấp giấy phép; trường hợp giấy phép được cấp là bản điện tử thì chỉ gửi thông báo chấm dứt hoạt động. Việc chấm dứt hoạt động in xuất bản phẩm phải được thông báo cả trong trường hợp cơ sở in tiếp tục hoạt động kinh doanh khác. 4. Cơ quan đã cấp giấy phép thực hiện thu hồi theo khoản 1 Điều này, cập nhật, công khai việc chấm dứt hoạt động in xuất bản phẩm của cơ sở in theo khoản 8 Điều 3 của Nghị định này và thu hồi giấy phép.
Điều 33. Thực hiện chế bản, in, gia công sau in xuất bản phẩm 1. Cơ sở in được thực hiện chế bản, in, gia công sau in xuất bản phẩm theo một trong các trường hợp sau đây: a) Cung cấp dịch vụ chế bản, in, gia công sau in xuất bản phẩm cho tổ chức, cá nhân; b) Thực hiện chế bản, in, gia công sau in xuất bản		**Điều 39. Thực hiện chế bản, in, gia công sau in xuất bản phẩm**[38] 1. Trường hợp cơ sở in thực hiện chế bản, in, gia công sau in xuất bản phẩm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 33 của Luật, cơ sở in chỉ được thực hiện khi có đủ các tài liệu theo từng trường hợp sau đây: a) Đối với xuất bản phẩm thông qua nhà xuất bản: hợp đồng chế bản, in, gia công sau in xuất bản

[38] *Đối chiếu: Quy định chi tiết khoản 2 Điều 33 của Luật.*

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
phẩm với tư cách là đối tác liên kết của nhà xuất bản; c) Là cơ quan, tổ chức được xuất bản tài liệu không kinh doanh theo quy định tại Điều 25 của Luật này và có giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm. 2. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.		phẩm giữa cơ sở in với nhà xuất bản hoặc tổ chức, cá nhân được nhà xuất bản ủy quyền bằng văn bản; quyết định xuất bản của nhà xuất bản (bản chính) và bản mẫu đã được duyệt; b) Đối với tài liệu không kinh doanh thuộc trường hợp phải có giấy phép xuất bản: hợp đồng chế bản, in, gia công sau in giữa cơ sở in với tổ chức được cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh hoặc tổ chức, cá nhân được ủy quyền bằng văn bản; giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh (bản chính) và bản mẫu đã được duyệt; c) Đối với tài liệu không kinh doanh thuộc trường hợp không phải có giấy phép xuất bản: hợp đồng chế bản, in, gia công sau in giữa cơ sở in với tổ chức được tự xuất bản tài liệu không kinh doanh; quyết định tự xuất bản của cơ quan, tổ chức (bản chính) và bản mẫu đã được duyệt; d) Đối với xuất bản phẩm in xuất khẩu: hợp đồng chế bản, in, gia công sau in giữa cơ sở in với tổ chức được cấp giấy phép in xuất khẩu; giấy phép in xuất khẩu (bản chính) và bản mẫu đã được duyệt. 2. Trường hợp cơ sở in thực hiện chế bản, in, gia công sau in xuất bản phẩm quy định tại điểm b khoản 1 Điều 33 của Luật, cơ sở in được tự thực hiện chế bản, in, gia công sau in xuất bản phẩm khi có đủ các tài liệu sau đây:

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
		a) Hợp đồng liên kết in xuất bản phẩm được ký trực tiếp giữa cơ sở in với nhà xuất bản; b) Quyết định xuất bản của nhà xuất bản (bản chính); c) Bản mẫu đã được giám đốc hoặc tổng giám đốc nhà xuất bản duyệt. 3. Trường hợp cơ sở in là cơ quan, tổ chức được tự xuất bản tài liệu không kinh doanh theo quy định tại khoản 3 Điều 25 của Luật phải có quyết định tự xuất bản và bản mẫu đã được duyệt. Trường hợp cơ sở in là đơn vị trực thuộc cơ quan, tổ chức được tự xuất bản tài liệu không kinh doanh theo quy định tại khoản 3 Điều 25 của Luật mà trực tiếp thực hiện chế bản, in, gia công sau in đối với tài liệu đó thì phải có thêm văn bản giao nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức được tự xuất bản.
		Điều 40. Trách nhiệm của cơ sở in và bên đặt in khi thực hiện chế bản, in và gia công sau in[39] 1. Trách nhiệm của cơ sở in: a) Kiểm tra, đối chiếu tính đầy đủ, chính xác của hồ sơ nhận chế bản, in, gia công sau in xuất bản phẩm theo quy định tại Điều 39 của Nghị định này;

[39] *Đối chiếu: Quy định chi tiết khoản 2 Điều 33 của Luật; hướng dẫn thi hành Điều 35 của Luật.*

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
		b) Thực hiện chế bản, in, gia công sau in đúng nội dung bản mẫu đã được duyệt, quy cách và số lượng theo hồ sơ nhận in; không tự ý sửa đổi nội dung, thay thế bản mẫu, trừ trường hợp có tài liệu điều chỉnh hợp pháp tương ứng; c) Chỉ được chuyển giao một phần công việc chế bản, in, gia công sau in cho cơ sở in khác có giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm phù hợp khi có hợp đồng hợp tác bằng văn bản và phải được sự đồng ý của nhà xuất bản, cơ quan, tổ chức được cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh hoặc của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép in xuất khẩu tương ứng với từng trường hợp. d) Không được lợi dụng việc in thừa, in thử, in hỏng của xuất bản phẩm để phát tán dưới mọi hình thức; đ) Quản lý, lưu giữ và bảo mật hồ sơ nhận in, bản mẫu, tệp dữ liệu của bản mẫu và các tài liệu liên quan đến xuất bản phẩm đặt in trong thời gian 24 tháng kể từ ngày ký hợp đồng; e) Thực hiện chế độ báo cáo, cập nhật đầy đủ, chính xác thông tin, dữ liệu về hoạt động chế bản, in, gia công sau in xuất bản phẩm theo quy định của pháp luật; g) Xuất trình hồ sơ, giấy tờ liên quan đến việc chế bản, in, gia công sau in xuất bản phẩm và giải

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
		trình đầy đủ, trung thực theo yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra theo quy định của pháp luật. 2. Bên đặt in có trách nhiệm: a) Cung cấp đầy đủ, chính xác các tài liệu quy định tại Điều 39 của Nghị định này và cung cấp thông tin định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của người trực tiếp đến giao dịch đặt in với cơ sở in; b) Cung cấp kịp thời tài liệu điều chỉnh hợp pháp khi thay đổi nội dung, bản mẫu, quy cách hoặc số lượng; c) Phối hợp với cơ sở in làm rõ, xử lý sai lệch, dấu hiệu vi phạm và chấp hành yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền liên quan đến xuất bản phẩm đặt chế bản, in, gia công sau in; d) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của nội dung xuất bản phẩm, hồ sơ do mình cung cấp và việc đặt chế bản, in, gia công sau in xuất bản phẩm.
Điều 34. In xuất khẩu xuất bản phẩm 1. Cơ sở in được chế bản, in, gia công sau in xuất bản phẩm để xuất khẩu 100% theo đơn đặt hàng		**Điều 41. Trình tự, thủ tục cấp giấy phép in xuất khẩu xuất bản phẩm**[40]

[40] *Đối chiếu: Quy định chi tiết khoản 3 Điều 34 của Luật theo khoản 7 Điều 34 của Luật về hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp giấy phép in xuất khẩu xuất bản phẩm.*

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
của tổ chức, cá nhân nước ngoài sau khi có giấy phép của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều này. 2. Các trường hợp in xuất khẩu xuất bản phẩm bao gồm: a) Cơ sở in tự đầu tư nguyên vật liệu và trực tiếp thực hiện chế bản, in, gia công sau in xuất bản phẩm; b) Cơ sở in tiếp nhận nguyên vật liệu từ tổ chức, cá nhân nước ngoài, sau đó trực tiếp thực hiện chế bản, in, gia công sau in xuất bản phẩm. 3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy phép in xuất khẩu xuất bản phẩm cho cơ sở in có giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm quy định tại Điều 32 của Luật này trên địa bàn. Trường hợp xuất bản phẩm in xuất khẩu có dấu hiệu vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 10 của Luật này phải tổ chức thẩm định để xem xét, quyết định việc cấp giấy phép và phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do nếu không cấp giấy phép. 4. Cơ sở in chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc in đúng nội dung, hình thức xuất bản phẩm đã được cấp giấy phép in xuất khẩu và không phải thông báo hoạt động kinh doanh phát hành xuất bản phẩm theo quy định tại Điều 36 của Luật này.		1. Hồ sơ cấp giấy phép được lập thành 01 bộ, bao gồm: a) Đơn đề nghị cấp giấy phép theo mẫu quy định tại Điều 6 của Nghị định này; b) Bản sao giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm. Không yêu cầu nộp lại bản sao giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm nếu thông tin đã có trong cơ sở dữ liệu và có thể khai thác theo khoản 3 Điều 3 của Nghị định này; c) Bản sao hợp đồng in xuất khẩu kèm bản dịch tiếng Việt nếu hợp đồng bằng tiếng nước ngoài; d) Bản sao hộ chiếu còn thời hạn sử dụng của người giao dịch đặt in là cá nhân nước ngoài hoặc bản sao căn cước của người Việt Nam được tổ chức, cá nhân nước ngoài ủy quyền thực hiện giao dịch trực tiếp đặt in. 2. Cách thức nộp hồ sơ: Cơ sở in đề nghị cấp giấy phép nộp hồ sơ theo cách thức quy định tại Điều 3 của Nghị định này đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi cơ sở in đặt địa điểm hoạt động hoặc cơ quan được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công tiếp nhận hồ sơ. 3. Tiếp nhận và thực hiện cấp giấy phép: a) Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, trường hợp hồ sơ không đúng theo quy

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
5. Xuất bản phẩm in xuất khẩu cho tổ chức, cá nhân nước ngoài phải xuất khẩu 100%; trường hợp phát hành, sử dụng tại Việt Nam thì thực hiện nhập khẩu theo quy định tại Điều 38, Điều 39 hoặc theo quy định tại Điều 42 của Luật này. 6. Tổ chức, cá nhân nước ngoài đặt in xuất khẩu xuất bản phẩm chịu trách nhiệm về bản quyền đối với xuất bản phẩm đặt in xuất khẩu. 7. Chính phủ quy định chi tiết khoản 3 Điều này.		định, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thông báo để yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều 3 của Nghị định này; b) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy phép in xuất khẩu xuất bản phẩm; trường hợp không cấp giấy phép phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Trường hợp xuất bản phẩm có dấu hiệu vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 10 của Luật thì phải tổ chức thẩm định theo khoản 3 Điều 34 của Luật và Điều 43 của Nghị định này; thời gian thẩm định nằm trong thời hạn quy định tại điểm này. 4. Nội dung xuất bản phẩm in xuất khẩu không được vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 10 của Luật.
		Điều 42. Điều chỉnh giấy phép và chấm dứt việc thực hiện giấy phép in xuất khẩu xuất bản phẩm[41] 1. Trường hợp có một trong các thay đổi về tên xuất bản phẩm, số lượng in, đối tác đặt in, địa điểm sản xuất, cửa khẩu xuất khẩu hoặc các nội dung khác có liên quan đến hợp đồng in xuất khẩu ghi trong giấy phép đã được cấp, cơ sở in phải đề nghị

[41] *Đối chiếu: Khoản 7 Điều 34 của Luật.*

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
		cơ quan cấp giấy phép xem xét điều chỉnh giấy phép trước khi thực hiện. Việc điều chỉnh giấy phép không làm thay đổi trách nhiệm của cơ sở in đối với nội dung xuất bản phẩm nhận in xuất khẩu. 2. Hồ sơ điều chỉnh giấy phép được lập thành 01 bộ, bao gồm: a) Đơn đề nghị điều chỉnh giấy phép theo mẫu quy định tại Điều 6 của Nghị định này. Nội dung mẫu đơn phải ghi số, ngày cấp giấy phép, nội dung trước và sau điều chỉnh, lý do điều chỉnh; quy định rõ các giấy tờ, tài liệu kèm theo quy định tại điểm b và điểm c khoản này; b) Bản chính hoặc bản sao giấy phép đã cấp. Việc khai thác lại thông tin giấy phép thực hiện theo khoản 3 Điều 3 của Nghị định này; c) Tài liệu chứng minh nội dung thay đổi tương ứng với hợp đồng, đối tác đặt in, tên xuất bản phẩm, số lượng, địa điểm sản xuất, cửa khẩu xuất khẩu hoặc nội dung khác đề nghị điều chỉnh. 3. Cách thức nộp hồ sơ: Cơ sở in đề nghị điều chỉnh giấy phép nộp hồ sơ theo cách thức quy định tại Điều 3 của Nghị định này đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã cấp giấy phép hoặc cơ quan được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công tiếp nhận hồ sơ.

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
		4. Tiếp nhận và thực hiện điều chỉnh giấy phép: a) Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, trường hợp hồ sơ không đúng theo quy định, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thông báo để yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều 3 của Nghị định này; b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy phép điều chỉnh; trường hợp không điều chỉnh giấy phép phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. 5. Trường hợp nội dung thay đổi làm thay đổi cơ bản tính chất của xuất bản phẩm, thay đổi toàn bộ đối tác đặt in hoặc thay đổi loại sản phẩm in không phù hợp với giấy phép hoạt động in của cơ sở in thì phải nộp lại giấy phép đã được cấp và thực hiện thủ tục cấp giấy phép mới. 6. Trường hợp chấm dứt việc thực hiện giấy phép in xuất khẩu xuất bản phẩm trước khi hoàn thành công việc đã được cấp phép, cơ sở in thực hiện như sau: a) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày chấm dứt, gửi thông báo theo mẫu quy định tại Điều 6 và cách thức quy định tại Điều 3 của Nghị định này đến cơ quan đã cấp giấy phép. Thông báo phải nêu số, ngày cấp giấy phép; tên xuất bản

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
		phẩm; lý do, thời điểm chấm dứt; khối lượng đã thực hiện, số lượng đã xuất khẩu, số lượng còn lại và phương án xử lý; b) Không tiếp tục thực hiện công việc theo giấy phép kể từ thời điểm chấm dứt; quản lý, xử lý xuất bản phẩm, bán thành phẩm, bản mẫu, tệp dữ liệu và giải quyết nghĩa vụ với bên đặt in theo quy định. Việc phát hành, sử dụng xuất bản phẩm tại Việt Nam phải tuân thủ khoản 5 Điều 34 của Luật; c) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận thông báo, cơ quan đã cấp giấy phép cập nhật việc chấm dứt thực hiện giấy phép vào cơ sở dữ liệu. Trường hợp tiếp tục có nhu cầu thực hiện phần công việc đã chấm dứt, cơ sở in phải đề nghị cấp giấy phép theo Điều 41 của Nghị định này.
		Điều 43. Thành lập và hoạt động của Hội đồng thẩm định xuất bản phẩm in xuất khẩu[42] 1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị cấp giấy phép in xuất khẩu xuất bản phẩm, trường hợp xuất bản phẩm có dấu hiệu vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 10 của Luật, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành

[42] *Đối chiếu: Quy định chi tiết khoản 3 Điều 34 của Luật theo khoản 7 Điều 34 của Luật về thẩm định nội dung xuất bản phẩm in xuất khẩu.*

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
		lập hội đồng thẩm định nội dung xuất bản phẩm in xuất khẩu. 2. Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định phải xác định rõ: a) Nội dung xuất bản phẩm cần thẩm định; b) Thành phần Hội đồng; c) Nhiệm vụ, trách nhiệm của Hội đồng; d) Thời hạn thẩm định. 3. Hội đồng thẩm định làm việc theo nguyên tắc tập thể; việc thẩm định được thực hiện thông qua họp trực tiếp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức phù hợp khác do Chủ tịch Hội đồng quyết định. 4. Ý kiến của Hội đồng thẩm định là một trong các căn cứ để cơ quan có thẩm quyền xem xét cấp hoặc từ chối cấp giấy phép in xuất bản phẩm để xuất khẩu. 5. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày được thành lập, Hội đồng thẩm định có trách nhiệm tổ chức thẩm định và gửi ý kiến bằng văn bản đến cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép.
Điều 35. Trách nhiệm của người đứng đầu cơ sở in xuất bản phẩm		Điều 40 dự thảo về trách nhiệm của cơ sở in và bên đặt in được đặt toàn văn ngay sau Điều 39 dự thảo, trong nhóm đối chiếu Điều 33 của Luật, để bảo đảm thứ tự điều của dự thảo. Nội dung định

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
1. Thực hiện quy định tại các điều 31, 32, 33 và các khoản 1, 2, 4, 5 Điều 34 của Luật này; lưu giữ và quản lý hồ sơ nhận in xuất bản phẩm theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. 2. Báo cáo về hoạt động in xuất bản phẩm của cơ sở in theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản. 3. Tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý hoạt động in xuất bản phẩm do cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản tổ chức. 4. Khi phát hiện xuất bản phẩm có nội dung vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 10 của Luật này thì cơ sở in phải dừng việc in và báo cáo với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, đồng thời thông báo với nhà xuất bản, cơ quan, tổ chức, cá nhân đặt in. 5. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về hoạt động in xuất bản phẩm của cơ sở in.		danh, truy xuất nguồn gốc tại Điều 11 dự thảo được đặt cuối Chương I của dự thảo.

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
Chương IV **LĨNH VỰC PHÁT HÀNH XUẤT BẢN PHẨM** **Điều 36. Hoạt động phát hành xuất bản phẩm** 1. Cơ sở phát hành hoạt động theo các loại hình sau đây: a) Doanh nghiệp; đơn vị sự nghiệp; tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định của pháp luật về hợp tác xã; b) Chi nhánh, địa điểm kinh doanh của các loại hình quy định tại điểm a khoản này và địa điểm kinh doanh thuộc chi nhánh; c) Hộ kinh doanh. 2. Cơ sở phát hành và cá nhân phát hành xuất bản phẩm nhằm mục đích kinh doanh phải đáp ứng các yêu cầu sau đây trong quá trình hoạt động, trừ trường hợp nhà xuất bản tự phát hành xuất bản phẩm do mình xuất bản: a) Người đứng đầu cơ sở phát hành, cá nhân phát hành xuất bản phẩm phải thường trú tại Việt Nam theo quy định của pháp luật về cư trú; b) Có địa điểm kinh doanh hợp pháp tại Việt Nam; trường hợp kinh doanh trên môi trường điện		**Chương IV** **LĨNH VỰC PHÁT HÀNH XUẤT BẢN PHẨM** **Điều 44. Thông báo hoạt động, thay đổi thông tin hoạt động và chấm dứt hoạt động phát hành xuất bản phẩm**[43] 1. Hồ sơ thông báo hoạt động phát hành xuất bản phẩm là văn bản được lập theo mẫu quy định tại Điều 6 của Nghị định này, gồm: a) Thông báo hoạt động; b) Thông báo thay đổi thông tin hoạt động; c) Thông báo chấm dứt hoạt động. 2. Cách thức gửi thông báo: Cơ sở phát hành, cá nhân phát hành xuất bản phẩm nhằm mục đích kinh doanh gửi thông báo hoạt động, thay đổi thông tin hoạt động hoặc chấm dứt hoạt động theo cách thức quy định tại Điều 3 của Nghị định này đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi hoạt động theo điểm c khoản 2 Điều 36 của Luật; trường hợp chấm dứt hoạt động, gửi thông báo đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đã tiếp nhận thông báo hoạt động. 3. Tiếp nhận và cập nhật nội dung thông báo:

[43] *Đối chiếu: Quy định chi tiết khoản 4 Điều 36 của Luật về thông báo hoạt động phát hành xuất bản phẩm.*

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
tử phải tuân thủ các điều kiện khác theo quy định của pháp luật về thương mại, thương mại điện tử, giao dịch điện tử và quy định khác của pháp luật có liên quan; c) Thực hiện thông báo về việc đáp ứng các yêu cầu quy định tại điểm a và điểm b khoản này trước khi hoạt động, khi có thay đổi thông tin hoạt động, chấm dứt hoạt động phát hành xuất bản phẩm với Ủy ban nhân dân cấp xã. 3. Tổ chức, cá nhân phát hành xuất bản phẩm không nhằm mục đích kinh doanh có trách nhiệm sau đây: a) Bảo đảm nội dung xuất bản phẩm được phát hành không vi phạm quy định khoản 1 Điều 10 của Luật này; b) Không được kinh doanh xuất bản phẩm thuộc loại không kinh doanh; c) Tuân thủ quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan; d) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về hoạt động phát hành xuất bản phẩm của mình. 4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.		Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo, cơ quan tiếp nhận có trách nhiệm cập nhật nội dung thông báo vào hệ thống dữ liệu quản lý hoạt động xuất bản, phát hành và công khai thông báo theo quy định tại khoản 8 Điều 3 Nghị định này. 4. Thời hạn gửi thông báo được quy định như sau: a) Thông báo hoạt động được gửi trước khi bắt đầu hoạt động phát hành xuất bản phẩm; b) Thông báo điều chỉnh hoạt động được gửi trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày thay đổi thông tin đã thông báo. Trường hợp mở thêm địa điểm kinh doanh hoặc mở rộng phạm vi hoạt động, phải đáp ứng các yêu cầu tương ứng và gửi thông báo trước khi thực hiện; c) Thông báo chấm dứt hoạt động được gửi chậm nhất vào ngày chấm dứt hoạt động. Trường hợp chấm dứt theo bản án, quyết định của cơ quan có thẩm quyền hoặc do sự kiện bất khả kháng mà không thể thông báo trước, thông báo được gửi trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày chấm dứt hoặc từ khi trở ngại do sự kiện bất khả kháng được khắc phục. 5. Trường hợp chuyển địa điểm hoạt động sang địa bàn cấp xã khác, cơ sở phát hành, cá nhân gửi

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
		thông báo chấm dứt hoạt động tại địa điểm cũ đến Ủy ban nhân dân cấp xã đã tiếp nhận thông báo và gửi thông báo hoạt động đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi chuyển đến trước khi hoạt động tại địa điểm mới. 6. Kể từ thời điểm chấm dứt, cơ sở phát hành, cá nhân phải dừng hoạt động thuộc phạm vi đã thông báo chấm dứt; không được sử dụng việc chấm dứt hoạt động để đưa xuất bản phẩm vi phạm vào lưu thông. 7. Trường hợp hoạt động trở lại sau khi đã thông báo chấm dứt, cơ sở phát hành, cá nhân phải đáp ứng các yêu cầu và thực hiện thông báo hoạt động theo Điều này trước khi hoạt động trở lại.
Điều 37. (được bãi bỏ)		
Điều 38. Kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm 1. Cơ sở nhập khẩu hoạt động theo các loại hình sau đây: a) Doanh nghiệp; đơn vị sự nghiệp; tổ hợp tác, hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã theo quy định của	**Điều 14. Cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm** 1. Cơ sở hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm (gọi tắt là cơ sở nhập khẩu xuất bản phẩm) được Bộ Thông tin và Truyền thông cấp giấy phép hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm khi có đủ điều kiện sau đây:	**Điều 45. Thông báo hoạt động, thay đổi thông tin hoạt động và chấm dứt hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm**[44] 1. Hồ sơ thông báo hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm là văn bản được lập theo mẫu quy định tại Điều 6 của Nghị định này, gồm:

[44] *Đối chiếu: Quy định chi tiết khoản 7 Điều 38 của Luật về kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm.*

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
pháp luật về hợp tác xã; b) Chi nhánh, địa điểm kinh doanh của các loại hình quy định tại điểm a khoản này và địa điểm kinh doanh thuộc chi nhánh; c) Hộ kinh doanh. 2. Cơ sở nhập khẩu, cá nhân kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm phải đáp ứng những yêu cầu sau đây: a) Người đứng đầu cơ sở nhập khẩu, cá nhân kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm phải thường trú tại Việt Nam theo quy định của pháp luật về cư trú; b) Có địa điểm kinh doanh hợp pháp tại Việt Nam; trường hợp kinh doanh trên môi trường điện tử phải tuân thủ các điều kiện khác theo quy định của pháp luật về thương mại, thương mại điện tử, giao dịch điện tử và quy định khác của pháp luật có liên quan; c) Trường hợp kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm là sách, bản đồ phải có đội ngũ nhân viên đủ năng lực và có quy chế thẩm định nội dung; d) Tuân thủ quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan, phù hợp với điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.	a) Đáp ứng quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 3 Điều 38 Luật xuất bản, trong đó văn bằng do cơ sở đào tạo chuyên ngành cấp cho người đứng đầu cơ sở nhập khẩu xuất bản phẩm phải là bằng tốt nghiệp đại học trở lên về chuyên ngành phát hành xuất bản phẩm. Trường hợp người đứng đầu cơ sở hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm tốt nghiệp đại học trở lên về chuyên ngành khác, phải có giấy chứng nhận bồi dưỡng kiến thức nghiệp vụ phát hành xuất bản phẩm do Bộ Thông tin và Truyền thông cấp; b) Trường hợp kinh doanh nhập khẩu sách, ngoài các điều kiện quy định tại Điểm a Khoản này, còn phải có ít nhất 05 (năm) nhân viên đủ năng lực thẩm định nội dung sách, cụ thể: Phải có thâm niên công tác trong hoạt động xuất bản ở Việt Nam từ 05 năm trở lên, có bằng tốt nghiệp đại học trở lên về chuyên ngành ngoại ngữ hoặc có bằng tốt nghiệp đại học trở lên về chuyên ngành khác nhưng có trình độ ngoại ngữ phù hợp với yêu cầu thẩm định nội dung sách nhập khẩu và có giấy chứng nhận bồi dưỡng kiến thức nghiệp vụ phát hành xuất bản phẩm do Bộ Thông tin và Truyền thông cấp. 2. Hồ sơ và thời hạn cấp giấy phép hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm thực hiện như sau:	a) Thông báo hoạt động; trường hợp hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm là sách, bản đồ, căn cứ điểm c khoản 2 Điều 38 của Luật, trong hồ sơ thông báo còn phải có quy chế thẩm định của cơ sở nhập khẩu, của cá nhân kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm; b) Thông báo thay đổi thông tin hoạt động; c) Thông báo chấm dứt hoạt động. 2. Cách thức gửi thông báo: Cơ sở nhập khẩu, cá nhân kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm gửi hồ sơ thông báo hoạt động, thay đổi thông tin hoạt động hoặc chấm dứt hoạt động theo cách thức quy định tại Điều 3 của Nghị định này đến Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch theo khoản 3 và khoản 6 Điều 38 của Luật. 3. Tiếp nhận và cập nhật nội dung thông báo: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ thông báo, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm cập nhật thông tin vào hệ thống dữ liệu quản lý hoạt động nhập khẩu xuất bản phẩm và công khai thông báo theo quy định tại khoản 8 Điều 3 Nghị định này. 4. Nhân viên thẩm định đối với sách, bản đồ quy định tại điểm c khoản 2 Điều 38 của Luật phải có trình độ cử nhân ngoại ngữ hoặc chứng chỉ ngoại

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
3. Trước khi hoạt động, cơ sở nhập khẩu, cá nhân kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm phải thông báo với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. 4. Sau khi hoàn thành việc thông báo theo quy định tại khoản 3 Điều này, cơ sở nhập khẩu, cá nhân kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm được kinh doanh phát hành xuất bản phẩm do mình nhập khẩu theo quy định tại Điều 36 của Luật này. 5. Trong quá trình hoạt động, cơ sở nhập khẩu, cá nhân kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm phải duy trì đầy đủ các yêu cầu quy định tại khoản 2 Điều này. 6. Trường hợp thay đổi nội dung thông tin trong thông báo hoạt động hoặc chấm dứt hoạt động, cơ sở nhập khẩu, cá nhân kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm phải gửi thông báo với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để cập nhật thông tin vào hệ thống dữ liệu quản lý. 7. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.	a) Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm quy định tại Khoản 4 Điều 38 Luật Xuất bản được lập theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định; b) Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Bộ Thông tin và Truyền thông cấp giấy phép hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm; trường hợp không cấp giấy phép phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do. 3. Giấy phép hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm được cấp lại trong trường hợp bị mất hoặc bị hư hỏng. Việc cấp lại giấy phép thực hiện như sau: a) Cơ sở nhập khẩu xuất bản phẩm có đơn đề nghị cấp lại giấy phép gửi Bộ Thông tin và Truyền thông kèm theo bản sao giấy phép đã được cấp (nếu có); b) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Bộ Thông tin và Truyền thông cấp lại giấy phép hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm; trường hợp không cấp lại giấy phép phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do. 4. Trong quá trình hoạt động, cơ sở nhập khẩu xuất bản phẩm không duy trì đủ điều kiện quy định	ngữ tương đương; có trình độ chuyên ngành đúng với nội dung sách, bản đồ cần thẩm định. 5. Quy chế thẩm định nội dung xuất bản phẩm nhập khẩu đối với sách, bản đồ quy định tại điểm c khoản 2 Điều 38 của Luật phải có những nội dung sau: a) Nguyên tắc thẩm định; trách nhiệm của nhân viên thẩm định và cộng tác viên được mời thẩm định, người quyết định kết quả thẩm định và đưa xuất bản phẩm vào kinh doanh; b) Trình tự thẩm định; nội dung kiểm tra, đối chiếu với quy định tại khoản 1 Điều 10 của Luật và quy định khác của pháp luật có liên quan; c) Việc lập, ký, xem xét kết quả thẩm định; thẩm định bổ sung hoặc lấy ý kiến chuyên môn đối với trường hợp có ý kiến khác nhau hoặc nội dung vượt quá khả năng đánh giá của nhân viên thẩm định; d) Việc xử lý, báo cáo khi phát hiện xuất bản phẩm có dấu hiệu vi phạm pháp luật; trách nhiệm thực hiện thông báo kết quả thẩm định và quyết định đưa xuất bản phẩm vào kinh doanh theo quy định của Luật và Nghị định này; đ) Thành phần hồ sơ thẩm định; việc lưu giữ, quản lý, tra cứu và cung cấp hồ sơ, kết quả thẩm

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
	tại Khoản 1 Điều này bị thu hồi giấy phép hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm.	định cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. 6. Thời hạn gửi thông báo hoạt động, thay đổi thông tin hoạt động và chấm dứt hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm thực hiện tương ứng theo khoản 4 Điều 44 của Nghị định này. 7. Khi chấm dứt hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm, cơ sở nhập khẩu, cá nhân có trách nhiệm: a) Dừng hoạt động nhập khẩu thuộc phạm vi đã thông báo chấm dứt; b) Lưu giữ hồ sơ, kết quả thẩm định đối với xuất bản phẩm đã nhập khẩu; c) Chỉ tiếp tục phát hành xuất bản phẩm đã nhập khẩu hợp pháp nếu còn đáp ứng yêu cầu đối với hoạt động phát hành và đã hoàn thành nghĩa vụ thẩm định, thông báo theo Điều 46 của Nghị định này; trường hợp chấm dứt cả hoạt động phát hành thì thực hiện quy định tại Điều 44 hoặc Điều 55 của Nghị định này; d) Trường hợp hoạt động trở lại sau khi đã thông báo chấm dứt, phải đáp ứng các yêu cầu và thực hiện thông báo hoạt động theo Điều này trước khi hoạt động trở lại.

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
Điều 39. Nhập khẩu xuất bản phẩm để kinh doanh 1. Việc nhập khẩu xuất bản phẩm để kinh doanh phải do cơ sở nhập khẩu hoặc cá nhân kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 2 Điều 38 của Luật này thực hiện. 2. Trước khi thực hiện nhập khẩu, cơ sở nhập khẩu, cá nhân kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm phải thông báo danh mục xuất bản phẩm nhập khẩu với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Sau khi thực hiện việc thông báo, cơ sở nhập khẩu, cá nhân kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm được làm thủ tục nhập khẩu xuất bản phẩm theo quy định của pháp luật về hải quan, trừ trường hợp Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có văn bản yêu cầu không thực hiện thủ tục nhập khẩu theo quy định tại khoản 4 Điều này. 3. Sau khi hoàn thành thủ tục nhập khẩu, cơ sở nhập khẩu, cá nhân kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm có trách nhiệm thẩm định nội dung xuất bản phẩm và thông báo kết quả thẩm định, thời điểm dự kiến đưa xuất bản phẩm vào kinh doanh với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Sau khi thực hiện việc thẩm định và thông báo kết quả thẩm định, cơ sở nhập khẩu, cá nhân kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm được đưa xuất bản	**Điều 15. Từ chối xác nhận đăng ký nhập khẩu xuất bản phẩm để kinh doanh** Bộ Thông tin và Truyền thông từ chối xác nhận đăng ký nhập khẩu xuất bản phẩm để kinh doanh đối với cơ sở nhập khẩu xuất bản phẩm trong các trường hợp sau đây: 1. Xuất bản phẩm có dấu hiệu vi phạm pháp luật; 2. Xuất bản phẩm nhập khẩu đã được yêu cầu thẩm định nội dung nhưng cơ sở nhập khẩu không báo cáo kết quả thẩm định nội dung; 3. Không chấp hành biện pháp quản lý của cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản theo quy định của pháp luật; 4. Các trường hợp khác do Bộ Thông tin và Truyền thông quyết định. **Điều 16. Trách nhiệm thẩm định nội dung xuất bản phẩm nhập khẩu của cơ sở nhập khẩu xuất bản phẩm** 1. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày được cấp giấy phép hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm, cơ sở nhập khẩu xuất bản phẩm phải ban hành quy chế nội bộ về thẩm định nội dung xuất bản phẩm nhập khẩu gửi Bộ Thông tin và Truyền thông và có trách nhiệm triển khai thực hiện đúng quy chế trong quá trình hoạt động.	**Điều 46. Nhập khẩu xuất bản phẩm để kinh doanh** 1. Thông báo danh mục xuất bản phẩm nhập khẩu với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trước khi nhập khẩu xuất bản phẩm của cơ sở nhập khẩu, cá nhân kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm được lập theo mẫu quy định tại Điều 6 của Nghị định này. 2. Thông báo kết quả thẩm định xuất bản phẩm sau khi hoàn thành thủ tục nhập khẩu của cơ sở nhập khẩu, cá nhân kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch được lập theo mẫu quy định tại Điều 6 của Nghị định này. 3. Cách thức gửi thông báo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này thực hiện theo quy định tại Điều 3 của Nghị định này. 4. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được từng loại thông báo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm xem xét nội dung của từng loại thông báo đó. 5. Trong quá trình xem xét nội dung của từng loại thông báo quy định tại khoản 4 Điều này, trường hợp phát hiện xuất bản phẩm nhập khẩu có dấu hiệu vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 10 của

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
phẩm vào kinh doanh, trừ trường hợp Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có văn bản yêu cầu tạm dừng kinh doanh xuất bản phẩm nhập khẩu theo quy định tại khoản 4 Điều này. 4. Đối với xuất bản phẩm có dấu hiệu vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 10 của Luật này, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có văn bản yêu cầu cơ sở nhập khẩu, cá nhân kinh doanh xuất bản phẩm nhập khẩu không thực hiện thủ tục nhập khẩu hoặc tạm dừng kinh doanh xuất bản phẩm nhập khẩu và áp dụng các biện pháp xử lý theo quy định của pháp luật. 5. Việc tạm nhập, tái xuất xuất bản phẩm thực hiện theo quy định của pháp luật về hải quan và phải thông báo với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. 6. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.	2. Người đứng đầu cơ sở nhập khẩu xuất bản phẩm phải tổ chức thẩm định nội dung xuất bản phẩm nhập khẩu trước khi phát hành theo quy định sau đây: a) Thành lập hội đồng thẩm định gồm: Chủ tịch hội đồng là lãnh đạo cơ sở nhập khẩu xuất bản phẩm, thành viên hội đồng là các chuyên gia trong lĩnh vực liên quan đến nội dung xuất bản phẩm cần thẩm định, thư ký hội đồng là nhân viên phụ trách thẩm định nội dung. Việc mời chuyên gia tham gia hội đồng thẩm định do người đứng đầu cơ sở nhập khẩu xuất bản phẩm quyết định; b) Việc thẩm định tiến hành đối với từng xuất bản phẩm nhập khẩu. Kết quả thẩm định được lập thành biên bản, báo cáo với Bộ Thông tin và Truyền thông định kỳ 03 tháng/lần; c) Trong quá trình thẩm định, nếu phát hiện xuất bản phẩm nhập khẩu có nội dung vi phạm Khoản 1 Điều 10 Luật Xuất bản, cơ sở nhập khẩu không được phát hành xuất bản phẩm và phải báo cáo kịp thời với Bộ Thông tin và Truyền thông. 3. Khi có yêu cầu của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc thẩm định nội dung xuất bản phẩm nhập khẩu, người đứng đầu cơ sở nhập khẩu phải tổ chức thẩm định và báo cáo kết quả thẩm định bằng văn bản.	Luật, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm: a) Có văn bản yêu cầu cơ sở nhập khẩu, cá nhân kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm không thực hiện thủ tục nhập khẩu hoặc tạm dừng kinh doanh xuất bản phẩm nhập khẩu trong thời hạn 02 ngày làm việc tiếp theo; b) Đối với xuất bản phẩm đã hoàn thành nhập khẩu và đã được cơ sở nhập khẩu, cá nhân kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm thẩm định mà cần phải thẩm định lại, trong văn bản yêu cầu quy định tại điểm a khoản này ngoài yêu cầu tạm dừng kinh doanh xuất bản phẩm nhập khẩu, còn phải có nội dung yêu cầu cơ sở nhập khẩu, cá nhân kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm cung cấp 01 bản xuất bản phẩm để tiến hành thẩm định lại; c) Đối với xuất bản phẩm trong danh mục quy định tại khoản 1 hoặc có kết quả thẩm định của cơ sở nhập khẩu, cá nhân kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm quy định tại khoản 2 Điều này mà có dấu hiệu vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 10 của Luật, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có văn bản yêu cầu cơ sở nhập khẩu, cá nhân kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm không thực hiện thủ tục nhập khẩu hoặc tạm dừng kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm và áp dụng các biện pháp xử lý theo quy định của pháp luật.

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
	Xuất bản phẩm nhập khẩu chỉ được phát hành sau khi có ý kiến bằng văn bản của Bộ Thông tin và Truyền thông.	Trường hợp không có văn bản yêu cầu thì cơ sở nhập khẩu, cá nhân kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm được quyết định thời điểm đưa xuất bản phẩm vào kinh doanh và chịu trách nhiệm về xuất bản phẩm do mình nhập khẩu; d) Trong quá trình xem xét kết quả thẩm định của cơ sở nhập khẩu, cá nhân kinh doanh xuất bản phẩm nhập khẩu, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có quyền yêu cầu cơ sở nhập khẩu, cá nhân kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm nộp ít nhất một bản xuất bản phẩm nhưng không quá ba bản để thẩm định lại. Việc thẩm định lại được thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong thời hạn 10 ngày làm việc. Chi phí thẩm định lại xuất bản phẩm nhập khẩu được bảo đảm bằng ngân sách nhà nước hằng năm theo quy định của pháp luật về ngân sách; đ) Căn cứ kết quả thẩm định lại, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có ý kiến đồng ý đưa xuất bản phẩm nhập khẩu vào kinh doanh hoặc áp dụng một trong các biện pháp buộc tái xuất, tiêu hủy, cấm phát hành. Nội dung ý kiến của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch được lập thành văn bản gửi đến cơ sở nhập khẩu, cá nhân kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
		trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả thẩm định. 6. Việc điều chỉnh, hủy bỏ thông báo danh mục xuất bản phẩm nhập khẩu hoặc điều chỉnh thông báo kết quả thẩm định được thực hiện như sau: a) Khi thay đổi thông tin trong danh mục đã thông báo, cơ sở nhập khẩu, cá nhân kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm gửi thông báo điều chỉnh đến Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trước khi nhập khẩu theo nội dung thay đổi; thông báo phải xác định danh mục đã gửi, xuất bản phẩm, thông tin trước và sau điều chỉnh, lý do và thời điểm thực hiện; b) Khi quyết định không nhập khẩu toàn bộ hoặc một phần danh mục đã thông báo, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày quyết định, cơ sở nhập khẩu, cá nhân kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm gửi thông báo nêu rõ danh mục, xuất bản phẩm, số lượng không tiếp tục nhập khẩu, lý do và tình trạng thực hiện thủ tục hải quan. Việc thông báo không thay thế thủ tục xử lý tờ khai, hàng hóa theo pháp luật về hải quan; c) Khi thay đổi kết quả thẩm định hoặc thời điểm dự kiến đưa xuất bản phẩm vào kinh doanh đã thông báo, cơ sở nhập khẩu, cá nhân kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm gửi thông báo điều chỉnh trước khi thực hiện nội dung thay đổi. Trường hợp

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
		phát hiện dấu hiệu vi phạm, phải dừng phát hành và thực hiện trách nhiệm báo cáo, xử lý theo quy định của pháp luật; d) Thông báo được lập theo mẫu quy định tại Điều 6 và gửi theo cách thức quy định tại Điều 3 của Nghị định này. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận thông báo, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cập nhật nội dung điều chỉnh, hủy bỏ vào cơ sở dữ liệu; lưu giữ lịch sử thông báo và thông tin về phần danh mục đã thực hiện. 7. Ngoài việc làm thủ tục nhập khẩu theo quy định của pháp luật về hải quan quy định tại khoản 5 Điều 39 của Luật đối với việc tạm nhập, tái xuất xuất bản phẩm, cơ sở nhập khẩu, cá nhân kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm phải thực hiện gửi bằng văn bản thông báo với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cùng thời điểm làm thủ tục hải quan. Nội dung thông báo là danh mục gồm các thông tin về tên từng xuất bản phẩm, số lượng bản nhập khẩu của từng tên xuất bản phẩm, mã số sách tiêu chuẩn quốc tế (nếu có), cửa khẩu tạm nhập, tái xuất.

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
Điều 40. Trách nhiệm của cơ sở phát hành, cơ sở nhập khẩu và cá nhân phát hành, nhập khẩu xuất bản phẩm nhằm mục đích kinh doanh 1. Cơ sở phát hành và cá nhân phát hành xuất bản phẩm nhằm mục đích kinh doanh có trách nhiệm sau đây: a) Tuân thủ quy định tại Điều 36 của Luật này trong quá trình hoạt động; b) Báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo quy định hoặc khi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền; c) Không được tàng trữ, phát hành xuất bản phẩm có nội dung quy định tại khoản 1 Điều 10 của Luật này, xuất bản phẩm không có hóa đơn, chứng từ thể hiện nguồn gốc hợp pháp hoặc bị đình chỉ phát hành, thu hồi, tịch thu, cấm lưu hành, tiêu hủy; d) Tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật về xuất bản do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về hoạt động xuất bản tổ chức; đ) Dừng việc phát hành và báo cáo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong trường hợp phát hiện		**Điều 47. Ngăn chặn tạm thời, thông báo và xử lý xuất bản phẩm có dấu hiệu vi phạm trên môi trường điện tử**[45] 1. Khi phát hiện nội dung xuất bản phẩm trên hệ thống của mình có dấu hiệu vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 10 của Luật, cơ sở phát hành hoạt động trên môi trường điện tử hoặc tổ chức quản lý, vận hành sàn thương mại điện tử phải thực hiện ngay các công việc sau đây: a) Tạm dừng việc cung cấp, phát hành xuất bản phẩm có dấu hiệu vi phạm; áp dụng biện pháp kỹ thuật phù hợp để tạm ẩn thông tin chào bán, ngăn chặn việc đặt hàng hoặc truy cập, đọc, nghe, xem, tải xuống xuất bản phẩm đó trên hệ thống do mình quản lý, phù hợp với hình thức phát hành; b) Thông báo cho tổ chức, cá nhân cung cấp, đăng tải hoặc kinh doanh xuất bản phẩm về lý do và phạm vi áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm thời; yêu cầu phối hợp kiểm tra, cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan; c) Ghi nhận thời điểm phát hiện, nội dung có dấu hiệu vi phạm và biện pháp đã áp dụng; bảo toàn, lưu giữ thông tin, dữ liệu liên quan để phục vụ việc

[45] *Đối chiếu: Quy định chi tiết điểm g khoản 1 Điều 40 của Luật về thời hạn thông báo, ngăn chặn tạm thời và biện pháp xử lý xuất bản phẩm có dấu hiệu vi phạm.*

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
xuất bản phẩm có nội dung quy định tại khoản 1 Điều 10 của Luật này; e) Lưu giữ, xuất trình, cung cấp hồ sơ, tài liệu, giấy tờ liên quan đến hoạt động kinh doanh phát hành xuất bản phẩm khi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền; g) Khi phát hiện nội dung xuất bản phẩm trên hệ thống của mình có dấu hiệu vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 10 của Luật này, cơ sở phát hành hoạt động trên môi trường điện tử hoặc sàn thương mại điện tử phải áp dụng ngay biện pháp ngăn chặn tạm thời, thông báo với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền trong thời hạn và chấp hành các biện pháp xử lý theo quy định của Chính phủ. 2. Cơ sở nhập khẩu và cá nhân nhập khẩu xuất bản phẩm nhằm mục đích kinh doanh có trách nhiệm sau đây: a) Tuân thủ quy định tại Điều 38 và Điều 39 của Luật này trong quá trình hoạt động; b) Thực hiện trách nhiệm quy định tại các điểm b, c và d khoản 1 Điều này; c) Tổ chức thẩm định nội dung xuất bản phẩm nhập khẩu; lưu giữ hồ sơ, kết quả thẩm định; thông báo kết quả thẩm định và thời điểm dự kiến phát hành xuất bản phẩm; quyết định việc phát hành		kiểm tra, xác minh và xử lý theo quy định của pháp luật. Biện pháp ngăn chặn tạm thời phải được áp dụng đối với xuất bản phẩm, nội dung và giao dịch có liên quan đến dấu hiệu vi phạm, không mở rộng sang xuất bản phẩm hoặc hoạt động khác không liên quan, trừ trường hợp có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. 2. Trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm phát hiện dấu hiệu vi phạm, cơ sở phát hành hoạt động trên môi trường điện tử hoặc tổ chức quản lý, vận hành sàn thương mại điện tử phải gửi thông báo đến Bộ Công an, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Thông báo được gửi qua hệ thống tiếp nhận thông tin hoặc địa chỉ thư điện tử do Bộ Công an, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công bố, gồm các nội dung chủ yếu sau đây: a) Tên, địa chỉ và thông tin liên hệ của tổ chức, cá nhân gửi thông báo; b) Thông tin nhận diện xuất bản phẩm; địa chỉ truy cập hoặc vị trí xuất hiện trên hệ thống; thông tin về tổ chức, cá nhân cung cấp, đăng tải hoặc kinh doanh xuất bản phẩm mà bên thông báo đang quản lý;

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
xuất bản phẩm nhập khẩu; d) Lưu giữ, xuất trình, cung cấp hồ sơ, tài liệu, giấy tờ và chấp hành các quyết định xử lý có liên quan đến hoạt động nhập khẩu xuất bản phẩm của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền; đ) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của thông tin thông báo, kết quả thẩm định, quyết định phát hành và tính hợp pháp của xuất bản phẩm nhập khẩu. Việc cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận thông báo, kiểm tra, đối chiếu dữ liệu hoặc có ý kiến trong quá trình quản lý không loại trừ, thay thế hoặc làm giảm trách nhiệm của cơ sở nhập khẩu và cá nhân nhập khẩu.		c) Nội dung có dấu hiệu vi phạm, căn cứ nhận biết và thời điểm phát hiện; d) Biện pháp ngăn chặn tạm thời đã áp dụng, thời điểm áp dụng và kết quả thực hiện; đ) Thông tin, tài liệu, dữ liệu liên quan hiện có. Trường hợp chưa thu thập đầy đủ thông tin, tài liệu, cơ sở phát hành, tổ chức quản lý, vận hành sàn thương mại điện tử phải thông báo trong thời hạn quy định tại khoản này theo thông tin hiện có và bổ sung ngay khi có thông tin mới. Việc thu thập, bổ sung thông tin không được làm chậm việc áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm thời hoặc gửi thông báo. 3. Bộ Công an, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm tổ chức tiếp nhận thông báo; kiểm tra, xác minh và xử lý theo thẩm quyền hoặc chuyển cơ quan có thẩm quyền xử lý; phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước về thương mại điện tử và cơ quan có liên quan khi cần thiết. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi nhận được thông báo, cơ quan tiếp nhận phải thông tin cho bên thông báo về kết quả xử lý ban đầu hoặc việc chuyển thông báo đến cơ quan có thẩm quyền. Trường hợp cần tiếp tục kiểm tra, xác minh, phải nêu rõ nội dung cần làm rõ và yêu cầu phối hợp, nếu có.

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
		Khi có kết quả kiểm tra, xác minh, cơ quan xử lý phải thông báo kết quả và yêu cầu xử lý tương ứng cho cơ sở phát hành, tổ chức quản lý, vận hành sàn thương mại điện tử và tổ chức, cá nhân có liên quan. 4. Cơ sở phát hành hoạt động trên môi trường điện tử hoặc tổ chức quản lý, vận hành sàn thương mại điện tử có trách nhiệm chấp hành yêu cầu, quyết định xử lý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, bao gồm: a) Tiếp tục ngăn chặn, gỡ bỏ nội dung, thông tin chào bán hoặc ngăn chặn việc truy cập, tải xuống, giao dịch đối với xuất bản phẩm vi phạm trên hệ thống do mình quản lý; b) Dừng phát hành; thực hiện hoặc phối hợp thực hiện việc thu hồi, xử lý xuất bản phẩm vi phạm theo yêu cầu, quyết định của cơ quan có thẩm quyền và theo trách nhiệm của mình; c) Cung cấp thông tin, dữ liệu, hồ sơ, tài liệu có liên quan; phối hợp xác định tổ chức, cá nhân cung cấp, đăng tải, kinh doanh xuất bản phẩm vi phạm; d) Báo cáo kết quả thực hiện theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền. Việc ngăn chặn, gỡ bỏ trên hệ thống theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền phải được thực hiện ngay và hoàn thành chậm nhất trong thời hạn 24

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
		giờ kể từ khi nhận được yêu cầu, trừ trường hợp pháp luật có quy định thời hạn ngắn hơn. Các biện pháp xử lý khác được thực hiện trong thời hạn ghi trong yêu cầu, quyết định xử lý phù hợp với quy định của pháp luật. 5. Việc chấm dứt biện pháp ngăn chặn tạm thời được thực hiện như sau: a) Trường hợp cơ quan có thẩm quyền xác định xuất bản phẩm không có nội dung vi phạm hoặc yêu cầu chấm dứt biện pháp ngăn chặn tạm thời, cơ sở phát hành, tổ chức quản lý, vận hành sàn thương mại điện tử phải kịp thời khôi phục việc cung cấp, phát hành, hiển thị hoặc giao dịch đã bị ngăn chặn; b) Trường hợp tự kiểm tra, xác minh có đủ căn cứ xác định việc nhận diện dấu hiệu vi phạm là nhầm lẫn, cơ sở phát hành, tổ chức quản lý, vận hành sàn thương mại điện tử được chấm dứt biện pháp ngăn chặn do mình chủ động áp dụng, trừ trường hợp đang có yêu cầu, quyết định ngăn chặn hoặc xử lý của cơ quan có thẩm quyền còn hiệu lực. Căn cứ xác minh, thời điểm và phạm vi khôi phục phải được lập thành hồ sơ, lưu giữ và thông báo cho cơ quan đã nhận thông báo quy định tại khoản 2 Điều này, đồng thời thông tin cho tổ chức, cá nhân có liên quan; c) Việc cơ quan nhà nước chưa phản hồi thông báo không được coi là căn cứ xác định xuất bản

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
		phẩm không vi phạm hoặc căn cứ tự động chấm dứt biện pháp ngăn chặn tạm thời. 6. Việc ngăn chặn tạm thời, gửi thông báo và chấp hành yêu cầu, quyết định xử lý theo Điều này không thay thế trách nhiệm của cơ sở phát hành, tổ chức quản lý, vận hành sàn thương mại điện tử và tổ chức, cá nhân có liên quan theo pháp luật về xuất bản, thương mại điện tử, thông tin trên mạng và pháp luật khác có liên quan. Trường hợp đã thực hiện biện pháp ngăn chặn, gỡ bỏ theo quy định khác của pháp luật đối với cùng xuất bản phẩm, nội dung vi phạm thì được sử dụng kết quả thực hiện để báo cáo, thông báo theo Điều này, nhưng phải bảo đảm đầy đủ nội dung, đúng cơ quan nhận và thời hạn quy định.
Điều 41. (được bãi bỏ)		
Điều 42. Nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh 1. Xuất bản phẩm không kinh doanh được nhập khẩu trong các trường hợp sau đây: a) Xuất bản phẩm phục vụ hội thảo, hội nghị quốc tế tại Việt Nam đã được cơ quan có thẩm		**Điều 48. Các trường hợp nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh khác**[46] 1. Các trường hợp nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh quy định tại điểm g khoản 1 Điều 42 của Luật bao gồm:

[46] *Đối chiếu: Quy định chi tiết điểm g khoản 1 Điều 42 của Luật về các trường hợp nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh khác.*

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
quyền của Việt Nam cho phép tổ chức; b) Xuất bản phẩm là tài sản của cơ quan, tổ chức, gia đình, cá nhân được nhập khẩu để sử dụng nội bộ hoặc để sử dụng riêng; c) Xuất bản phẩm thuộc tiêu chuẩn hành lý mang theo người của người nhập cảnh để sử dụng cho nhu cầu cá nhân; d) Xuất bản phẩm tặng cho cơ quan, tổ chức, cá nhân gửi qua bưu điện, dịch vụ chuyển phát có giá trị không lớn hơn tiêu chuẩn miễn thuế theo quy định của pháp luật; đ) Xuất bản phẩm trao đổi, tặng cho Thư viện Quốc gia Việt Nam và các thư viện công lập phục vụ mục đích lưu trữ, học tập; e) Xuất bản phẩm của cơ quan, tổ chức, cá nhân được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ ngoại giao thực hiện theo quy định của pháp luật về hải quan, pháp luật về ưu đãi, miễn trừ dành cho cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự nước ngoài và cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế tại Việt Nam và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; g) Các trường hợp nhập khẩu khác do Chính phủ quy định. 2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân phải làm thủ tục theo		a) Xuất bản phẩm nhập khẩu để trưng bày, giới thiệu tại triển lãm, hội chợ, hoạt động giao lưu văn hóa, đối ngoại được tổ chức theo quy định của pháp luật, không nhằm mục đích bán, cho thuê hoặc kinh doanh xuất bản phẩm dưới hình thức khác; b) Xuất bản phẩm do thư viện được thành lập theo quy định của pháp luật về thư viện nhập khẩu để bổ sung tài nguyên thông tin, phục vụ việc đọc, học tập, nghiên cứu của người sử dụng thư viện, không nhằm mục đích kinh doanh xuất bản phẩm, ngoài trường hợp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 42 của Luật; c) Xuất bản phẩm do bảo tàng, cơ quan, tổ chức có chức năng lưu trữ nhập khẩu để bổ sung bộ sưu tập, bảo quản, trưng bày và phục vụ công chúng theo chức năng, nhiệm vụ, không nhằm mục đích kinh doanh xuất bản phẩm. 2. Việc xác định và áp dụng các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này phải bảo đảm các nguyên tắc sau đây: a) Trường hợp đã thuộc các điểm a, b, c, d, đ và e khoản 1 Điều 42 của Luật thì thực hiện theo quy định tương ứng của Luật; không áp dụng khoản 1 Điều này để thay đổi nghĩa vụ tái xuất, chuyển giao hoặc nghĩa vụ khác gắn với trường hợp nhập khẩu đó;

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
quy định của pháp luật về hải quan và chịu trách nhiệm trước pháp luật về xuất bản phẩm do mình nhập khẩu. 3. Xuất bản phẩm quy định tại khoản 1 Điều này không được kinh doanh dưới mọi hình thức. 4. Xuất bản phẩm quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều này sau khi sử dụng phải tái xuất; trường hợp không tái xuất phải chuyển giao cho cơ quan, tổ chức theo quy định của Chính phủ. Trường hợp xuất bản phẩm nhập khẩu không kinh doanh sau khi sử dụng, tặng cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân và trường hợp xuất bản phẩm nhập khẩu gửi qua bưu điện, dịch vụ chuyển phát có giá trị lớn hơn tiêu chuẩn miễn thuế thì thực hiện theo quy định tại Điều 39 của Luật này.		b) Trường hợp thuộc diện phải thực hiện theo Điều 39 của Luật được quy định tại đoạn thứ hai khoản 4 Điều 42 của Luật thì thực hiện theo Điều 39 của Luật; c) Việc nhập khẩu, quản lý và sử dụng xuất bản phẩm phải tuân thủ quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 42 của Luật và quy định khác của pháp luật có liên quan.
		Điều 49. Chuyển giao xuất bản phẩm nhập khẩu không kinh doanh trong trường hợp không tái xuất sau khi sử dụng[47] 1. Xuất bản phẩm nhập khẩu quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 42 của Luật sau khi sử dụng, nếu không tái xuất thì phải được chuyển giao cho thư viện cấp tỉnh hoặc thư viện chuyên ngành thuộc bộ, ngành có liên quan.

[47] *Đối chiếu: Quy định chi tiết khoản 4 Điều 42 của Luật về chuyển giao xuất bản phẩm nhập khẩu không kinh doanh sau khi sử dụng mà không tái xuất.*

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
		2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân nhập khẩu có trách nhiệm chủ động liên hệ với cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 1 Điều này để thống nhất việc tiếp nhận, mục đích sử dụng và tổ chức bàn giao xuất bản phẩm. Việc bàn giao, tiếp nhận phải được lập thành biên bản (bằng giấy hoặc điện tử). 3. Cơ quan, tổ chức nhận chuyển giao có trách nhiệm: a) Kiểm tra, đối chiếu xuất bản phẩm thực tế với danh mục và tài liệu bàn giao; lưu giữ hồ sơ tiếp nhận; theo dõi việc quản lý, sử dụng và cung cấp thông tin, tài liệu khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; b) Quản lý, bảo quản, sử dụng xuất bản phẩm đúng mục đích tiếp nhận; không kinh doanh xuất bản phẩm được chuyển giao dưới mọi hình thức; c) Khi phát hiện xuất bản phẩm có nội dung vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 10 của Luật, phải dừng việc đưa xuất bản phẩm đó vào phục vụ người sử dụng, báo cáo và giao nộp cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đặt trụ sở để xử lý theo quy định của pháp luật.
Điều 43. Xuất khẩu xuất bản phẩm		Dự thảo cập nhật không có điều riêng quy định chi tiết Điều 43 của Luật. Nội dung in xuất khẩu tại

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
Xuất bản phẩm đã được xuất bản và lưu hành hợp pháp tại Việt được phép xuất khẩu ra nước ngoài.		Điều 41 đến Điều 43 dự thảo được đối chiếu với Điều 34 của Luật.
Điều 44. Triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm 1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài trước khi tổ chức triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm tại Việt Nam phải thực hiện thông báo với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tổ chức triển lãm, hội chợ. 2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia triển lãm, hội chợ mà thực hiện hoạt động kinh doanh phát hành xuất bản phẩm phải đáp ứng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 36 của Luật này. 3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.		**Điều 50. Thông báo tổ chức triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm**[48] 1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân gửi thông báo tổ chức triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm theo cách thức quy định tại Điều 3 của Nghị định này đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tổ chức. 2. Trước ngày diễn ra triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm, cơ quan, tổ chức, cá nhân gửi thông báo theo mẫu quy định tại Điều 6 của Nghị định này và chịu trách nhiệm về nội dung xuất bản phẩm tại triển lãm, hội chợ. Trường hợp không tổ chức triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm đã thông báo, cơ quan, tổ chức, cá nhân gửi thông báo theo mẫu quy định tại Điều 6 của Nghị định này đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đã nhận thông báo; nội dung phải xác định sự kiện, địa điểm, thời gian đã thông báo và việc không tổ chức. 3. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm:

[48] *Đối chiếu: Quy định chi tiết khoản 3 Điều 44 của Luật về thông báo tổ chức triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm.*

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
		a) Cập nhật nội dung thông báo vào hệ thống dữ liệu quản lý và công khai thông báo theo quy định tại khoản 8 Điều 3 Nghị định này; b) Theo dõi, giám sát việc thực hiện tổ chức triển lãm, hội chợ trên địa bàn; kiểm tra và xử lý theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền xử lý khi phát hiện có vi phạm. 4. Việc thông báo điều chỉnh tổ chức triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm được thực hiện như sau: a) Khi thay đổi chủ thể tổ chức, địa điểm, thời gian, nội dung hoặc phạm vi trưng bày, giới thiệu xuất bản phẩm đã thông báo, cơ quan, tổ chức, cá nhân tổ chức phải gửi thông báo điều chỉnh trước khi thực hiện nội dung thay đổi đến Ủy ban nhân dân cấp xã đã tiếp nhận thông báo; b) Thông báo điều chỉnh được lập theo mẫu quy định tại Điều 6 của Nghị định này. Trường hợp chuyển địa điểm sang địa bàn cấp xã khác, đồng thời gửi thông báo tổ chức đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tổ chức tại địa điểm mới trước khi tổ chức; c) Việc thay đổi đơn vị tổ chức phải xác định rõ chủ thể tiếp nhận trách nhiệm tổ chức, bảo đảm tính liên tục của việc quản lý xuất bản phẩm và thực hiện các nghĩa vụ liên quan.

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
		5. Việc thông báo về không tổ chức, kết thúc sớm triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm được thực hiện như sau: a) Cơ quan, tổ chức, cá nhân quyết định không tổ chức hội thảo phải gửi thông báo đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đã tiếp nhận thông báo chậm nhất vào ngày dự kiến khai mạc đối với trường hợp không tổ chức hoặc ngày kết thúc sớm trước thời hạn. Trường hợp do sự kiện bất khả kháng dẫn đến không tổ chức triển lãm, hội chợ hoặc kết thúc sớm trước thời hạn, cơ quan, tổ chức, cá nhân phải gửi thông báo trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày quyết định không tổ chức hoặc ngày kết thúc sớm trước thời hạn; b) Thông báo được lập theo mẫu quy định tại Điều 6 của Nghị định này gửi đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi diễn ra triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm. 6. Thông báo quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều này được gửi theo cách thức quy định tại Điều 3 của Nghị định này. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận thông báo, Ủy ban nhân dân cấp xã cập nhật nội dung điều chỉnh, không tổ chức triển lãm, hội chợ hoặc kết thúc sớm trước thời hạn vào hệ thống dữ liệu quản lý và công khai thông

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
		báo theo quy định tại khoản 8 Điều 3 Nghị định này.
Chương V **XUẤT BẢN, PHÁT HÀNH XUẤT BẢN PHẨM ĐIỆN TỬ VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ TRUNG GIAN PHÁT HÀNH** **Điều 45. Điều kiện, yêu cầu đối với xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử và cung cấp dịch vụ trung gian phát hành** 1. Nhà xuất bản thực hiện xuất bản điện tử khi có đủ các điều kiện sau đây: a) Có năng lực về thiết bị, công nghệ, nhân lực kỹ thuật để điều hành và quản lý quá trình xuất bản điện tử; b) Có biện pháp kỹ thuật phù hợp với quy định của pháp luật để ngăn chặn sao chép, can thiệp bất hợp pháp vào nội dung xuất bản phẩm; c) Có tên miền quốc gia Việt Nam ".vn" theo quy định của pháp luật để thực hiện xuất bản điện tử trên môi trường mạng Internet và hệ thống thông tin;	**Chương IV** **XUẤT BẢN VÀ PHÁT HÀNH XUẤT BẢN PHẨM ĐIỆN TỬ** **Điều 17. Điều kiện hoạt động xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử** 1. Điều kiện về thiết bị, công nghệ để xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử quy định tại Điểm a Khoản 1 và Điểm a Khoản 2 Điều 45 Luật Xuất bản, cụ thể như sau: a) Có máy chủ đặt tại Việt Nam; b) (được bãi bỏ) c) (được bãi bỏ) d) Có đường truyền kết nối Internet được đăng ký hợp pháp để xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử trên mạng Internet; đ) Có giải pháp kỹ thuật để kiểm soát việc xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử, bao gồm việc phát hành, loại bỏ hoặc khôi phục để phát hành;	**Điều 51. Yêu cầu đối với hoạt động xuất bản xuất bản phẩm điện tử của nhà xuất bản** [49] 1. Yêu cầu về thiết bị, công nghệ và hạ tầng kỹ thuật: a) Có máy chủ đặt tại Việt Nam hoặc sử dụng dịch vụ điện toán đám mây của doanh nghiệp tại Việt Nam; b) Có hệ thống phần mềm, nền tảng công nghệ chuyên dùng phục vụ các công đoạn tạo lập, biên tập, chế bản, lưu trữ, quản lý và xuất bản các định dạng xuất bản phẩm điện tử; c) Có phương án sao lưu dữ liệu tự động định kỳ, hệ thống dự phòng và thực hiện lưu vết nhật ký hệ thống (log files) phục vụ công tác quản lý, kiểm tra theo quy định của pháp luật; d) Hạ tầng kỹ thuật, nền tảng công nghệ phải đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về an toàn thông tin, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân theo quy định của pháp luật;

[49] *Đối chiếu: Khoản 1, khoản 6 Điều 45 của Luật.*

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
d) Trường hợp xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử qua ứng dụng trên thiết bị di động thì ngoài việc tuân thủ các quy định tại điểm a và điểm b khoản này còn phải tuân thủ các quy định của pháp luật về quản lý hoạt động thương mại điện tử qua ứng dụng trên thiết bị di động; đ) Thực hiện đăng ký hoạt động xuất bản xuất bản phẩm điện tử với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; trường hợp kinh doanh phát hành xuất bản phẩm điện tử của tổ chức, cá nhân khác thì phải thực hiện thông báo theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều này. 2. Cơ sở phát hành, cá nhân kinh doanh phát hành xuất bản phẩm điện tử ngoài việc tuân thủ các quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 36 của Luật này phải đáp ứng các yêu cầu sau đây: a) Có năng lực thiết bị, công nghệ, nhân lực kỹ thuật để điều hành và quản lý quá trình phát hành xuất bản phẩm điện tử; b) Có tên miền quốc gia Việt Nam ".vn" trong trường hợp hoạt động kinh doanh phát hành xuất bản phẩm điện tử trên môi trường mạng Internet và hệ thống thông tin; c) Xuất bản phẩm điện tử được phát hành phải có nguồn gốc hợp pháp hoặc được phát hành theo quyết định phát hành của giám đốc nhà xuất bản;	e) (được bãi bỏ) g) Có hệ thống lưu trữ đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật để lưu trữ các xuất bản phẩm điện tử đã xuất bản, phát hành; xuất bản phẩm điện tử được lưu trữ phải bảo đảm yêu cầu về tính xác thực, toàn vẹn, an toàn thông tin, có khả năng truy cập ngay từ khi được tạo lập; h) Có chứng thư số hợp pháp theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử và phải tuân thủ quy chuẩn, tiêu chuẩn đối với xuất bản phẩm điện tử. 2) Tiêu chuẩn về nhân lực kỹ thuật để điều hành, quản lý quá trình xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử quy định tại điểm a khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 45 Luật Xuất bản, cụ thể như sau: Được đào tạo về công nghệ thông tin. 3. Biện pháp kỹ thuật quy định tại Điểm b Khoản 1 và Điểm b Khoản 2 Điều 45 Luật Xuất bản cụ thể như sau: a) (được bãi bỏ) b) Có giải pháp kỹ thuật chống xâm nhập trái phép qua hệ thống mạng Internet; c) Có quy trình nghiệp vụ xử lý sự cố về an toàn, an ninh thông tin;	đ) Sẵn sàng kết nối, chia sẻ thông tin và trích xuất dữ liệu với Hệ thống dữ liệu chuyên ngành và Hệ thống lưu chiểu điện tử của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. 2. Yêu cầu về giải pháp công nghệ và biện pháp kỹ thuật bảo vệ bản quyền: a) Áp dụng giải pháp công nghệ quản lý quyền kỹ thuật số (DRM), giải pháp kiểm soát truy cập, giải pháp mã hóa dữ liệu hoặc công nghệ bảo vệ bản quyền tương đương để ngăn chặn hành vi sao chép, trích xuất, can thiệp hoặc phát tán trái phép dữ liệu số của xuất bản phẩm điện tử; b) Tích hợp, đính kèm chữ ký số hợp pháp của nhà xuất bản vào dữ liệu số, gói dữ liệu hoặc cấu trúc ứng dụng xuất bản phẩm điện tử; c) Tự động cấu trúc, ghi nhận và gắn siêu dữ liệu (metadata), mã băm (hash) hoặc mã định danh dữ liệu số tương đương để xác thực tính toàn vẹn và phục vụ truy xuất nguồn gốc xuất bản phẩm điện tử. 3. Yêu cầu về tên miền quốc gia Việt Nam ".vn" và nền tảng cung cấp dịch vụ: a) Sử dụng tên miền quốc gia Việt Nam ".vn" được đăng ký hợp pháp đứng tên nhà xuất bản hoặc cơ quan chủ quản nhà xuất bản để thực hiện xuất

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
d) Phải đáp ứng các yêu cầu quy định tại điểm a và điểm b khoản này trước khi thực hiện thông báo hoạt động kinh doanh phát hành xuất bản phẩm điện tử với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. 3. Cơ quan, tổ chức xuất bản và phát hành tài liệu không kinh doanh là xuất bản phẩm điện tử phải đáp ứng các yêu cầu sau đây: a) Có năng lực thiết bị, công nghệ, nhân lực kỹ thuật để điều hành và quản lý quá trình phát hành xuất bản phẩm điện tử; b) Có tên miền quốc gia Việt Nam ".vn" để thực hiện xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử trên môi trường mạng Internet và hệ thống thông tin; c) Bảo đảm kiểm soát nội dung và phạm vi phát hành xuất bản phẩm điện tử phù hợp với mục đích không kinh doanh. 4. Cơ sở cung cấp dịch vụ trung gian phát hành xuất bản phẩm phải tuân thủ các yêu cầu sau đây: a) Chỉ cung cấp dịch vụ phát hành xuất bản phẩm cho nhà xuất bản và tổ chức, cá nhân đáp ứng quy định tại khoản 2 Điều này và Điều 36 của Luật này; b) Thiết lập cơ chế quản trị phục vụ việc ngăn chặn, gỡ bỏ hoặc hạn chế truy cập nội dung vi phạm pháp luật về xuất bản theo yêu cầu của cơ quan	d) Có quy trình nghiệp vụ để xác định việc can thiệp làm thay đổi nội dung xuất bản phẩm điện tử; đ) Có giải pháp kỹ thuật theo quy định của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về kiểm soát bản quyền số đối với nhà cung cấp nội dung, các kênh phân phối nội dung. 4. Tên miền Internet Việt Nam quy định tại Điểm c Khoản 1 và Điểm c Khoản 2 Điều 45 Luật Xuất bản phải là tên miền ".vn". 5) (được bãi bỏ) **Điều 18. Thẩm định đề án và đăng ký hoạt động xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử** 1. Việc thẩm định đề án hoạt động xuất bản và phát hành xuất bản phẩm điện tử thực hiện như sau: a) Nhà xuất bản phải có đề án hoạt động xuất bản điện tử và tổ chức, cá nhân phải có đề án hoạt động phát hành xuất bản phẩm điện tử gửi Bộ Thông tin và Truyền thông; b) Đề án hoạt động xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử thể hiện rõ việc đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 17 Nghị định này; c) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đề án, Bộ Thông tin và Truyền thông xem xét, có ý kiến thẩm định đề án bằng văn bản.	bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử trên môi trường mạng Internet; b) Trang thông tin điện tử, cổng thông tin điện tử, nền tảng số hoặc ứng dụng xuất bản điện tử phải cài đặt chứng thư số bảo mật và triển khai các giải pháp an toàn mạng theo quy định. 4. Yêu cầu về nhân lực kỹ thuật: a) Bố trí nhân sự cơ hữu hoặc bộ phận chuyên trách, phụ trách quản trị, vận hành hệ thống công nghệ thông tin và bảo đảm an ninh mạng; b) Người phụ trách kỹ thuật công nghệ phải có trình độ đại học trở lên thuộc chuyên ngành công nghệ thông tin, an toàn thông tin hoặc chuyên ngành kỹ thuật phù hợp. 5. Trách nhiệm gỡ bỏ vi phạm và phối hợp xử lý sự cố: Nhà xuất bản có trách nhiệm triển khai giải pháp kỹ thuật thực hiện gỡ bỏ, ngăn chặn truy cập đối với xuất bản phẩm điện tử vi phạm hoặc cung cấp dữ liệu nhật ký hệ thống theo yêu cầu bằng văn bản hoặc thông báo điện tử của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
quản lý nhà nước về xuất bản hoặc cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về an ninh mạng, bảo vệ an ninh quốc gia; thời hạn, trình tự, thủ tục thực hiện theo quy định của Chính phủ; c) Thực hiện lưu trữ, cung cấp thông tin phục vụ công tác quản lý nhà nước và tuân thủ các quy định của pháp luật; d) Có giải pháp công nghệ nhận dạng nội dung số phục vụ phát hiện, ngăn chặn, gỡ bỏ nội dung xuất bản phẩm điện tử xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ và quy định khác của pháp luật có liên quan. 5. Cơ quan, tổ chức, cá nhân phát hành xuất bản phẩm không nhằm mục đích kinh doanh mà không thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này phải đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại các điểm a, b và c khoản 2 Điều này. 6. Chính phủ quy định chi tiết về điều kiện, việc đăng ký đối với hoạt động xuất bản xuất bản phẩm điện tử; yêu cầu, việc thông báo đối với hoạt động kinh doanh phát hành xuất bản phẩm điện tử; yêu cầu đối với cơ sở cung cấp dịch vụ trung gian phát hành xuất bản phẩm quy định tại Điều này.	2. Việc đăng ký hoạt động xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử quy định tại Điểm d Khoản 1 và Điểm d Khoản 2 Điều 45 Luật Xuất bản thực hiện như sau: a) Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đồng ý của Bộ Thông tin và Truyền thông, nhà xuất bản, tổ chức, cá nhân phải triển khai thực hiện đề án theo ý kiến thẩm định của Bộ Thông tin và Truyền thông và có hồ sơ đăng ký hoạt động xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử gửi Bộ Thông tin và Truyền thông. Hồ sơ gồm có: Đơn đăng ký hoạt động xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử; bản sao văn bản đồng ý của Bộ Thông tin và Truyền thông về đề án; b) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký hoạt động xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử, Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm kiểm tra việc triển khai đề án và có văn bản xác nhận đăng ký hoạt động xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử; trường hợp không xác nhận đăng ký phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do. c) Nhà xuất bản chỉ được hoạt động xuất bản điện tử và tổ chức, cá nhân chỉ được hoạt động phát hành xuất bản phẩm điện tử sau khi có văn bản xác nhận đăng ký của Bộ Thông tin và Truyền thông. 3. Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định mẫu đề án, mẫu đơn đăng ký, mẫu xác nhận	

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
	đăng ký hoạt động xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này.	
		Điều 52. Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký hoạt động xuất bản xuất bản phẩm điện tử của nhà xuất bản [50] 1. Hồ sơ đăng ký hoạt động xuất bản xuất bản phẩm điện tử gồm đơn đăng ký và đề án hoạt động theo mẫu quy định tại Điều 6 của Nghị định này. 2. Trình tự, thủ tục đăng ký hoạt động xuất bản xuất bản phẩm điện tử được thực hiện như sau: a) Nhà xuất bản gửi 01 bộ hồ sơ theo cách thức quy định tại Điều 3 của Nghị định này đến Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; b) Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét, có ý kiến thẩm định đề án bằng văn bản. Trường hợp đề án không đúng mẫu hoặc không đủ thông tin theo mẫu quy định thì phải trả lại để nhà xuất bản, tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện; c) Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký hoạt động xuất bản xuất bản phẩm điện tử theo quy định, Bộ Văn hóa, Thể thao

[50] *Đối chiếu: Điểm đ khoản 1, khoản 6 Điều 45 của Luật.*

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
		và Du lịch cấp giấy xác nhận đăng ký hoạt động xuất bản xuất bản phẩm điện tử; trường hợp không cấp giấy xác nhận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.
		Điều 53. Thời hạn, trình tự, thủ tục thực hiện thiết lập cơ chế quản trị phục vụ việc ngăn chặn, gỡ bỏ hoặc hạn chế truy cập nội dung vi phạm pháp luật về xuất bản của cơ sở cung cấp dịch vụ trung gian phát hành xuất bản phẩm [51] Cơ sở cung cấp dịch vụ trung gian phát hành xuất bản phẩm phải thực hiện các yêu cầu tại khoản 4 Điều 45 của Luật theo quy định sau đây: 1. Khi triển khai hoạt động cung cấp dịch vụ trung gian phát hành xuất bản phẩm, cơ sở cung cấp dịch vụ trung gian phải thực hiện thiết lập cơ chế quản trị phục vụ việc ngăn chặn, gỡ bỏ hoặc hạn chế truy cập nội dung vi phạm pháp luật về xuất bản theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về xuất bản hoặc cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về an ninh mạng, bảo vệ an ninh quốc gia về việc tạm dừng, ngăn chặn việc truy cập đến xuất bản phẩm đó và lưu giữ thông tin, báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản.

[51] *Đối chiếu: Quy định chi tiết điểm b khoản 4 Điều 45 của Luật về thực hiện yêu cầu thiết lập cơ chế quản trị phục vụ việc ngăn chặn, gỡ bỏ hoặc hạn chế truy cập nội dung vi phạm pháp luật về xuất bản.*

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
		2. Trình tự, thủ tục và việc thực hiện quy định tại khoản 1 Điều này theo quy định tại khoản 2 Điều 47 Nghị định này. 3. Tuân thủ quy định về lưu trữ, có giải pháp công nghệ nhận dạng nội dung số theo quy định pháp luật về giao dịch điện tử, thương mại điện tử, dữ liệu và an ninh mạng.
		Điều 54. Điều chỉnh, chấm dứt hoạt động xuất bản xuất bản phẩm điện tử của nhà xuất bản[52] 1. Nhà xuất bản thực hiện thông báo điều chỉnh hoạt động xuất bản xuất bản phẩm điện tử khi thay đổi thông tin trong hồ sơ đăng ký hoặc giấy xác nhận đã được cấp, theo quy định sau đây: a) Thông báo được lập theo mẫu quy định tại Điều 6 của Nghị định này, ghi rõ số, ngày cấp giấy xác nhận; nội dung trước và sau điều chỉnh, lý do, thời điểm điều chỉnh và việc duy trì các yêu cầu tương ứng. Trường hợp điều chỉnh nội dung đề án đã đăng ký, gửi kèm phần nội dung đề án được điều chỉnh; b) Nhà xuất bản gửi thông báo theo cách thức quy định tại Điều 3 của Nghị định này đến Bộ Văn

[52] *Đối chiếu: Điều 45 và Điều 52 của Luật.*

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
		hóa, Thể thao và Du lịch trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày thay đổi. Trường hợp bổ sung tên miền, nền tảng, ứng dụng hoặc mở rộng phạm vi hoạt động, phải đáp ứng các yêu cầu tương ứng và gửi thông báo trước khi thực hiện. 2. Việc tiếp nhận thông báo điều chỉnh và cập nhật giấy xác nhận được thực hiện như sau: a) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận thông báo, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cập nhật thông tin điều chỉnh vào cơ sở dữ liệu; b) Trường hợp thay đổi thông tin ghi trên giấy xác nhận, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận thông báo đầy đủ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp lại giấy xác nhận theo thông tin đã thay đổi, ghi rõ giấy xác nhận được thay thế. Trường hợp thông báo chưa đầy đủ, trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận thông báo, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn nội dung cần bổ sung; c) Việc cấp lại theo điểm b khoản này không yêu cầu thực hiện lại thủ tục đăng ký hoạt động ban đầu hoặc nộp lại tài liệu không có thay đổi; không thay thế trách nhiệm duy trì các điều kiện hoạt động của nhà xuất bản. 3. Khi chấm dứt hoạt động xuất bản xuất bản phẩm điện tử, nhà xuất bản gửi thông báo theo mẫu

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
		quy định tại Điều 6 và cách thức quy định tại Điều 3 của Nghị định này đến Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch theo thời hạn quy định tại điểm c khoản 4 Điều 44 của Nghị định này. Thông báo gồm các nội dung sau đây: a) Tên, địa chỉ nhà xuất bản; số, ngày cấp giấy xác nhận; lý do, phạm vi và thời điểm chấm dứt; b) Danh mục xuất bản phẩm điện tử đang thực hiện hoặc đang được cung cấp; tên miền, nền tảng, ứng dụng liên quan; tình hình thực hiện nghĩa vụ lưu chiểu và nộp xuất bản phẩm cho Thư viện Quốc gia Việt Nam; c) Phương án lưu giữ, bàn giao hồ sơ, bản thảo, dữ liệu xuất bản phẩm; bảo đảm quyền tác giả, quyền liên quan, quyền truy cập hợp pháp của người sử dụng; giải quyết hợp đồng và đầu mối thực hiện các nghĩa vụ còn tồn tại. 4. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận thông báo chấm dứt, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cập nhật, công khai phạm vi, thời điểm chấm dứt theo khoản 8 Điều 3 của Nghị định này. Giấy xác nhận không còn giá trị đối với toàn bộ hoặc phần hoạt động đã chấm dứt kể từ thời điểm chấm dứt ghi trong thông báo. 5. Nhà xuất bản phải dừng việc xuất bản mới thuộc phạm vi đã thông báo chấm dứt; thực hiện

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
		phương án quy định tại điểm c khoản 3 Điều này và duy trì khả năng truy xuất dữ liệu phục vụ việc kiểm tra, xử lý theo quy định của pháp luật. Việc chấm dứt xuất bản điện tử không tự làm chấm dứt hoạt động xuất bản bằng hình thức khác; việc tiếp tục phát hành xuất bản phẩm điện tử đã được xuất bản hợp pháp phải đáp ứng các yêu cầu tương ứng của Luật và Nghị định này. 6. Trường hợp chấm dứt toàn bộ hoạt động của nhà xuất bản, cơ quan chủ quản thực hiện theo Điều 16 của Nghị định này; không phải gửi thêm thông báo riêng nếu văn bản đã có đầy đủ nội dung quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp hoạt động xuất bản điện tử trở lại sau khi đã chấm dứt toàn bộ hoạt động này, nhà xuất bản thực hiện đăng ký theo Điều 52 của Nghị định này.
		Điều 55. Yêu cầu kỹ thuật và trình tự, thủ tục thông báo hoạt động phát hành xuất bản phẩm điện tử[53] 1. Yêu cầu về thiết bị, công nghệ, hạ tầng kỹ thuật và giải pháp công nghệ bảo vệ bản quyền đối với hoạt động phát hành xuất bản phẩm điện tử được thực hiện theo khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Nghị định này, phù hợp với hoạt động phát

[53] *Đối chiếu: Quy định chi tiết khoản 6 Điều 45 của Luật về yêu cầu và việc thông báo hoạt động kinh doanh phát hành xuất bản phẩm điện tử.*

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
		hành. Các yêu cầu về nhân lực kỹ thuật, tên miền và nguồn gốc xuất bản phẩm thực hiện theo khoản 2 Điều 45 của Luật. 2. Trình tự thông báo hoạt động kinh doanh phát hành xuất bản phẩm điện tử được thực hiện như sau: a) Cơ sở phát hành, cá nhân kinh doanh phát hành xuất bản phẩm điện tử gửi thông báo theo mẫu quy định tại Điều 6 của Nghị định này, theo cách thức quy định tại Điều 3 của Nghị định này đến Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sau khi đáp ứng các yêu cầu quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 45 của Luật. Nội dung mẫu thông báo phải thể hiện thông tin chủ thể, nền tảng, tên miền, địa chỉ mạng, phạm vi hoạt động và việc đáp ứng yêu cầu về thiết bị, công nghệ, nhân lực kỹ thuật; b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận thông báo, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cập nhật thông tin vào hệ thống quản lý. 3. Việc thông báo điều chỉnh hoạt động phát hành xuất bản phẩm điện tử được thực hiện như sau: a) Cơ sở phát hành, cá nhân gửi thông báo khi thay đổi thông tin chủ thể, người đứng đầu, địa điểm kinh doanh, tên miền, nền tảng, ứng dụng, địa

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
		chỉ mạng, phạm vi hoạt động hoặc thông tin về việc đáp ứng yêu cầu kỹ thuật đã thông báo; b) Thông báo được lập theo mẫu quy định tại Điều 6 của Nghị định này, ghi rõ thông báo hoạt động trước đó; nội dung trước và sau điều chỉnh, lý do, thời điểm điều chỉnh và việc tiếp tục đáp ứng các yêu cầu quy định tại khoản 1 Điều này; c) Thông báo được gửi đến Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch theo cách thức quy định tại Điều 3 của Nghị định này trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày thay đổi. Trường hợp bổ sung tên miền, nền tảng, ứng dụng hoặc mở rộng phạm vi hoạt động, phải đáp ứng các yêu cầu tương ứng và gửi thông báo trước khi thực hiện. 4. Việc thông báo chấm dứt hoạt động phát hành xuất bản phẩm điện tử được thực hiện như sau: a) Cơ sở phát hành, cá nhân gửi thông báo theo mẫu quy định tại Điều 6 và cách thức quy định tại Điều 3 của Nghị định này đến Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch theo thời hạn quy định tại điểm c khoản 4 Điều 44 của Nghị định này; b) Thông báo phải ghi thông tin chủ thể, thông báo hoạt động trước đó; tên miền, nền tảng, ứng dụng, địa chỉ mạng, phạm vi, thời điểm và lý do chấm dứt; phương án xử lý xuất bản phẩm, dữ liệu,

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
		hợp đồng và bảo đảm quyền lợi của người sử dụng; đầu mối giải quyết quyền, nghĩa vụ còn tồn tại; c) Trường hợp chỉ chấm dứt hoạt động trên một tên miền, nền tảng hoặc ứng dụng nhưng vẫn tiếp tục hoạt động trên hệ thống khác, thông báo phải xác định rõ phần chấm dứt, phần tiếp tục hoạt động và phương án chuyển đổi, bảo đảm quyền lợi của người sử dụng. 5. Khi chấm dứt hoạt động, cơ sở phát hành, cá nhân có trách nhiệm: a) Dừng cung cấp mới xuất bản phẩm, tài khoản hoặc quyền truy cập thuộc phạm vi đã thông báo chấm dứt; thông tin kịp thời cho nhà xuất bản, chủ thể quyền, đối tác và người sử dụng có liên quan; b) Thực hiện phương án bảo đảm quyền truy cập đã được xác lập hợp pháp; thỏa thuận việc chuyển giao dịch vụ hoặc hoàn trả khoản tiền tương ứng với phần nghĩa vụ chưa thực hiện theo hợp đồng và pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; c) Lưu giữ hồ sơ, dữ liệu giao dịch, tài liệu chứng minh nguồn gốc và quyền phát hành; việc chuyển giao, lưu giữ, xóa dữ liệu phải tuân thủ pháp luật về xuất bản, sở hữu trí tuệ, bảo vệ dữ liệu cá nhân và pháp luật có liên quan;

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
		d) Tiếp tục phối hợp xử lý xuất bản phẩm vi phạm, khiếu nại và các nghĩa vụ phát sinh trước thời điểm chấm dứt theo quy định của pháp luật. 6. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận thông báo quy định tại khoản 3 hoặc khoản 4 Điều này, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cập nhật nội dung điều chỉnh, phạm vi, thời điểm chấm dứt vào hệ thống quản lý và công khai theo khoản 8 Điều 3 của Nghị định này. 7. Trường hợp hoạt động trở lại sau khi đã thông báo chấm dứt toàn bộ hoạt động phát hành xuất bản phẩm điện tử, cơ sở phát hành, cá nhân phải đáp ứng các yêu cầu tại khoản 1 và thực hiện thông báo theo khoản 2 Điều này trước khi hoạt động trở lại.
Điều 46. Cách thức thực hiện xuất bản và phát hành xuất bản phẩm điện tử 1. Tác phẩm, tài liệu xuất bản lần đầu theo phương thức xuất bản điện tử phải được xuất bản thông qua nhà xuất bản hoặc do cơ quan, tổ chức thực hiện xuất bản theo quy định tại Điều 25 của Luật này.		**Điều 56. Chuyển xuất bản phẩm điện tử sang xuất bản phẩm in**[54] Việc chuyển xuất bản phẩm điện tử sang xuất bản phẩm in để phổ biến tới nhiều người phải được thực hiện thông qua nhà xuất bản hoặc cơ quan, tổ chức được phép xuất bản tài liệu không kinh doanh theo Điều 25 của Luật. Nhà xuất bản, cơ quan, tổ chức thực hiện việc đăng ký kế hoạch xuất bản, cấp mã số ISBN đối với sách, ban hành quyết định xuất bản hoặc đề nghị cấp giấy phép xuất bản tài liệu

[54] *Đối chiếu: Hướng dẫn thi hành khoản 4 Điều 46 của Luật về chuyển xuất bản phẩm điện tử sang xuất bản phẩm in.*

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
2. Xuất bản phẩm đã được xuất bản, in, phát hành hợp pháp được phát hành trên phương tiện điện tử. 3. Việc xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này chỉ được thực hiện sau khi có văn bản chấp thuận của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ. 4. Việc chuyển xuất bản phẩm điện tử sang xuất bản phẩm in để phổ biến tới nhiều người phải tuân thủ các quy định của Luật này và pháp luật về sở hữu trí tuệ.		không kinh doanh, in, nộp lưu chiểu và phát hành theo quy định tương ứng của Luật, Nghị định này và pháp luật về sở hữu trí tuệ.
Điều 47. Kỹ thuật, công nghệ để xuất bản và phát hành xuất bản phẩm điện tử Cơ quan, tổ chức, cá nhân xuất bản và phát hành xuất bản phẩm điện tử phải: 1. Thực hiện đúng quy chuẩn kỹ thuật và hướng dẫn kỹ thuật của cơ quan quản lý nhà nước đối với xuất bản phẩm điện tử; 2. Tuân thủ các quy định của pháp luật về viễn thông, công nghệ thông tin, thương mại điện tử, giao dịch điện tử và các quy định khác của pháp luật có liên quan.	**Điều 19. Phân loại xuất bản phẩm điện tử và yêu cầu về nội dung, kỹ thuật đối với xuất bản phẩm điện tử** 1. Xuất bản phẩm điện tử gồm 02 (hai) loại: a) Được chuyển sang hình thức điện tử từ xuất bản phẩm đã được xuất bản hợp pháp dưới hình thức khác; b) Được tạo lập bằng phương thức điện tử, chưa được xuất bản dưới hình thức khác và có quyết định xuất bản của tổng giám đốc (giám đốc) nhà xuất bản hoặc giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh của cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản.	Yêu cầu kỹ thuật tại Điều 51, Điều 55; thông tin tại Điều 28, Điều 29; lưu chiểu điện tử tại Điều 30 dự thảo. Các điều được đặt toàn văn ở nhóm đối chiếu tương ứng.

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
	2. Yêu cầu về nội dung và kỹ thuật đối với xuất bản phẩm điện tử quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này, bao gồm: a) Nội dung không vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều 10 Luật Xuất bản hoặc không bị đình chỉ phát hành, cấm lưu hành, thu hồi, tiêu hủy; b) Nội dung đúng với xuất bản phẩm gốc đã được xuất bản hợp pháp tại Việt Nam; c) Có định dạng số theo quy định của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về định dạng tệp tin, âm thanh, hình ảnh; d) Có chữ ký số hợp pháp của người đứng đầu tổ chức, cá nhân thực hiện việc phát hành. 3. Yêu cầu về nội dung và kỹ thuật đối với xuất bản phẩm điện tử quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này, bao gồm: a) Nội dung không vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều 10 Luật Xuất bản; b) Đáp ứng yêu cầu quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều này và có chữ ký số hợp pháp của tổng giám đốc (giám đốc) nhà xuất bản hoặc của người đứng đầu cơ quan, tổ chức được cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh.	

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
Điều 48. Nộp lưu chiểu xuất bản phẩm điện tử và nộp cho Thư viện Quốc gia Việt Nam 1. Nhà xuất bản, tổ chức được cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh thực hiện nộp lưu chiểu xuất bản phẩm điện tử cho cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản theo quy định tại Điều 28 của Luật này và nộp xuất bản phẩm điện tử cho Thư viện Quốc gia Việt Nam. 2. Cơ quan quản lý nhà nước về xuất bản chỉ được sử dụng xuất bản phẩm điện tử lưu chiểu để phục vụ công tác quản lý. 3. Thư viện Quốc gia Việt lưu trữ và chỉ được sử dụng xuất bản phẩm điện tử vào việc phục vụ bạn đọc tại Thư viện Quốc gia Việt theo quy định của pháp luật.	**Điều 21. Nộp lưu chiểu xuất bản phẩm điện tử** 1. Khi nộp lưu chiểu xuất bản phẩm điện tử cho cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản theo quy định tại Điều 48 Luật Xuất bản, nhà xuất bản, cơ quan, tổ chức được cấp giấy phép xuất bản phải nộp xuất bản phẩm điện tử dưới dạng 01 (một) bản ghi trong thiết bị lưu trữ dữ liệu hoặc nộp qua mạng Internet bằng định dạng số theo quy định của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về định dạng tệp tin, âm thanh, hình ảnh và có chữ ký số kèm theo 02 (hai) tờ khai lưu chiểu theo mẫu quy định. 2. Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết yêu cầu kỹ thuật, cách thức nộp lưu chiểu xuất bản phẩm điện tử.	
Điều 49. Quảng cáo trên xuất bản phẩm điện tử Việc quảng cáo trên xuất bản phẩm điện tử thực hiện theo quy định sau đây: 1. Không được quảng cáo lẫn vào nội dung hoặc làm gián đoạn nội dung của xuất bản phẩm điện tử dưới mọi hình thức;		

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
2. Thực hiện quy định của pháp luật về quảng cáo và các quy định khác của pháp luật có liên quan.		
Điều 50. Trách nhiệm của nhà xuất bản, tổ chức, cá nhân phát hành, nhập khẩu xuất bản phẩm điện tử, cung cấp dịch vụ trung gian phát hành xuất bản phẩm 1. Trách nhiệm của nhà xuất bản được quy định như sau: a) Thực hiện quy định tại các điều 18, 21, 22, 23, 24, 27, 45, 46, 47, 48, 49 và 52 của Luật này; b) Bảo đảm nội dung xuất bản phẩm điện tử được phát hành đúng với nội dung xuất bản phẩm điện tử nộp lưu chiểu; thực hiện lưu trữ, quản lý và bảo đảm khả năng truy xuất dữ liệu xuất bản phẩm điện tử phục vụ công tác quản lý nhà nước; c) Đối với xuất bản phẩm đã được xuất bản hợp pháp chuyển sang hình thức xuất bản phẩm điện tử, việc ra quyết định xuất bản, quyết định phát hành và nộp lưu chiểu xuất bản phẩm điện tử thực hiện theo quy định của Luật này; d) Thực hiện các biện pháp kỹ thuật ngăn chặn việc can thiệp vào nội dung xuất bản phẩm hoặc gỡ bỏ xuất bản phẩm vi phạm pháp luật theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;	**Điều 22. Trách nhiệm của nhà xuất bản và cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử** 1. Đối với nhà xuất bản, tổ chức, cá nhân phát hành xuất bản phẩm điện tử ngoài quy định tại Điều 50 Luật Xuất bản, nhà xuất bản và cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia xuất bản, phát hành, nhập khẩu xuất bản phẩm điện tử có trách nhiệm sau đây: a) Bảo đảm kỹ thuật, công nghệ sử dụng để xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử phù hợp với quy định của Nghị định này và các quy định khác của pháp luật về công nghệ thông tin và viễn thông; b) Bảo đảm nguyên vẹn nội dung, hình thức của xuất bản phẩm điện tử; c) Chấp hành yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về việc dừng xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử hoặc loại bỏ, ngăn chặn người sử dụng tiếp cận một phần nội dung hoặc toàn bộ xuất bản phẩm có dấu hiệu vi phạm quy định của pháp luật; d) Không được xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử kèm ứng dụng kỹ thuật, công nghệ	

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
đ) Dừng phát hành xuất bản phẩm khi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật; e) Kiểm tra, giám sát nội dung xuất bản phẩm liên kết và thiết lập hệ thống giám sát hoạt động phát hành trên môi trường số; g) Không được sao chép, số hóa, lưu trữ, truyền đưa, phát tán hoặc phát hành xuất bản phẩm trên môi trường điện tử, nền tảng số vi phạm quy định của pháp luật về xuất bản và quy định khác của pháp luật có liên quan. 2. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân phát hành xuất bản phẩm điện tử được quy định như sau: a) Thực hiện quy định tại các điều 23, 45, 46, 47 và 49 của Luật này; b) Thực hiện đúng nội dung bản mẫu đã được tổng giám đốc hoặc giám đốc nhà xuất bản ký duyệt; c) Thực hiện các biện pháp kỹ thuật ngăn chặn việc can thiệp vào nội dung xuất bản phẩm hoặc gỡ bỏ xuất bản phẩm vi phạm pháp luật theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và phối hợp cung cấp thông tin, dữ liệu liên quan phục vụ công tác quản lý nhà nước; d) Dừng phát hành xuất bản phẩm điện tử khi có	gây mất an toàn, an ninh thông tin đối với phương tiện điện tử; đ) Không được bổ sung thông tin làm sai lệch nội dung xuất bản phẩm điện tử hoặc bổ sung thông tin mà người sử dụng xuất bản phẩm điện tử không yêu cầu, trừ các thông tin được phép theo quy định của pháp luật hoặc có sự đồng ý của cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản; e) Không được can thiệp trái phép vào nội dung, hình thức của xuất bản phẩm điện tử để làm sai lệch hoặc thực hiện hành vi trái pháp luật; g) Báo cáo, giải trình về việc xuất bản, phát hành, nhập khẩu xuất bản phẩm điện tử và nội dung của xuất bản phẩm điện tử theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền; h) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc xuất bản, phát hành, nhập khẩu xuất bản phẩm điện tử và nội dung xuất bản phẩm điện tử. 2. Đối với người sử dụng xuất bản phẩm điện tử không được can thiệp dưới mọi hình thức để làm sai lệch nội dung xuất bản phẩm điện tử. **Điều 23. Các trường hợp bị yêu cầu đình chỉ, chấm dứt hoạt động xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử**	

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền. 3. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức phát hành xuất bản phẩm điện tử là tài liệu không kinh doanh được quy định như sau: a) Thực hiện quy định tại Điều 46 của Luật này và các điểm b, c và d khoản 2 Điều này; b) Thực hiện đúng văn bản chấp thuận của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả; c) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc phát hành xuất bản phẩm điện tử; thực hiện lưu trữ và cung cấp dữ liệu phát hành theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước. 4. Trách nhiệm của cá nhân kinh doanh phát hành xuất bản phẩm điện tử được quy định như sau: a) Thông báo với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trước khi hoạt động, chấm dứt hoạt động kinh doanh phát hành xuất bản phẩm điện tử; b) Thực hiện hoạt động kinh doanh đúng nội dung đã thông báo với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; c) Có hóa đơn, chứng từ hoặc tài liệu chứng minh nguồn gốc xuất xứ của xuất bản phẩm điện tử được kinh doanh; d) Không kinh doanh phát hành xuất bản phẩm	1. Bộ Thông tin và Truyền thông yêu cầu nhà xuất bản, tổ chức, cá nhân đình chỉ việc xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử để chấn chỉnh hoặc khắc phục nguyên nhân trong các trường hợp sau đây: a) Không duy trì đủ các điều kiện quy định tại Điều 17 Nghị định này trong quá trình hoạt động; b) Không thực hiện đúng quy định tại Điều 22 Nghị định này; c) Không chấp hành các biện pháp quản lý của cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản. 2. Trường hợp nhà xuất bản, tổ chức, cá nhân phát hành xuất bản phẩm điện tử không chấn chỉnh hoặc không khắc phục đối với các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều này thì phải chấm dứt hoạt động theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông	

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
điện tử có nội dung vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 10 của Luật này và xuất bản phẩm điện tử thuộc loại không kinh doanh; đ) Xuất trình các giấy tờ, tài liệu quy định tại điểm c khoản này với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền; e) Ngăn chặn, gỡ bỏ xuất bản phẩm điện tử có nội dung vi phạm theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và cung cấp dữ liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước. 5. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ trung gian phát hành xuất bản phẩm điện tử tại Việt Nam được quy định như sau: a) Thực hiện quy định tại khoản 4 Điều 45 của Luật này trong quá trình hoạt động; b) Kiểm tra, lưu giữ và cung cấp thông tin, dữ liệu theo quy định của pháp luật và yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; c) Thực hiện việc ngăn chặn, gỡ bỏ hoặc hạn chế truy cập xuất bản phẩm điện tử có vi phạm theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; d) Phối hợp với nhà xuất bản, cơ quan quản lý nhà nước và chủ thể có liên quan trong việc xử lý xuất bản phẩm điện tử có vi phạm. 6. Trách nhiệm của tổ chức nước ngoài cung cấp		

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
dịch vụ trung gian phát hành xuất bản phẩm, sản phẩm thông tin có tính chất xuất bản phẩm trên không gian mạng cho người sử dụng tại Việt Nam được quy định như sau: a) Lưu giữ thông tin, dữ liệu và bảo đảm khả năng xác định tổ chức, cá nhân phát hành xuất bản phẩm; cung cấp thông tin, dữ liệu theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật; b) Tuân thủ quy định tại điểm c khoản 5 Điều này; c) Có người đại diện theo quy định của pháp luật để tiếp nhận các yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để thực hiện quy định tại điểm c khoản 5 Điều này. 7. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân phát hành xuất bản phẩm điện tử không nhằm mục đích kinh doanh không thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này được quy định như sau: a) Tuân thủ các quy định tại khoản 5 Điều 45 của Luật này và pháp luật về sở hữu trí tuệ, an ninh mạng, giao dịch điện tử và quy định khác của pháp luật có liên quan; b) Không kinh doanh xuất bản phẩm điện tử dưới mọi hình thức;		

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
c) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung xuất bản phẩm do mình phát hành. 8. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân nhập khẩu xuất bản phẩm điện tử nhằm mục đích kinh doanh được quy định như sau: a) Trường hợp nhập khẩu xuất bản phẩm điện tử chứa trong thiết bị, phương tiện hoặc vật mang tin thì thực hiện theo quy định tại các điều 38, 39 và 51 của Luật này; trường hợp chỉ nhập khẩu quyền truy cập xuất bản phẩm điện tử, tệp điện tử mang nội dung xuất bản phẩm thì thực hiện theo quy định tại Điều 51 của Luật này; b) Báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo quy định hoặc khi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền; tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật xuất bản do cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản tổ chức; c) Không nhập khẩu xuất bản phẩm có nội dung quy định tại khoản 1 Điều 10 của Luật này, xuất bản phẩm không có hóa đơn, chứng từ thể hiện nguồn gốc hợp pháp hoặc bị đình chỉ phát hành, thu hồi, tịch thu, cấm lưu hành, tiêu hủy; d) Tổ chức thẩm định nội dung xuất bản phẩm nhập khẩu; lưu giữ hồ sơ, kết quả thẩm định; thông báo kết quả thẩm định và thời điểm dự kiến phát hành xuất bản phẩm; quyết định việc phát hành		

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
xuất bản phẩm; đ) Lưu giữ, xuất trình, cung cấp hồ sơ, tài liệu, giấy tờ và chấp hành các quyết định xử lý có liên quan đến hoạt động nhập khẩu xuất bản phẩm điện tử của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền; e) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của thông tin thông báo, kết quả thẩm định, quyết định phát hành và tính hợp pháp của xuất bản phẩm điện tử nhập khẩu.		
Điều 51. Nhập khẩu xuất bản phẩm điện tử 1. Nhập khẩu xuất bản phẩm điện tử được thực hiện dưới các hình thức sau đây: a) Nhập khẩu quyền truy cập xuất bản phẩm điện tử, tệp điện tử mang nội dung xuất bản phẩm để cung cấp cho người sử dụng tại Việt Nam; b) Nhập khẩu xuất bản phẩm điện tử được chứa trong thiết bị, phương tiện hoặc vật mang tin; c) Các hình thức nhập khẩu khác. 2. Xuất bản phẩm điện tử nhập khẩu phải có nguồn gốc hợp pháp, bảo đảm quyền khai thác hợp pháp và không có nội dung vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 10 của Luật này và quy định khác của	**Điều 20. Nhập khẩu xuất bản phẩm điện tử để kinh doanh** 1. Cơ sở phát hành có giấy phép hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm theo quy định tại Điều 14 của Nghị định này được nhập khẩu xuất bản phẩm điện tử để kinh doanh. 2. Hoạt động nhập khẩu xuất bản phẩm điện tử để kinh doanh thực hiện theo quy định sau đây: a) Trước khi nhập khẩu xuất bản phẩm điện tử trong thiết bị lưu trữ dữ liệu, cơ sở nhập khẩu xuất bản phẩm phải đăng ký nhập khẩu theo quy định tại Điều 39 Luật Xuất bản; trường hợp nhập khẩu qua mạng Internet thì phải lập danh mục xuất bản phẩm đã được nhập khẩu và đăng ký với Bộ Thông	**Điều 57. Nhập khẩu xuất bản phẩm điện tử**[55] 1. Các hình thức nhập khẩu xuất bản phẩm điện tử quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 51 của Luật được thực hiện như sau: a) Nhập khẩu quyền truy cập xuất bản phẩm điện tử được thực hiện thông qua việc tiếp nhận từ tổ chức, cá nhân ở nước ngoài quyền truy cập một hoặc nhiều xuất bản phẩm điện tử để cung cấp cho người sử dụng tại Việt Nam theo tài khoản, số lượng người sử dụng, thời hạn sử dụng hoặc phạm vi truy cập được xác định trong thỏa thuận với bên cung cấp; b) Nhập khẩu tệp điện tử mang nội dung xuất bản phẩm được thực hiện thông qua việc tiếp nhận

[55] *Đối chiếu: Quy định chi tiết khoản 4 Điều 51 của Luật về nhập khẩu xuất bản phẩm điện tử.*

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
pháp luật có liên quan. 3. Tổ chức, cá nhân nhập khẩu phải bảo đảm khả năng xác định, quản lý, lưu trữ hoặc truy xuất xuất bản phẩm điện tử nhập khẩu phục vụ việc thẩm định, thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật. 4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.	tin và Truyền thông chậm nhất 10 ngày trước khi phát hành, kèm theo bản sao hợp đồng nhập khẩu hoặc chứng từ thanh toán; b) Cơ sở nhập khẩu xuất bản phẩm điện tử phải tổ chức thẩm định nội dung xuất bản phẩm điện tử nhập khẩu trước khi phát hành theo quy định tại Điều 16 Nghị định này.	tệp từ tổ chức, cá nhân ở nước ngoài qua mạng hoặc phương thức truyền dữ liệu điện tử khác để cung cấp cho người sử dụng tại Việt Nam; c) Nhập khẩu xuất bản phẩm điện tử chứa trong thiết bị, phương tiện hoặc vật mang tin được thực hiện thông qua việc đưa thiết bị, phương tiện hoặc vật mang tin có chứa xuất bản phẩm điện tử từ nước ngoài vào Việt Nam. 2. Xuất bản phẩm điện tử nhập khẩu có nguồn gốc hợp pháp phải đáp ứng các yêu cầu sau đây: a) Xác định được tên xuất bản phẩm, tổ chức hoặc cá nhân xuất bản, bên cung cấp và nguồn cung cấp xuất bản phẩm điện tử; b) Được cung cấp bởi chủ thể có quyền cung cấp hợp pháp; không có nguồn gốc từ việc sao chép, chiếm đoạt, truy cập hoặc cung cấp trái pháp luật; c) Có tài liệu hoặc thông tin có thể kiểm chứng để xác định nguồn gốc và việc tiếp nhận xuất bản phẩm điện tử, phù hợp với hình thức nhập khẩu, gồm một hoặc nhiều loại sau đây: hợp đồng, thỏa thuận cung cấp, hóa đơn, chứng từ giao dịch, xác nhận cấp quyền truy cập, thông tin giao nhận tệp điện tử, điều kiện sử dụng công bố bởi chủ thể có quyền cung cấp hoặc tài liệu, thông tin khác có giá trị chứng minh tương đương.

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
		3. Việc bảo đảm quyền khai thác hợp pháp đối với xuất bản phẩm điện tử nhập khẩu được thực hiện như sau: a) Tổ chức, cá nhân nhập khẩu phải có quyền khai thác tương ứng với mục đích, phương thức sử dụng xuất bản phẩm điện tử tại Việt Nam trên cơ sở quyền của mình, sự cho phép của chủ thể có quyền hoặc trường hợp được sử dụng không phải xin phép theo pháp luật về sở hữu trí tuệ; b) Trường hợp khai thác theo sự cho phép của chủ thể có quyền, tài liệu xác lập quyền khai thác phải thể hiện được xuất bản phẩm hoặc danh mục xuất bản phẩm được khai thác, hành vi khai thác được phép, phạm vi lãnh thổ, thời hạn và các giới hạn sử dụng tương ứng. Việc cung cấp quyền truy cập, sao chép, phân phối, truyền đạt đến công chúng hoặc cho phép bên khác khai thác chỉ được thực hiện trong phạm vi quyền được xác lập; c) Trường hợp khai thác không phải xin phép theo pháp luật về sở hữu trí tuệ, tổ chức, cá nhân nhập khẩu phải xác định được căn cứ áp dụng và tuân thủ các điều kiện, giới hạn tương ứng; d) Việc mua, tiếp nhận tệp điện tử, thiết bị, phương tiện, vật mang tin hoặc quyền truy cập không mặc nhiên làm phát sinh quyền sao chép,

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
		phân phối, truyền đạt đến công chúng hoặc cung cấp lại quyền truy cập ngoài phạm vi được phép. 4. Tổ chức, cá nhân nhập khẩu phải bảo đảm khả năng xác định, quản lý, lưu trữ hoặc truy xuất xuất bản phẩm điện tử nhập khẩu theo các yêu cầu sau đây: a) Xác định được từng xuất bản phẩm điện tử nhập khẩu thông qua tên xuất bản phẩm, tác giả nếu có, tổ chức hoặc cá nhân xuất bản, ngôn ngữ, phiên bản và mã định danh nếu có; xác định được bên cung cấp, nguồn cung cấp, thời điểm tiếp nhận và hình thức nhập khẩu; b) Quản lý được danh mục xuất bản phẩm điện tử nhập khẩu, phạm vi quyền khai thác và tình trạng cung cấp, sử dụng; đối với nhập khẩu quyền truy cập theo gói hoặc cơ sở dữ liệu có thay đổi nội dung, phải xác định được danh mục và phiên bản xuất bản phẩm tại thời điểm cung cấp cho người sử dụng; c) Lưu giữ tài liệu, thông tin chứng minh nguồn gốc hợp pháp và quyền khai thác hợp pháp; bảo đảm các tài liệu, thông tin này đầy đủ, có thể tra cứu và đối chiếu với xuất bản phẩm điện tử tương ứng; d) Lưu trữ nội dung xuất bản phẩm điện tử hoặc có phương án truy xuất nội dung phù hợp với hình

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
		thức nhập khẩu và phạm vi quyền khai thác, bảo đảm có thể tiếp cận đầy đủ, đọc, nghe hoặc xem được nội dung phục vụ việc thẩm định, thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm. Trường hợp chỉ nhập khẩu quyền truy cập, không được phép lưu giữ bản sao nội dung, tổ chức, cá nhân nhập khẩu phải có thỏa thuận hoặc giải pháp với bên cung cấp để bảo đảm khả năng truy xuất nội dung, phiên bản đã cung cấp tại Việt Nam phục vụ các hoạt động nêu trên theo quy định của pháp luật; đ) Có biện pháp bảo vệ tính toàn vẹn của nội dung được lưu trữ và thông tin quản lý; ghi nhận việc thay đổi phiên bản, thay thế hoặc ngừng cung cấp xuất bản phẩm điện tử để phục vụ việc đối chiếu, xác minh; e) Cung cấp tài liệu, thông tin và phương tiện truy xuất cần thiết theo yêu cầu hợp pháp của cơ quan, người có thẩm quyền; việc cung cấp phải đúng phạm vi yêu cầu, bảo đảm an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu cá nhân theo quy định của pháp luật. 5. Việc thông báo điều chỉnh, chấm dứt hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm điện tử được thực hiện theo Điều 45 của Nghị định này; việc điều chỉnh, hủy bỏ danh mục xuất bản phẩm

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
		điện tử nhập khẩu đã thông báo thực hiện theo Điều 46 của Nghị định này. Ngoài nội dung đã thông báo thực hiện theo Điều 46 của Nghị định này, thông báo điều chỉnh phải xác định hình thức nhập khẩu, phạm vi quyền khai thác thay đổi hoặc chấm dứt, phương án xử lý tệp điện tử và quyền truy cập đã cung cấp. 6. Khi chấm dứt việc cung cấp xuất bản phẩm điện tử nhập khẩu, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm giải quyết quyền truy cập đã xác lập hợp pháp của người sử dụng, lưu giữ tài liệu chứng minh nguồn gốc, quyền khai thác và bảo đảm khả năng truy xuất theo khoản 4 Điều này. Trường hợp đồng thời chấm dứt hoạt động phát hành xuất bản phẩm điện tử, thực hiện quy định tại Điều 55 của Nghị định này; được sử dụng một thông báo chung theo điểm c khoản 9 Điều 3 của Nghị định này. 7. Việc nhập khẩu xuất bản phẩm điện tử quy định tại Điều 51 của Luật và Điều này không nhằm mục đích kinh doanh thực hiện theo quy định tại Điều 42 của Luật. 8. Xuất bản phẩm điện tử nhập khẩu quy định tại khoản 7 Điều này sau khi sử dụng phải thực hiện như sau: a) Đối với trường hợp nhập khẩu quyền truy cập, tệp điện tử của xuất bản phẩm thì phải chấm dứt

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
		quyền truy cập hoặc có phương án xử lý tệp điện tử sau khi sử dụng; b) Đối với trường hợp nhập khẩu xuất bản phẩm điện tử chứa trong thiết bị, phương tiện hoặc vật mang tin được thực hiện thông qua việc đưa thiết bị, phương tiện hoặc vật mang tin có chứa xuất bản phẩm điện tử thì phải tái xuất hoặc chuyển giao theo quy định tại Điều 49 của Nghị định này.
Điều 52. Quy định chi tiết về xuất bản và phát hành xuất bản phẩm điện tử Chính phủ quy định chi tiết hoạt động xuất bản và phát hành xuất bản phẩm điện tử phù hợp với từng giai đoạn phát triển công nghệ.		Các nội dung quy định chi tiết hoạt động điện tử được đặt tại nhóm đối chiếu Điều 4 (Điều 2 dự thảo), Điều 45 (Điều 51 đến Điều 55 dự thảo), Điều 46 (Điều 56 dự thảo), Điều 51 (Điều 57 dự thảo); nội dung liên quan thông tin, lưu chiểu đặt tại nhóm Điều 27, Điều 28 của Luật.
Chương VI **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH** **Quy định chuyển tiếp cần theo dõi (điểm c khoản 3 Điều 3 Luật số 17/2026/QH16):** c) Giấy phép thành lập nhà xuất bản, giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm, giấy xác nhận đăng ký hoạt động xuất bản điện tử, chứng chỉ hành nghề biên tập được cấp trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành		**Chương VI** **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH** **Điều 58. Hiệu lực thi hành**[56] 1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 3 năm 2027, trừ quy định tại khoản 2 Điều này.

[56] *Đối chiếu: Hướng dẫn thi hành khoản 1 và khoản 2 Điều 3 của Luật số 17/2026/QH16 về hiệu lực thi hành.*

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
thì được tiếp tục sử dụng; trường hợp quy định của Luật này có yêu cầu, điều kiện, tiêu chuẩn khác với Luật Xuất bản số 19/2012/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 35/2018/QH14 và Luật số 112/2025/QH15 (sau đây gọi là Luật Xuất bản số 19/2012/QH13) thì cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan phải bổ sung, đáp ứng đủ các yêu cầu, điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của Luật này trong thời hạn do Chính phủ quy định nhưng không quá 12 tháng kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành và thực hiện cấp lại đối với giấy phép, giấy xác nhận, chứng chỉ;		2. Điểm d khoản 1 Điều 39, Điều 40, Điều 41 và Điều 42 của Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2029. 3. Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản, đã được sửa đổi, bổ sung, hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, trừ các quy định được tiếp tục áp dụng theo khoản 1 Điều 59 của Nghị định này.
		Điều 59. Quy định chuyển tiếp[57] 1. Kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2028, việc in gia công xuất bản phẩm cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tiếp tục thực hiện theo quy định tại Điều 34 của Luật Xuất bản số 19/2012/QH13 và quy định của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành. 2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc trường hợp quy định tại điểm c khoản 3 Điều 3 của Luật số

[57] *Đối chiếu: Quy định chi tiết điểm c khoản 3 Điều 3 của Luật số 17/2026/QH16; hướng dẫn thi hành các quy định chuyển tiếp tại khoản 3 Điều 3 của Luật số 17/2026/QH16.*

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
		17/2026/QH16 phải bổ sung, đáp ứng đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của Luật và Nghị định này trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2027. 3. Trong thời hạn quy định tại khoản 2 Điều này, cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện cấp lại giấy phép, giấy xác nhận, chứng chỉ theo điểm c khoản 3 Điều 3 của Luật số 17/2026/QH16. Hồ sơ gồm đơn hoặc văn bản đề nghị theo mẫu quy định tại Điều 6 của Nghị định này và tài liệu chứng minh đã đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn mới tương ứng. Trình tự, thủ tục cấp lại giấy phép thành lập nhà xuất bản, chứng chỉ hành nghề biên tập, giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm thực hiện tương ứng theo Điều 14, Điều 22 và Điều 37 của Nghị định này; việc cấp lại giấy xác nhận đăng ký hoạt động xuất bản xuất bản phẩm điện tử thực hiện theo Điều 52 của Nghị định này. 4. Việc giải quyết hồ sơ đã tiếp nhận; tiếp tục sử dụng giấy phép, văn bản, giấy xác nhận; miễn thông báo hoạt động đối với chủ thể đã được cấp giấy phép, giấy xác nhận; bổ sung yêu cầu, tiêu chuẩn; chuyển giao hồ sơ, tài liệu, dữ liệu và thực hiện thủ tục đối với chi nhánh, địa điểm kinh doanh được thực hiện theo các điểm a, b, d, đ, e, g, h, i và k khoản 3 Điều 3 của Luật số 17/2026/QH16.

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
Điều 53. Hiệu lực thi hành Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2013 và thay thế Luật Xuất bản số 30/2004/QH11 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2008/QH12.		Điều 58 dự thảo được đặt toàn văn ở nhóm quy định thi hành Luật số 17/2026/QH16 ngay trên.
Điều 54. Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Chính phủ, cơ quan có thẩm quyền quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành các Điều, khoản được giao trong Luật.		**Điều 60. Trách nhiệm thi hành** [58] Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.
	Chương V **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH** **Điều 24. Hiệu lực thi hành** 1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2014. 2. Kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, các văn bản quy phạm pháp luật và quy định sau đây hết hiệu lực:	Điều 58 dự thảo được đặt toàn văn ở nhóm quy định thi hành Luật số 17/2026/QH16; cột Nghị định số 195/2013/NĐ-CP được giữ theo bản gốc.

[58] *Đối chiếu: Hướng dẫn thi hành khoản 2 Điều 6 và Điều 54 của Luật về trách nhiệm tổ chức thi hành.*

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
	a) Nghị định số 111/2005/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xuất bản; b) Nghị định số 11/2009/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 111/2005/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xuất bản; c) Nghị định số 110/2010/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2010 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 111/2005/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xuất bản đã được sửa đổi, bổ sung bằng Nghị định số 11/2009/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ; d) Điều 1 Nghị định số 72/2011/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 111/2005/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xuất bản đã được sửa đổi, bổ sung bằng Nghị định số 11/2009/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2009 và Nghị định số 105/2007/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ về hoạt động in các sản phẩm không phải là xuất bản phẩm.	

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
	Điều 25. Cấp đổi giấy phép trong hoạt động xuất bản và đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm 1. Trong thời hạn 18 tháng, kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, cơ quan chủ quản nhà xuất bản phải làm thủ tục đề nghị cấp đổi giấy phép thành lập nhà xuất bản. 2. Trong thời hạn 12 tháng, kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, cơ sở in xuất bản phẩm, cơ sở nhập khẩu xuất bản phẩm, văn phòng đại diện tại Việt Nam của nhà xuất bản nước ngoài, của tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài phải làm thủ tục đề nghị cấp đổi giấy phép hoạt động, giấy phép thành lập. 3. Trong thời hạn 12 tháng, kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, cơ sở phát hành xuất bản phẩm và tổ chức, cá nhân hoạt động phát hành xuất bản phẩm điện tử phải làm thủ tục đăng ký hoạt động. 4. Việc cấp đổi giấy phép thành lập, giấy phép hoạt động và đăng ký hoạt động phải tuân thủ quy định của Luật Xuất bản, Nghị định này và các quy định pháp luật có liên quan. Chứng chỉ hoặc giấy chứng nhận bồi dưỡng kiến thức quản lý về in đã được cấp cho người đứng đầu cơ sở in trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi	Điều 59 dự thảo được đặt toàn văn ở nhóm quy định chuyển tiếp của Luật số 17/2026/QH16.

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
	hành được sử dụng để làm thủ tục cấp đổi giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm.	
	Điều 26. Trách nhiệm thi hành Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, tổ chức liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.	Điều 60 dự thảo được đặt toàn văn ở hàng Điều 54 của Luật.
		PHỤ LỤC *(Kèm theo Nghị định số .../2027/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2027 của Chính phủ)* **DANH MỤC** **tác phẩm, tài liệu nhà xuất bản phải thẩm định bản thảo trước khi đăng ký kế hoạch xuất bản theo quy định tại khoản 1 Điều 24 của Luật**
		1. Về lãnh tụ, lãnh đạo đất nước a) Tác phẩm, tài liệu nghiên cứu, biên soạn, khảo cứu, tiểu sử, hồi ký, tự truyện, ký sự, truyện ký có nội dung đánh giá, nhận định, diễn giải hoặc công bố thông tin, tư liệu mới về thân thế, cuộc đời, sự nghiệp, tư tưởng, quan điểm, hoạt động cách mạng, hoạt động chính trị, công lao, đóng góp của

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
		Chủ tịch Hồ Chí Minh và các lãnh tụ, lãnh đạo chủ chốt của Đảng, Nhà nước qua các thời kỳ; b) Tác phẩm, tài liệu công bố bài viết, bài nói, thư, điện, nhật ký, bút tích hoặc tư liệu của các nhân vật nêu tại điểm a mục này chưa được cơ quan có thẩm quyền công bố chính thức; tác phẩm, tài liệu chú giải, phân tích các tài liệu đó có nhận định, đánh giá mới về nhân vật; c) Tác phẩm văn học, nghệ thuật sử dụng các nhân vật nêu tại điểm a mục này làm nhân vật trung tâm hoặc có vai trò chi phối nội dung, trong đó hư cấu, tái hiện lời nói, hành động, sự kiện, tình tiết liên quan đến thân thế, sự nghiệp, tư tưởng hoặc hoạt động của nhân vật.
		2. Về lịch sử cách mạng Việt Nam a) Tác phẩm, tài liệu nghiên cứu, khảo cứu, tổng kết, hồi ký, ký sự, tư liệu lịch sử có nội dung phân tích, đánh giá, giải thích hoặc kết luận về sự kiện, giai đoạn, phong trào, tổ chức, nhân vật trong lịch sử cách mạng Việt Nam; lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước Việt Nam từ Cách mạng Tháng Tám năm 1945, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội; b) Tác phẩm, tài liệu nghiên cứu, đánh giá về khởi nghĩa, chiến tranh cách mạng, kháng chiến,

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
		đấu tranh giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc; chiến dịch, trận đánh, sự kiện chính trị, quân sự, ngoại giao gắn với tiến trình cách mạng Việt Nam; c) Tác phẩm, tài liệu về lịch sử lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị, tổ chức, cá nhân gắn với lịch sử cách mạng Việt Nam, có nội dung đánh giá chủ trương, quyết định, diễn biến, kết quả, nguyên nhân hoặc trách nhiệm đối với sự kiện lịch sử; d) Tác phẩm, tài liệu công bố tư liệu mới, đánh giá lại hoặc giải thích khác với kết luận đã được cơ quan có thẩm quyền công bố về sự kiện, giai đoạn, tổ chức, nhân vật trong lịch sử cách mạng Việt Nam; đ) Tác phẩm văn học, nghệ thuật lấy sự kiện lịch sử cách mạng hoặc nhân vật có thật trong lịch sử cách mạng Việt Nam làm nội dung chính, có hư cấu, tái hiện hoặc diễn giải về bản chất, ý nghĩa của sự kiện hoặc vai trò của nhân vật.
		3. Về chủ quyền quốc gia a) Tác phẩm, tài liệu nghiên cứu, phân tích, giải thích, đánh giá về quá trình xác lập, thực thi, bảo vệ chủ quyền quốc gia; biên giới, lãnh thổ, vùng trời, biển, đảo; quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia của Việt Nam;

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
		b) Tác phẩm, tài liệu nghiên cứu, giải thích hoặc đánh giá các vấn đề lịch sử, pháp lý về Hoàng Sa, Trường Sa, đường biên giới quốc gia, mốc quốc giới và các khu vực liên quan đến chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia của Việt Nam; c) Tác phẩm, tài liệu phân tích, chú giải điều ước quốc tế, thỏa thuận, văn kiện, bản đồ, tư liệu lịch sử, pháp lý liên quan trực tiếp đến việc xác lập, thực thi, bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia của Việt Nam; d) Bản đồ, tập bản đồ và tác phẩm, tài liệu có sơ đồ, hình ảnh, ký hiệu hoặc dữ liệu địa lý thể hiện đường biên giới quốc gia, phạm vi lãnh thổ, biển, đảo hoặc phạm vi chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia của Việt Nam; đ) Tác phẩm, tài liệu so sánh, tranh luận, đánh giá yêu sách, quan điểm hoặc chứng cứ lịch sử, pháp lý của Việt Nam và các quốc gia, chủ thể khác liên quan đến chủ quyền, biên giới, lãnh thổ, biển, đảo.
		4. Về anh hùng dân tộc a) Tác phẩm, tài liệu nghiên cứu, khảo cứu, tiểu sử, truyện ký, hồi ký hoặc tài liệu lịch sử có nội dung đánh giá, nhận định về thân thế, sự nghiệp,

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
		công lao, vai trò, đóng góp của anh hùng dân tộc trong lịch sử dựng nước và giữ nước; b) Tác phẩm, tài liệu công bố tư liệu mới hoặc đưa ra nhận định, đánh giá mới về nguồn gốc, thân thế, sự nghiệp, hành trạng, công lao hoặc sự kiện lịch sử gắn trực tiếp với anh hùng dân tộc; c) Tác phẩm văn học, nghệ thuật sử dụng anh hùng dân tộc có thật làm nhân vật trung tâm, có hư cấu, tái hiện lời nói, hành động hoặc tình tiết liên quan đến thân thế, sự nghiệp, công lao, phẩm chất của nhân vật.
		5. Về an ninh quốc gia a) Tác phẩm, tài liệu nghiên cứu, tổng kết, phân tích về chủ trương, phương thức, biện pháp, tổ chức, lực lượng hoặc hoạt động bảo vệ an ninh quốc gia; b) Tác phẩm, tài liệu phân tích, đánh giá những vấn đề trực tiếp liên quan đến bảo vệ an ninh quốc gia trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng, thông tin, an ninh mạng và các lĩnh vực khác theo pháp luật về an ninh quốc gia; c) Tác phẩm, tài liệu công bố, mô tả hoặc đánh giá về tổ chức, lực lượng, phương thức, biện pháp nghiệp vụ; vụ án, vụ việc, chuyên án hoặc hoạt động đấu tranh bảo vệ an ninh quốc gia;

LUẬT XUẤT BẢN HỢP NHẤT SỐ 165/2026/VBHN-LQ-VPQH	NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP (VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BTTTT)	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
		d) Hồi ký, ký sự, tài liệu của người đã hoặc đang công tác trong cơ quan, lực lượng thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, có nội dung trực tiếp về tổ chức, hoạt động, phương thức, biện pháp bảo vệ an ninh quốc gia.